

TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22/12/1989 - 22/12/2019) VÀ 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22/12/1944 - 22/12/2019)

Ngày 17/10/1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) đã ra Chỉ thị số 381-CT/TW quyết định lấy ngày 22/12 - Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam là Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Ngày 22/12/1989, lần đầu Ngày hội Quốc phòng toàn dân được tổ chức tại tất cả các địa phương trong cả nước. Từ đó đến nay, ngày 22/12 đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân tộc với các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2019) và 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944- 22/12/2019), Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam biên soạn Tài liệu tuyên truyền về sự kiện. Nội dung tài liệu gồm ba phần chính:

Phần thứ nhất: 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2019).

Phần thứ hai: Quân đội nhân dân Việt Nam - 75 năm xây dựng, phát triển, chiến đấu và chiến thắng (22/12/1944 - 22/12/2019).

Phần thứ ba: Đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Đây là tài liệu chính thức dùng để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong quân đội và nhân dân.

Phần thứ nhất

30 NĂM THỰC HIỆN NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22/12/1989 - 22/12/2019)

1. Tư tưởng quốc phòng toàn dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam

a) Tư tưởng toàn dân đánh giặc giữ nước của các triều đại phong kiến Việt Nam

Trong điều kiện phải chống lại những thế lực xâm lược hung bạo, hiếu chiến, có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh hơn rất nhiều lần, bằng trí tuệ và tài thao lược, ông cha ta đã biết quy tụ, động viên, khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân, của cả dân tộc vào công cuộc đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Điều đó được thể hiện rất rõ trong thực hiện chủ trương “cử quốc nghênh địch” (cả nước đánh giặc), mà tư tưởng cốt lõi, bao trùm là quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở tư tưởng “cử quốc nghênh địch”, toàn dân giữ nước, ông cha ta luôn chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, nhất là quân đội tinh nhuệ làm nòng cốt của sức mạnh giữ nước. Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh, thực hiện chủ trương toàn dân đánh giặc, dân tộc ta đã chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững độc lập, tự chủ; đồng thời cũng chỉ ra những bài học đắt giá cho sự xa dân, không dựa vào dân để giữ nước.

Trong cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên của dân tộc ta vào cuối thế kỷ thứ III trước Công nguyên, nước Văn Lang với tổng dân số khoảng 1 triệu người đã phải đương đầu với phần lớn đội quân 50 vạn người mà đế chế Tần huy động tiến vào chinh phục các bộ tộc Bách Việt. Trong cuộc kháng chiến này, các thủ lĩnh Âu Việt và Lạc Việt đã biết dựa vào sức mạnh của nhân dân, của cộng đồng để đánh giặc và giành thắng lợi; từ đó cho thấy sức mạnh to lớn của nhân dân, bước đầu hình thành tư tưởng coi dân là cội nguồn của sức mạnh giữ nước.

Ở thời An Dương Vương, Nhà nước Âu lạc ra đời với đất đai rộng lớn hơn, dân cư đông đúc hơn. Đó là sự phát triển lên một mức cao hơn so với Nhà nước Văn Lang, đánh dấu một bước trưởng thành về ý thức dân tộc, của tinh thần đoàn kết và quyết tâm giữ nước của nhân dân ta. Kinh đô của đất nước được dời từ Phong Châu (Phú Thọ) về Cổ Loa (Hà Nội) - vùng đồng bằng rộng lớn đang được khai phá, có nhiều sông, hồ bao quanh và đông dân cư. Trước nguy cơ ngoại xâm, Nhà nước Âu

Lạc đã chú trọng xây dựng lực lượng quân sự, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước. Theo sử sách, quân đội thường trực của An Dương Vương có đến hơn một vạn người, được tổ chức thành quân bộ và quân thủy, thường xuyên luyện tập; ngoài ra còn có lực lượng dân binh của các làng chạ ở khắp nơi. Quân đội Âu Lạc được trang bị khá tốt, vũ khí tăng về số lượng và phong phú về loại hình. Đặc biệt, thời Âu Lạc đã sáng chế ra loại nỏ bắn một lần được nhiều phát tên, mà truyền thuyết gọi là “nỏ thần”. Cùng với việc tăng cường lực lượng, chế tạo vũ khí, An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa kiên cố, quy mô lớn, có chiều rộng và chiều sâu để phòng thủ đất nước.

Do xây dựng lực lượng quốc phòng khá hùng mạnh, có thành trì vững chắc, có vũ khí lợi hại, giai đoạn đầu, Nhà nước Âu Lạc đã đập tan các cuộc tiến công xâm lược của quân Triệu. Tuy nhiên, cũng từ những chiến thắng đó đã làm cho An Dương Vương có những sai lầm trong nhận thức và thay đổi quan niệm chỉ đạo chiến tranh; từ chỗ dựa vào dân sang xa rời dân, ỷ vào thành trì kiên cố và vũ khí lợi hại. Tiếp đó, An Dương Vương còn phạm nhiều sai lầm khiến cho nội bộ triều đình bất hòa, nhân dân oán trách, vua càng xa dân, không phát động được toàn dân đánh giặc nên đã bị thất bại. Sai lầm nghiêm trọng ấy làm cho dân tộc ta bị mất nước, phải liên tục đấu tranh kiên cường, bền bỉ hơn một nghìn năm mới giành lại được độc lập, chủ quyền.

Hơn một nghìn năm Bắc thuộc, dân tộc ta không cam chịu làm nô lệ, đã vùng lên đấu tranh quyết liệt chống lại tham vọng bành trướng và dã tâm đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc. Trải qua hơn một nghìn năm đấu tranh bền bỉ, kiên cường, nhân dân ta đã giành lại được non sông đất nước và độc lập tự chủ, bảo vệ được bản sắc văn hóa dân tộc, không bị phong kiến phương Bắc đồng hóa. Trong thời kỳ này, dân tộc ta tuy mất nước nhưng không mất làng, mất đất nhưng không mất dân, sức mạnh to lớn để giữ nước là ở trong dân. Tất cả các cuộc khởi nghĩa của dân tộc ta trong thời kỳ này đều động viên được sức mạnh của nhân dân, phát triển lực lượng và thế trận giữ nước của toàn dân để giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự chủ.

Cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo nổ ra vào mùa Xuân năm 40 sau Công nguyên là điển hình đầu tiên về một cuộc khởi nghĩa toàn dân chống xâm lược. Khi cờ khởi nghĩa dấy lên ở đất Hát Môn, các lực lượng yêu nước ở khắp các miền trên cả nước đều hưởng ứng kéo về, chung sức đánh giặc, trong đó có nhiều thủ lĩnh ở các địa phương cùng những chàng trai khỏe mạnh, yêu nước và đông đảo các nữ tướng tài năng, dũng cảm. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thực chất là một cuộc đồng khởi của toàn dân trên phạm vi cả nước. Với sức mạnh của dân chúng cả nước, chỉ trong hơn một tháng, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã đập tan ách đô

hộ của nhà Đông Hán, khôi phục nền độc lập, tự chủ của đất nước và giữ được chính quyền trong ba năm.

Khởi nghĩa Lý Bí (542 - 544) cũng là một điển hình về sự tham gia của nhân dân. Cuộc khởi nghĩa đã thu hút được đông đảo nhân dân và hào kiệt ở nhiều nơi nổi dậy hưởng ứng. Chính bằng sức mạnh của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nghĩa quân đã nhanh chóng quét sạch bọn quan lại đô hộ nhà Lương về nước và đánh bại các cuộc phản kích của chúng.

Cùng với việc xây dựng và bảo vệ chính quyền tự chủ sau thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, những người lãnh đạo đất nước đều chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là quân thường trực. Đội quân thường trực của Nhà nước Vạn Xuân (thế kỷ thứ VI) có lúc lên tới vài vạn người. Nhưng nhìn chung quân đội ở thời kỳ này còn hạn chế về tổ chức và trang bị, lại phải đối phó với những đội quân xâm lược phương Bắc được tổ chức trang bị và huấn luyện kỹ của các đế chế Đông Hán, Lương, Tùy, Đường... nên tất cả các cuộc chiến tranh giữ nước của nhân dân ta trong thời kỳ này cuối cùng đều dẫn đến thất bại.

Đến thời nhà Ngô, Ngô Quyền đã chú trọng chăm lo xây dựng sức mạnh và tiềm lực quân sự, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân giữ nước thắng lợi. Năm 938, để đối phó với hàng vạn quân Nam Hán thiện chiến, Ngô Quyền đã khẩn trương xây dựng quân đội, nhất là thủy quân, trong đó đặc biệt chăm lo hun đúc lòng yêu nước, xây dựng tinh thần chiến đấu cao và rèn luyện kỹ năng chiến đấu của quân đội, tài thao lược của tướng lĩnh, đồng thời động viên được lực lượng dân binh và đông đảo nhân dân tham gia đánh giặc, nhờ đó đã đánh tan quân xâm lược ngay ở cửa ngõ của đất nước bằng trận quyết chiến chiến lược trên sông Bạch Đằng, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập và phát triển.

Tư tưởng dựa vào dân và huy động sức dân để tiến hành chiến tranh giữ nước được tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong các triều đại phong kiến tự chủ. Năm 968, sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, cùng với việc xưng đế, định đô mới ở Hoa Lư (Ninh Bình), đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập niên hiệu là Thái Bình, Đinh Bộ Lĩnh xây dựng một quân đội chính quy bao gồm 10 đạo có phiên chế: “Mỗi đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ, mỗi ngũ có 10 người, đầu đội mũ bình đỉnh vuông bốn góc”[1]. Nếu tính theo phiên chế như trên thì lực lượng quân sự đông tới một triệu người; đây là một số lượng quá lớn, không chính xác, nhưng cũng phản ánh quân đội thời Đinh có số lượng rất đông, được tổ chức chặt chẽ. Ngoài quân của triều đình còn có dân binh ở các hương, giáp, xã có nhiệm vụ canh phòng, bảo vệ cuộc sống yên bình của cư dân. Tổ chức “quân 10

đạo” của Nhà nước Đại Cồ Việt tồn tại trong hòa bình giữ nước được khoảng 10 năm thì gặp thử thách trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất vào cuối năm 980, đầu năm 981.

Thời Tiền Lê, nêu cao tư tưởng dựa vào sức mạnh của dân để tổ chức kháng chiến, Lê Hoàn đã kịp thời động viên dân chúng cả nước, huy động sức mạnh vật chất và tinh thần của cả dân tộc để phòng thủ đất nước. Năm 981, khi quân Tống xâm lược, quân và dân Đại Cồ Việt dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn đã chặn đứng quân địch ở cửa ải Chi Lăng và cửa sông Bạch Đằng, làm cho các cánh quân thủy, bộ của địch bị tổn thất nặng nề, buộc nhà Tống phải ra lệnh bãi binh, rút quân về nước.

Đến thế kỷ XI, nhà Lý đã xây dựng lực lượng vũ trang khá hùng mạnh, đặc biệt là thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông” (gửi binh ở nông) - một phương thức dựa vào nhân dân, gắn bó với nhân dân để tổ chức lực lượng vũ trang phòng giữ đất nước. Trong hơn 200 năm tồn tại, nhà Lý đã từng bước xây dựng, hoàn thiện lực lượng vũ trang ba thứ quân: quân trung ương (gồm cấm quân, túc vệ quân và sương quân); quân địa phương ở các lộ, phủ và dân binh, thổ binh; ngoài ra còn có quân của các vương hầu - phủ binh hoặc gia binh. Trong thời bình, sương quân và quân địa phương luân phiên nhau về làm ruộng theo chính sách “ngụ binh ư nông”. Các chế độ tuyển quân, nuôi quân, luyện quân trở thành nền nếp, sớm xác lập một nền giáo dục quân sự để đào tạo ra nhiều tướng lĩnh chỉ huy quân đội và nhân tài quân sự. Đáng chú ý là cùng với việc xây dựng Văn Miếu và mở Quốc Tử Giám làm nơi học tập cho con em tầng lớp quý tộc, nhà Lý đã xây dựng Xạ Đình để võ quan luyện tập cách đánh, tổ chức Điện Giảng Võ làm nơi nhà vua, các vương hầu và tướng lĩnh học tập binh thư, nghiên cứu binh pháp.

Nhà Lý còn có chính sách “Viễn nhu” rất đặc biệt đối với miền núi, vùng biên giới, phong quan tước, gả công chúa và giao quyền “quản đất chăn dân” cho các tù trưởng. Qua đó đã phát huy vai trò của họ để tập hợp đồng bào dân tộc ít người gắn bó với nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Nhờ có lực lượng và thế trận giữ nước toàn dân được chăm lo xây dựng từ thời bình, chủ động chuyển hóa thành lực lượng và thế trận chiến tranh nhân dân khi có chiến tranh, nhà Lý đã thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (1075 - 1077). Trong cuộc tiến công các căn cứ xuất phát để xâm lược Đại Việt của nhà Tống ở các châu Ung - Khâm - Liêm, Lý Thường Kiệt đã chỉ huy phối hợp chặt chẽ tác chiến của quân đội với tác chiến của dân binh do các tù trưởng ở địa phương chỉ huy, trong đó phó tướng của Lý Thường Kiệt là tù trưởng Tông Đản trực tiếp chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương. Trong thời kỳ này, nước ta có khoảng 4 triệu dân và quân thường trực có khoảng 5 đến 7 vạn người, nhưng bằng tài thao

lược của Lý Thường Kiệt, đã đánh bại 30 vạn quân các loại do nhà Tống huy động để xâm lược Đại Việt.

Đến thế kỷ thứ XIII, XIV, nhà Trần tiếp tục phát triển chính sách “ngụ binh ư nông”, dựa vào dân để xây dựng lực lượng vũ trang, gồm quân chủ lực của triều đình; quân của các vương hầu, tôn thất; quân địa phương ở các lộ, phủ, châu và dân binh ở các bản làng; tổ chức Hội nghị Bình Than, Hội nghị Diên Hồng, thực hiện “Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước chung sức”. Nhờ đó liên tục trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, nhà Trần đã huy động được sức mạnh của cả nước và của toàn dân để đánh giặc. Trong thời kỳ này, với dân số khoảng 5 đến 6 triệu dân và quân thường trực lúc huy động cao nhất chỉ có khoảng 30 vạn người, nhưng quân và dân Đại Việt đã đánh tan trên một triệu lượt quân Mông - Nguyên qua ba cuộc kháng chiến (năm 1258 khoảng 3 vạn kỵ binh, năm 1285 khoảng 50 vạn quân, năm 1287 - 1288 khoảng 50 vạn quân). Những quan điểm rất tiến bộ của Trần Quốc Tuấn như: “Chúng chí thành thành” (tức là ý chí của nhân dân là thành trì vững chắc nhất), “Khoan thư sức dân, làm kẻ sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước” đã phản ánh sâu sắc tư tưởng vì dân và dựa vào dân để chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

Với quan điểm dựa vào sức mạnh của nhân dân và lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt để giữ nước, nhà Trần đã tổ chức các loại hình: quân chủ lực của triều đình - gồm cấm quân và sương quân; quân của các vương hầu, tôn thất - được tổ chức theo kế hoạch thống nhất của triều đình, thường ngày mang tính chất quân địa phương, khi được triều đình điều động thì trở thành bộ phận quan trọng của quân triều đình; quân địa phương của các lộ, phủ; lực lượng dân binh, thổ binh ở các làng bản. Trừ cấm quân là lực lượng thường trực, các loại quân khác đều luân phiên nhau về quê làm ruộng, gắn liền lao động sản xuất với sẵn sàng chiến đấu. Nhà Trần chủ trương xây dựng “Quân cốt tinh, không cốt nhiều”, đặc biệt coi trọng quyết tâm “Sát Thát”, sẵn sàng hy sinh vì nước và “Phải đạt được quân đội đồng lòng như cha con một nhà mới có thể dùng được” (Trần Quốc Tuấn); chú trọng xây dựng đội ngũ tướng lĩnh có phẩm chất và tài thao lược “binh lấy tướng làm gốc, quân lấy tướng làm chủ” (Binh thư yếu lược); đồng thời thường xuyên huấn luyện quân đội tinh thông võ nghệ, nắm vững binh pháp.

Đầu thế kỷ XV, Hồ Quý Ly đã có những cải cách mang ý nghĩa tích cực về kinh tế - xã hội, quan tâm củng cố quốc phòng. Với đường lối giữ nước chủ yếu dựa vào quân đội, Hồ Quý Ly đã huy động tới đa nhân lực để phát triển quân số của quân đội; đồng thời ông cho xây dựng thành lũy kiên cố, trang bị vũ khí mạnh, như súng “Thần cơ”, thuyền chiến “Cổ lâu thuyền”... Song, do vua quan nhà Hồ xa dân, không động viên được sức mạnh của toàn dân nên cuộc kháng

chiến của nhà Hồ nhanh chóng bị thất bại vào giữa năm 1407, đúng như lời nhận định của Hồ Nguyên Trừng, con trai Hồ Quý Ly: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo”. Công cuộc giữ nước của nhà Hồ thất bại, đất nước rơi vào sự đô hộ của nhà Minh.

Trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược (1418 - 1427), Lê Lợi - Nguyễn Trãi đã giương cao ngọn cờ nhân nghĩa, chăm lo xây dựng đồng bộ, gắn kết chặt chẽ các yếu tố cơ bản hợp thành tiềm lực và sức mạnh giữ nước: “Dân giàu, quốc phú, binh cường”, trong đó tư tưởng chủ đạo là “Lấy dân làm gốc”, đề cao sức mạnh to lớn của nhân dân trong dựng nước và giữ nước - “Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh xâm lược phát triển thành chiến tranh giải phóng, lực lượng nòng cốt là nghĩa quân phát triển thành quân đội (35 vạn người) kết hợp chặt chẽ với phong trào nổi dậy của quần chúng. Khi đất nước được giải phóng, nhà Lê tiếp tục phát triển chính sách “ngụ binh ư nông”, 25 vạn quân được về quê làm ruộng, binh lính được chia ruộng đất và thay phiên nhau sản xuất; tăng cường đại đoàn kết các dân tộc, các tù trưởng có công với nước được phong chức tước và được giao cai quản bản mường, cử thêm một số tướng giỏi ở miền xuôi lên trấn trị và trở thành những “phiên thần” ở biên giới phía Bắc.

Cùng với sự phát triển từ khởi nghĩa Lam Sơn đến chiến tranh giải phóng dân tộc, nghĩa quân của Lê Lợi - Nguyễn Trãi đã được xây dựng thành một quân đội có tổ chức chặt chẽ và sức mạnh chiến đấu cao nhờ: “Vỗ nuôi sĩ tốt, vời đón hiền giả, thu dụng nhân tài, sửa sang khí giới, luyện tập binh tượng, dạy cho những phương pháp ngồi, dậy, tiến, lui; lại lấy nhân nghĩa mà hun đúc, khiến ai ai cũng hết lòng thành, thân với kẻ trên, chết cho người trưởng”[2]. Sau khi giải phóng đất nước, nhà Lê luôn quan tâm xây dựng quân đội để phòng giữ đất nước. Cùng với sự phát triển cao của chế độ quân chủ, tổ chức quân đội cũng phát triển hoàn chỉnh, nhất là từ đời vua Lê Thánh Tông với sự xuất hiện quân Ngũ phủ (1466) - lực lượng quân thường trực do triều đình trực tiếp quản lý đóng quân ở những địa bàn chiến lược trọng yếu của đất nước. Cùng với cấm quân ở kinh đô, việc tổ chức quân Ngũ phủ đã mở rộng phạm vi canh phòng của quân triều đình, tăng cường sự kiểm soát của triều đình đối với các địa phương, nâng cao sức mạnh quốc phòng của đất nước. Vua Lê Thánh Tông đặc biệt coi trọng xây dựng nhân tố chính trị - tinh thần, bồi dưỡng lòng trung thành của quân đội, nhất là các tướng lĩnh phải “Trên vì vua, dưới vì dân, căng đáng trách nhiệm yên nguy của xã tắc”.

Cuối thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Đại Việt lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, kinh tế suy thoái, đời sống nhân dân cùng cực, các thế lực thù địch bên ngoài cấu kết với lực lượng phong kiến phản động, tiến hành những hoạt

động can thiệp và xâm lược. Công cuộc giữ nước xuất hiện yêu cầu mới, đòi hỏi kết hợp diệt thù trong với đánh giặc ngoài. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ - Quang Trung, nghĩa quân Tây Sơn được nhân dân tin yêu và ủng hộ, cảm hóa được nhiều tướng lĩnh và sĩ phu Bắc Hà theo giúp, đã nhanh chóng phát triển lực lượng, tăng cường sức mạnh quân sự, đập tan sự thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong và vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Đây thực sự là cuộc chiến tranh của nhân dân, bởi người lãnh đạo là thủ lĩnh nông dân với tôn chỉ là chống ách áp bức cường quyền để cải thiện đời sống nhân dân.

Quân đội của Nguyễn Huệ là một quân đội bách chiến bách thắng, được xây dựng theo quan điểm “Bình quý hồ tinh, bất quý hồ đa” - quân cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều. Trong gần 20 năm chinh chiến từ Nam ra Bắc, so sánh lực lượng về chiến dịch - chiến lược, quân Tây Sơn luôn ít hơn đối phương, nhưng được sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, đều giành chiến thắng hết sức nhanh, gọn, nhất là các trận then chốt quyết định. Trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút (1785), khoảng 3 vạn quân Tây Sơn đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm - Nguyễn Ánh, quét sạch quân xâm lược chỉ bằng một trận quyết chiến. Trong chiến dịch Thăng Long (1789), cùng với sự nổi dậy của dân chúng, 10 vạn quân Tây Sơn đã đánh tan 29 vạn quân Thanh bằng một chiến dịch quyết chiến chiến lược diễn ra trong 5 ngày, kết thúc chiến tranh. Quân đội Tây Sơn có cơ cấu tổ chức hợp lý và trang bị mạnh, bao gồm các lực lượng bộ binh, pháo binh, kỵ binh, tượng binh và thủy binh có sức tiến công mạnh, sức đột phá lớn; nhưng yếu tố vượt trội, có ý nghĩa quyết định trong sức mạnh chiến đấu của quân đội Tây Sơn là tinh thần chiến đấu rất cao và sự phát triển nghệ thuật quân sự, nhất là nghệ thuật tổ chức chỉ huy rất tài giỏi.

Giữa thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn đại biểu cho đặc quyền của tầng lớp phong kiến phản động, đối lập với lợi ích của đất nước và nhân dân. Triều đình đầu hàng thực dân Pháp, các phong trào yêu nước thiếu ngọn cờ lãnh đạo thống nhất nên không quy tụ được sức mạnh giữ nước. Đây cũng là những trang đau buồn trong lịch sử dân tộc, để lại cho chúng ta bài học rất sâu sắc về “nước lấy dân làm gốc”, sức mạnh giữ nước nằm ở nơi dân nhưng phải có định hướng chính trị - tư tưởng đúng đắn, tiên bộ và được tổ chức chặt chẽ do lực lượng tiên phong lãnh đạo.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ khởi nguyên cho đến các triều đại phong kiến đã chứng minh, các cuộc khởi nghĩa chống đô hộ và kháng chiến chống xâm lược muốn giành được thắng lợi phải nhất thiết do nhân dân tiên hành và các cuộc đấu tranh đó bao giờ cũng có khả năng động viên, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Điều đó khiến cho các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta luôn có tính nhân dân sâu sắc và đó cũng là một nội dung có tính quy luật của mọi cuộc

chiến tranh yêu nước Việt Nam.

b) Tư tưởng quốc phòng toàn dân trong thời đại Hồ Chí Minh

Kế thừa, phát triển tư tưởng toàn dân đánh giặc trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc ta; tiếp thu tinh hoa tư tưởng quân sự và kinh nghiệm tiến hành chiến tranh nhân dân của các nước trên thế giới; dựa trên cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là quan niệm đúng đắn về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, quan niệm về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh nhân dân; từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt định ra đường lối kháng chiến toàn dân đúng đắn, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Yếu tố cốt lõi, bao trùm trong tư tưởng quốc phòng toàn dân là “vì dân, do dân, của dân”, dựa vào dân và phát huy sức mạnh của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nước lấy dân làm gốc. Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”, “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu lực lượng đều ở nơi dân”.

Thực tiễn các cuộc khởi nghĩa, các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do nhân dân ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, được định hướng và quy tụ dưới ngọn cờ tư tưởng thống nhất độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc”.

Ngay trong Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm của Đảng ta về lực lượng cách mạng được thể hiện rõ trong Sách lược văn tấu. Sách lược văn tấu của Đảng đánh giá giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai giai cấp cơ bản bị đế quốc Pháp và tay sai áp bức, bóc lột nặng nề hơn cả đó là lực lượng chính của cách mạng. Còn đối với tầng lớp tiểu tư sản, trí thức và trung nông, Đảng chủ trương phải hết sức liên lạc “để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”[3]. Còn đối với phú nông, trung nông, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập; bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Chủ trương ấy vừa xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vừa đấu tranh loại bỏ những nhược điểm do lịch sử để lại, làm cho số quần chúng chưa giác ngộ được tuyên truyền, giáo dục và tổ chức, ngày càng tự giác gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng (tháng 3/1935) đã khẳng định: “Đảng muốn chỉ huy nổi phong trào, muốn đưa cao trào cách mạng

mới lên tới trình độ cao, tới toàn quốc vũ trang bạo động, đánh đổ đế quốc phong kiến, lập nên chính quyền Xôviết, thì *trước hết cần phải thu phục quảng đại quần chúng*”[4]. Theo đó, Đảng nêu rõ quan điểm: “Đảng Cộng sản phải dùng hết, kéo hết các lực lượng phản đế ở xứ Đông Dương ra mưu cuộc vận động dân tộc giải phóng” và “Không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái, hễ ai có tính chất phản đế là có thể kéo vào Mặt trận phản đế”[5].

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (tháng 5/1941) nhấn mạnh lực lượng cách mạng Đông Dương: “Chính là nhân dân Đông Dương, không phân biệt dân tộc nào, giai cấp nào. Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật cũng không phải riêng của giai cấp vô sản và dân cày, mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương”[6].

Trong Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa (tháng 8/1945), lãnh tụ Hồ Chí Minh viết: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”[7].

Như vậy cho thấy, ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chủ trương tập hợp quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để đánh đuổi thực dân, phát xít xâm lược. Quan điểm khởi nghĩa toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng phản ánh trong các văn kiện, tác phẩm của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường cho thực tiễn khởi nghĩa vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mang tính toàn dân rộng rãi và thực sự là cuộc khởi nghĩa của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng Tháng Tám thành công là thực tiễn sinh động chứng minh cho đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn của Đảng ta. 15 năm kể từ khi ra đời, Đảng ta đã phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, tổ chức nhân dân thành lực lượng chính trị hùng hậu trên nền tảng liên minh công nông. Đội quân chính trị được tôi luyện, qua các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945, không ngừng phát triển vững mạnh. Bên cạnh việc xây dựng lực lượng chính trị, Đảng đồng thời coi trọng xây dựng và rèn luyện lực lượng vũ trang cách mạng. Lực lượng vũ trang do Đảng tổ chức và lãnh đạo ngay từ đầu đã mang bản chất giai cấp công nhân, có tổ chức chặt chẽ, cơ cấu hợp lý, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết nội bộ tốt và quan hệ máu thịt với nhân dân, mưu trí, dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang hợp thành lực lượng cách mạng. Sức mạnh vô địch của lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đấu tranh

giành chính quyền cũng là sức mạnh vô địch để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám thành công chưa đầy một tháng rưỡi, đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Ngày 5/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài viết *Toàn dân kháng chiến*. Phân tích quy mô và ảnh hưởng của cuộc chiến đấu, Người khẳng định: “Muốn kháng chiến lâu dài để tới thắng lợi cuối cùng, cần phải động viên hết thảy mọi lực lượng mới mong đi tới thắng lợi cuối cùng”[8].

Trước dã tâm gây chiến của thực dân Pháp ngày càng bộc lộ rõ và nhận định cuộc chiến không thể tránh khỏi, ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến[9], trong đó nội dung chủ yếu về đường lối chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến là: Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính.

Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Một lần nữa, tư tưởng chiến tranh nhân dân và kháng chiến toàn dân được thể hiện rất rõ ràng, cụ thể: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”[10].

Đường lối kháng chiến toàn dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là sự kế thừa và phát triển truyền thống toàn dân đánh giặc của tổ tiên ta lên một tầm cao mới. Đường lối đó đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, vận dụng trong điều kiện, hoàn cảnh mới nhằm đánh thắng đối tượng tác chiến mới. Thực tế, quân xâm lược đã phải đương đầu không chỉ với một quân đội mà là với cả một dân tộc đoàn kết, được tổ chức chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào đường lối kháng chiến toàn dân, Đảng ta đã tập hợp tất cả các lực lượng, các tầng lớp xã hội, đưa họ vào các đoàn thể kháng chiến trong Mặt trận dân tộc thống nhất, từng bước xây dựng lực lượng chính trị rộng khắp. Ngày 19/6/1947, trong *Lời kêu gọi nhân kỷ niệm sáu tháng kháng chiến*, một lần nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định sức kháng chiến của ta ngày càng mạnh, sự thắng lợi của ta càng rõ ràng, bởi vì nhiều lý do, trong đó Người khẳng định: “Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng

phải thất bại”[11], “Hơn nữa, trong cuộc trường kỳ kháng chiến, mỗi công dân là một chiến sĩ. Mỗi làng là một chiến hào. Hai mươi triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn thực dân phản động”[12].

Có thể nói rằng, đường lối động viên và tổ chức toàn dân đấu tranh trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là sự phát triển về tổ chức và động viên toàn dân đánh giặc trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Vì thế, kể từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến cho đến khi kháng chiến toàn quốc thắng lợi hoàn toàn, Đảng, Chính phủ, Quân đội và nhân dân Việt Nam đã đoàn kết tạo nên sức mạnh vô địch để chiến thắng kẻ thù.

Cùng với động viên sức mạnh toàn dân tham gia kháng chiến và xây dựng lực lượng chính trị, Đảng đã chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ), làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Sau gần ba năm ngày toàn quốc kháng chiến, đại đoàn chủ lực đầu tiên đã được thành lập (ngày 28/8/1949), lấy tên là Đại đoàn Quân Tiên phong. Sự ra đời của đại đoàn quân chính quy đánh dấu bước phát triển mới của Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ đội địa phương được chính thức thành lập trong toàn quốc với Sắc lệnh ngày 1/4/1949 và nhanh chóng phát triển, trưởng thành về mọi mặt. Các lực lượng dân quân du kích, tự vệ ngày càng phát huy vai trò của mình trên các mặt trận bảo vệ và củng cố hậu phương, diệt ác, trừ gian, địch vận...

Qua thực tiễn kháng chiến, lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng trưởng thành, lớn mạnh, cùng với toàn dân làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954). Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với lực lượng trực tiếp chiến đấu khoảng 55.000 người của Quân đội ta, còn có sự tham gia phục vụ chiến đấu của lực lượng dân công hỏa tuyến khoảng 260.000 người, sự đồng lòng, góp sức của nhân dân cả nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành chiến thắng vĩ đại trong lịch sử dân tộc.

Tiếp tục phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với xác định hai chiến lược cách mạng ở hai miền là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, Đảng ta khẳng định nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng “là lực lượng đấu tranh của quần chúng nhân dân cả nước, được sự đồng tình, ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới”[13]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhiều lần khẳng định tính chất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc kháng chiến toàn dân, cuộc chiến tranh nhân dân; và Người kêu gọi: “31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối

cùng”[14].

Thực hiện đường lối cách mạng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở miền Bắc, lực lượng của toàn dân tham gia chiến tranh đã được huy động một cách triệt để, trở thành lực lượng rộng rãi và to lớn; lực lượng chính trị quần chúng có sự phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng; tiềm lực kinh tế, chính trị, tinh thần được tăng cường, phát huy tác dụng to lớn trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân. Để đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ ra miền Bắc, đường lối chiến tranh toàn dân đã được vận dụng và phát triển một cách sáng tạo trong điều kiện mới. Toàn dân đánh máy bay và tàu chiến của địch, toàn dân đảm bảo giao thông vận tải, kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu với sản xuất, thực hiện chuyển hướng kinh tế để phục vụ quốc phòng, toàn dân chung tay xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trở thành hậu phương lớn chi viện cho cách mạng miền Nam và các hướng chiến trường nước bạn Lào, Campuchia.

Ở miền Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã phát huy vai trò to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Mặt trận đã góp phần quan trọng thực hiện chính sách của Đảng, đoàn kết toàn dân, phân hoá kẻ thù, đập tan âm mưu chia rẽ của chúng. Dưới ngọn cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, lực lượng chính trị của nhân dân miền Nam phát triển ngày càng hùng hậu, được tổ chức chặt chẽ, kiên quyết đấu tranh chống mọi chính sách và các hình thức chiến tranh của địch. Ngay trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến, ngày 1/5/1957, tại Sài Gòn - Chợ Lớn, hơn 20 vạn quần chúng lao động đã xuống đường đấu tranh chống khủng bố, đòi tăng lương, thống nhất nước nhà.

Trong những năm 1959-1960, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng đã vùng lên, tiến hành phong trào Đồng Khởi, làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi phản ánh một hiện thực khách quan: Đại bộ phận quần chúng nhân dân đứng về phía cách mạng, tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân. Trong những năm đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, với lực lượng chính trị đông đảo được tổ chức chặt chẽ, quân và dân miền Nam đẩy mạnh phương châm đấu tranh “hai chân, ba mũi”, kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự, đồng thời vận động đồng bào trong các ấp chiến lược đấu tranh, kết hợp với các đòn tiến công quân sự, phá kế hoạch lập ấp chiến lược của Mỹ. Trong những năm 1963 - 1964, hàng triệu quần chúng vùng lên, đấu tranh phá vỡ hàng nghìn ấp chiến lược của địch. Khi Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa hàng chục vạn quân Mỹ vào miền Nam, với chủ trương giữ vững thế chiến lược tiến công, quân và dân Việt Nam tiếp tục thực hiện cuộc kháng chiến toàn dân, tiến công địch trên ba vùng chiến lược. Cuộc Tổng tiến công và nổi

dậy Xuân Mậu Thân 1968 và thắng lợi của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước chính là những biểu tượng sinh động nhất của sức mạnh toàn dân kháng chiến, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước khẳng định sự phát triển của chiến tranh nhân dân lên một tầm cao mới. Toàn dân kháng chiến là nét đặc sắc, nội dung chủ yếu, tư tưởng chỉ đạo tác chiến và xây dựng lực lượng trong đường lối quân sự của Đảng suốt 30 năm chiến tranh (1945 - 1975). Chiến tranh nhân dân đã tạo ra nguồn sức mạnh vô địch để dân tộc ta chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong tình hình mới

Sau năm 1975, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng và lợi ích quốc gia, dân tộc, chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân tiếp tục được thực hiện trên phạm vi cả nước. Qua các kỳ Đại hội của Đảng, từ Đại hội IV đến Đại hội XII, quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh từng bước phát triển và hoàn thiện với nội dung ngày càng cụ thể, đầy đủ, toàn diện, sâu sắc và bao quát hơn.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) khẳng định: “Để bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của Tổ quốc, trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng ta phải tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Sức mạnh quốc phòng của nhân dân ta là sức mạnh của đường lối chính trị, quân sự của Đảng, là sức mạnh tổng hợp, toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng”[15].

Đề đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) xác định: “Phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại dựa trên cơ sở không ngừng củng cố và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt. Chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân;

tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Đó là những yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp của công cuộc bảo vệ Tổ quốc”[16].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) chỉ rõ: “Tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và hậu phương ngày càng vững mạnh: giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và ngày càng hiện đại; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Nghĩa vụ quân sự và các chính sách hậu phương quân đội”[17].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua (tháng 6-1991) đã đề ra định hướng lớn về quốc phòng - an ninh: “Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ”[18].

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) xác định nhiệm vụ về quốc phòng và an ninh trong những năm tới là: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thể trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội

phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội”[19].

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) khẳng định: “Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân... Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”[20].

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) xác định: “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ”[21]. Đồng thời, Đại hội xác định: “Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố”[22].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua (tháng 1/2011) xác định: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”[23]

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 1/2016) xác định mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng

đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”[24]. Đồng thời, Đại hội cũng chỉ rõ: “Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc”; “Xây dựng “thể trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân”[25].

Như vậy, có thể thấy, qua các kỳ đại hội, cùng với việc đề ra đường lối, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, đối ngoại, xây dựng Đảng, Đảng ta luôn chú trọng lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc, khẳng định sức mạnh của toàn dân có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

3. Lịch sử và ý nghĩa Ngày hội Quốc phòng toàn dân

Quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng: toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hòa bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc và phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa[26].

Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán khẳng định, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt. Nền quốc phòng của Việt Nam là nền quốc phòng mang tính chất hòa bình, tự vệ và mang bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của nền quốc phòng là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; chủ động đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Việt Nam xây dựng sức mạnh quân sự, quốc phòng dựa trên sức mạnh tổng hợp của cả nước, của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân. Đảng, Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế - xã hội đồng thời tăng cường khả năng quốc phòng, phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại thành một thể thống nhất để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhất là các cuộc khởi nghĩa, các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do nhân dân ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh sức mạnh vô địch của đại đoàn kết toàn dân tộc. Bất kỳ giai đoạn nào, phải đương đầu với kẻ thù hung bạo đến đâu, nếu cổ vũ, động viên, quy tụ được sức mạnh toàn dân thì dân tộc ta đều giành thắng lợi vĩ đại, bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự do, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Xuất phát từ vai trò của công tác tuyên truyền, cổ vũ, động viên toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đồng thời thể theo nguyện vọng của quân và dân cả nước, ngày 17/10/1989, Ban Bí thư Trung ương Trung ương Đảng (khóa VI) đã ra Chỉ thị số 381-CT/TW quyết định lấy ngày 22/12 - Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam là Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Ngày 22/12/1989, lần đầu Ngày hội Quốc phòng toàn dân được tổ chức tại tất cả các địa phương trong cả nước. Từ đó đến nay, ngày 22/12 đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân tộc với các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội.

Lấy ngày 22/12 là Ngày hội Quốc phòng toàn dân là chủ trương lớn, quan trọng của Đảng, Nhà nước; tiếp tục khẳng định quan điểm toàn dân tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đây thực sự là ngày hội của truyền thống dựng nước và giữ nước, ngày hội tôn vinh và nhân lên hình ảnh cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, một nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để tuyên truyền sâu rộng truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân trong tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thể trận chiến tranh nhân dân vững chắc, tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, cổ vũ, động viên toàn dân chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân

dân vững mạnh trên từng địa phương, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh trong tình hình mới.

Hằng năm, toàn dân và toàn quân ta đã có rất nhiều hoạt động phong phú, sáng tạo để tổ chức kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày hội Quốc phòng toàn dân, như: Mít tinh, hội thảo, hội nghị đoàn kết quân - dân, ngày hội văn hóa quân - dân, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng; tổ chức gặp mặt, giao lưu, nói chuyện truyền thống, thăm hỏi động viên các cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh; giao lưu văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể dục thể thao, hội thao quân sự trong lực lượng vũ trang; xây dựng nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách; tham gia xây dựng, tu sửa, tôn tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, đền thờ liệt sĩ; tổ chức dâng hương tại nghĩa trang, nhà tưởng niệm các Anh hùng, liệt sĩ...

Vào dịp kỷ niệm Ngày hội Quốc phòng toàn dân hằng năm, các cấp, các ngành, cấp ủy và chính quyền các địa phương đã chú trọng đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, gắn với xây dựng và phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh qua các chương trình, các dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia xây dựng và củng cố quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

4. Những thành tựu cơ bản qua 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân

Một là, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc

Đây là thành tựu cơ bản, phản ánh sâu sắc tính toàn dân, toàn diện và sức mạnh tổng hợp của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Tính chất toàn dân, toàn diện biểu hiện ở chỗ, nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn. Nhân dân đồng thuận, tin tưởng, đoàn kết và không ngừng nâng

cao ý thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với Ngày hội Quốc phòng toàn dân, nước ta có Ngày Biên phòng toàn dân (3/3), Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8)... Nhờ đó, đã phát triển mạnh mẽ các phong trào toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; toàn dân tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng; toàn dân tham gia xây dựng, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới; toàn dân tham gia giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội... Đây là cơ sở quan trọng làm cho sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân gắn bó chặt chẽ với nhau, được củng cố, tăng cường cả về thể trận và lực lượng, nhất là trên các hướng, các địa bàn chiến lược, trọng yếu, nơi biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa.

Thông qua Ngày hội Quốc phòng toàn dân, tinh thần cảnh giác của nhân dân trước mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được nâng lên rõ rệt. Công tác tuyển chọn và động viên thanh niên hăng hái tham gia nhập ngũ, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, được các địa phương, đơn vị tổ chức như một ngày hội phát huy truyền thống giữ nước của dân tộc. Hệ thống thông tin đại chúng từ trung ương đến địa phương, cơ sở luôn đổi mới công tác tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến rộng rãi kết quả đạt được và những kinh nghiệm tốt ở các địa phương, các ngành và đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, xây dựng quân đội, tạo sự đồng thuận xã hội ở từng địa phương, cơ sở.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng. Ngày 12/2/2001, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 62-CT/TW về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới. Trong đó, Chỉ thị nêu rõ: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về nhận thức và trách nhiệm của cán bộ các cấp và toàn dân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống”[27].

Ngày 3/5/2007, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Trong đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải thường xuyên tiên hành giáo dục các quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh; hướng dẫn nội dung, phương pháp, kinh nghiệm, cách tổ chức thực hiện theo yêu cầu đặt

ra cho từng đối tượng cán bộ các cấp, các ngành, đảng viên và quần chúng nhất là các thế hệ trẻ để có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, thấy rõ trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Ngày 10/7/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2007/NĐ-CP về giáo dục quốc phòng - an ninh. Nghị định xác định mục tiêu giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh là: Nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về quốc phòng, an ninh; truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 19/6/2013, Quốc hội khóa XIII ban hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh. Luật xác định mục tiêu giáo dục quốc phòng và an ninh là: Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 25/2/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Đây là những văn bản quan trọng, thiết thực nhất về giáo dục quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới, tạo cơ sở pháp lý để các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường hơn nữa công tác giáo dục quốc phòng - an ninh. Từ đó, công tác giáo dục quốc phòng, an ninh được triển khai, thực hiện tích cực, toàn diện ở các cấp, các ngành và toàn dân; Hội đồng giáo dục quốc phòng, an ninh ở các cấp từ Trung ương đến xã, phường được thành lập theo đúng quy định; hoạt động theo đúng quy chế và ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả thiết thực. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ các cấp được tăng cường; hệ thống chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu từng bước được ban hành kịp thời và đảm bảo chất lượng. Hằng năm, số lượng cán bộ các đối tượng được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh ngày càng được mở rộng, chất lượng không ngừng được nâng cao. Giáo dục

quốc phòng, an ninh đã trở thành môn học trong hệ thống giáo dục quốc dân và là môn học chính khóa của học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học.

Từ năm 2009 đến năm 2019, trong cả nước đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 3.825.321 lượt người[28]; giáo dục quốc phòng, an ninh cho 36.900.682 học sinh, sinh viên[29]; tuyển sinh đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng, an ninh cho 4.358 người[30].

Thông qua công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh đã góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hai là, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đây là thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta trong 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân và sau hơn 30 năm đổi mới đất nước. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 tại Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng lên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các giải pháp phù hợp để bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố và gắn kết chặt chẽ hơn. Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được nâng lên”[31].

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới cho thấy, không thể có thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới đất nước nếu không kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược này quan hệ chặt chẽ với nhau, trong mối quan hệ biện chứng. Bảo vệ độc lập dân tộc, an ninh quốc gia gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải kiên định mục tiêu, con đường đã chọn; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, chúng ta kiên

quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Đó là những thành công nổi bật của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong sự nghiệp đổi mới. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh có ý nghĩa quyết định giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới giành thắng lợi.

Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình đó để phá hoại cách mạng và công cuộc đổi mới của nhân dân ta, Đảng ta đã nắm bắt kịp thời và phân tích đúng đắn tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) đã nhận định: “Tình hình thế giới, bên cạnh những thuận lợi có những mặt phức tạp mới tác động vào nước ta. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hóa đồi trụy, độc hại, đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta; câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước tăng cường hoạt động lật đổ chế độ. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước còn nặng nề”[32].

Từ nhận định, đánh giá một cách khoa học, đúng đắn tình hình thế giới, khu vực và trong nước, Đảng ta đã chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã khẳng định chủ trương: “Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong thế trận quốc phòng toàn dân, có khả năng ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản cách mạng tại địa phương và tích cực chiến đấu bảo vệ địa phương trong mọi tình huống. Xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc các khu căn cứ hậu phương chiến lược; chuẩn bị các phương án động viên khi cần thiết”[33].

Phát triển quan điểm chỉ đạo về quốc phòng, an ninh, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu rõ: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ

xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã không một chút lơ lửng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”[34]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII tiếp tục khẳng định chủ trương tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xác định nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước trong 5 năm tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng”[35].

Qua hơn 30 năm đổi mới, cùng với những thành tựu về đổi mới tư duy lý luận nói chung, Đảng ta đã có nhiều đổi mới và nhận thức toàn diện về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá diễn biến của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, dự báo chính xác các tình huống liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, những năm gần đây, Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình mới, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia... phù hợp với tình hình mới.

Nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng, các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang đã phối hợp triển khai thực hiện có kết quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần trực tiếp vào thắng lợi của công cuộc đổi mới trong hơn 30 năm qua. Sự nghiệp quốc phòng đã có những đổi mới và đạt được những thành tựu quan trọng. Thành tựu nổi bật nhất là Đảng ta đã đề ra và không ngừng bổ sung, phát triển đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, độc lập, tự chủ, sáng tạo, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính; khơi dậy và phát huy được tiềm năng và sức mạnh của toàn dân tộc, đưa nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thách thức; luôn vững vàng, tỉnh táo, nhạy bén trước biến động của tình hình; luôn nắm vững quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng, về chiến tranh nhân dân vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta; phân tích đánh giá đúng tình hình, kịp thời đổi mới tư duy về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; xác lập đúng đắn các quan hệ, đường lối, chủ trương, chính sách và đề ra nhiều giải pháp phù hợp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trong điều kiện mới.

Do vậy, Đảng, Nhà nước ta đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ba là, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường, tăng thêm khả năng ngăn chặn, loại trừ nguy cơ chiến tranh và khả năng đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh, các tình huống xâm phạm an ninh quốc gia, nếu xảy ra.

Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và lực lượng vũ trang luôn nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân. Tiềm lực quốc phòng dựa trên nền tảng của tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học công nghệ, tiềm lực quân sự, an ninh mà tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, đặc trưng, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của Nhà nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường không chỉ bằng sức mạnh quân sự đơn thuần, sức mạnh của riêng các lực lượng vũ trang, của Quân đội nhân dân, mà còn bởi sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân gắn với sức mạnh của nền an ninh nhân dân; được tạo điều kiện và hợp lực bởi sức mạnh của chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của tất cả các lực lượng và tiềm lực trên tất cả các lĩnh vực. Vì vậy, trong những năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã ra sức chăm lo xây dựng đất nước vững mạnh trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... nhằm tạo ra thế và lực mới, làm cho đất nước có đủ sức mạnh cần thiết để rắn đe, sẵn sàng đối phó hiệu quả với các nguy cơ xâm lược từ bên ngoài; có đủ sức mạnh để đánh bại các thế lực có âm mưu và hành động xâm lấn lãnh thổ, xâm hại độc lập chủ quyền, bạo loạn lật đổ, bạo loạn ly khai dân tộc, các hình thức khủng bố, sẵn sàng đánh bại những cuộc chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao của các thế lực thù địch nếu chúng gây ra.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn hạn chế, trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ còn thấp so với trình độ tiên tiến của thế giới; và cho dù trong thời gian tới, tiềm lực mọi mặt được tăng cường, thì trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nước ta vẫn phải đối phó với những lực lượng lớn có vũ khí trang bị hiện

đại, có âm mưu, thủ đoạn tinh vi xảo quyệt. Do đó, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của chúng ta vẫn phải là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, của dân tộc, lấy sức mạnh quân sự làm nòng cốt. Sức mạnh đó được thể hiện ở tính ưu việt và sự vững bền của chế độ, khả năng đứng vững và phát triển của nền kinh tế, của xã hội trước mọi thử thách và khả năng ứng phó có hiệu quả với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và cạnh tranh với các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Cơ sở của sức mạnh quốc phòng quan trọng nhất là sức mạnh chính trị - tinh thần, là lòng dân, là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân, giữa quân và dân, là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Vì thế, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đã thường xuyên chăm lo đến lợi ích vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân, thực hiện dân chủ, công bằng xã hội; ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong bộ máy Đảng và Nhà nước; tăng cường công tác tư tưởng, giáo dục chính trị, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng nhận rõ âm mưu, bản chất phản động của các thế lực thù địch; kịp thời đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, những biểu hiện dao động, suy thoái lòng tin vào sự nghiệp đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ nghĩa xã hội, mơ hồ về bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Trên cơ sở đó, khôi phục và củng cố lòng tin của nhân dân với chế độ, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và quần chúng, giữa quân và dân, sự đoàn kết giữa các dân tộc và các tầng lớp nhân dân.

Thực tiễn 30 năm qua cho thấy, các thế lực thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đòi “phi chính trị hóa” quân đội, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Song, nhờ có sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh của đất nước được tăng cường một cách toàn diện, nên đã ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống chiến tranh, nếu xảy ra, cả chiến tranh thông thường, cũng như chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao với mọi quy mô, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống.

Bốn là, xây dựng thế chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phù hợp trong điều kiện mới; thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn; “thế trận lòng dân” được củng cố vững chắc.

Nhìn lại 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

của Đảng đã đánh giá: “Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường... Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa”[36]. Đây là thành tựu rất quan trọng sau 30 năm đổi mới. Thành tựu đó có sự đóng góp tích cực của chủ trương thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân, cổ vũ, động viên sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã tích cực đẩy mạnh, triển khai thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) và Nghị định 152/2007/NĐ-CP “Về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ở từng khu vực và trên địa bàn cả nước. Thế bố trí chiến lược quốc phòng, an ninh được quy hoạch, điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cấp, các ngành, các địa phương đã quan tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Ban chỉ đạo về xây dựng khu vực phòng thủ đã được xây dựng, kiện toàn đầy đủ, theo hệ thống từ Trung ương tới các địa phương. 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tích cực huy động các nguồn lực đầu tư vào việc xây dựng và hoàn thiện khu vực phòng thủ nhằm xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố ngày càng vững chắc. Các tỉnh, thành phố đã chú trọng đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để xây dựng các khu căn cứ tập trung, hệ thống công trình quốc phòng, tổ chức quy hoạch căn cứ hậu cần - kỹ thuật, bảo đảm cho thế trận phòng thủ trên từng địa bàn dần hình thành trên thực địa; đồng thời tổ chức tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ ở các cấp theo kế hoạch nhằm kiểm nghiệm sự vận hành cơ chế về tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, động viên lực lượng, cơ sở vật chất khi chuyển các địa phương từ thời bình sang thời chiến. Sự hoàn chỉnh của khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố đã góp phần tạo nên thế trận phòng thủ liên hoàn, vững chắc trên toàn quốc, làm cơ sở để chuyển hóa từ thế trận quốc phòng toàn dân sang thế trận chiến tranh nhân dân khi có tình huống xảy ra.

Tiềm lực về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự và an ninh của khu vực phòng thủ được tăng cường, góp phần hình thành một thế trận tổng hợp, gắn kết thực lực quốc phòng, tiềm lực quốc phòng và tiềm năng quốc phòng, tạo ra thế trận liên hoàn để bảo vệ Tổ quốc; khả năng bảo vệ địa bàn, ứng phó với các tình huống quốc phòng - an ninh được nâng cao; việc vận hành cơ chế lãnh đạo, điều hành hoạt động khu vực phòng thủ từng bước được hoàn thiện. Cơ quan quân sự địa phương đã phát huy tốt vai trò tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương

lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức xây dựng khu vực phòng thủ đi vào chiều sâu, vững chắc. Kết quả đó thiết thực góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân, nhất là “thể trận lòng dân” trên địa bàn quân khu, các tỉnh, thành phố; đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Cả nước đã quán triệt và thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt việc phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh gắn với vùng kinh tế chiến lược theo ý định xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc. Trên mỗi địa bàn chiến lược, mỗi hướng chiến lược đã tổ chức hình thành thể bố trí chiến lược quốc phòng, an ninh gắn với phân vùng kinh tế trên địa bàn chiến lược tạo thành hậu phương của địa bàn. Bảo đảm trong thời bình, đất nước có thể xây dựng và củng cố lực lượng quốc phòng, an ninh đủ mạnh để làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” kết hợp với bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Khi có chiến tranh xảy ra, đất nước có thể phát huy mọi khả năng vốn có của các lực lượng, phương tiện, thực hành cơ động chiến lược kịp thời và linh hoạt, bảo đảm chỉ huy và hiệp đồng tác chiến thống nhất, thông suốt, đồng thời nâng cao khả năng độc lập tác chiến trên từng địa bàn, kể cả khi bị địch bao vây, chia cắt lực lượng ta.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chúng ta đã xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh toàn diện và gắn kết chặt chẽ với xây dựng hậu phương các tỉnh, thành phố, huyện (quận, thị xã) tạo thành thể trận hậu phương liên hoàn vững chắc trong cả nước. Xây dựng thể trận phòng thủ trên các hướng, khu vực khác nhau, nhất là trên hướng, khu vực trọng điểm, gắn kết chặt chẽ với khu vực phòng thủ của địa phương, của các binh đoàn chủ lực cơ động, các quân binh chủng. Tổ chức bố trí, triển khai các lực lượng vũ trang và sử dụng các cấp, các lực lượng một cách hợp lý, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu; bảo đảm có lực lượng chiến đấu tại chỗ rộng khắp, có lực lượng cơ động chiến đấu thích hợp và có lực lượng dự bị hùng hậu để sẵn sàng động viên, bổ sung khi cần thiết; bảo đảm vừa tự lực, độc lập tác chiến, vừa hỗ trợ, chi viện lẫn nhau trong quá trình chiến đấu và có thể vừa tham gia chiến đấu, vừa phục vụ chiến đấu. Tổ chức hệ thống phòng thủ dân sự ở địa phương và cả nước chu đáo, chặt chẽ ngay cả trong thời bình và thời chiến để bảo vệ nhân dân, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân; bảo vệ các cơ sở kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự; có các biện pháp phòng tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả chiến tranh nếu xảy ra.

Cả nước đã kết hợp chặt chẽ việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tận dụng ưu thế

địa hình tự nhiên sẵn có để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. Trong đó, chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông cơ động lực lượng, phương tiện đường bộ, đường sông, đường không và đường biển rộng khắp; xây dựng mạng thông tin liên lạc ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của tác chiến mới; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và các công trình quốc phòng như sân bay, bến cảng, cầu cống, hệ thống lưới điện quốc gia, hệ thống hầm, hào và công sự, trận địa chiến đấu nhằm phòng, tránh có hiệu quả các cuộc tiến công, nhất là tiến công hỏa lực bằng đường không của địch.

Đối với việc xây dựng và củng cố thể trận an ninh nhân dân hiện nay, chúng ta đã kiện toàn tổ chức, biên chế, đổi mới xây dựng lực lượng công an nhân dân đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Tăng cường tổ chức lực lượng cảnh sát cơ động chống khủng bố, chống bạo loạn lật đổ. Những lực lượng này đã được trang bị, huấn luyện phù hợp, chỉ huy thống nhất và bố trí trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu về quốc phòng, an ninh, nhất là trên biển Đông, biên giới Việt Nam và các nước láng giềng. Tập trung xây dựng và tổ chức luyện tập theo các phương án: phòng, chống, xử lý hoạt động gây rối an ninh trật tự ở từng địa bàn; hoạt động phá hoại và gây bạo loạn chính trị, xung đột vũ trang; hoạt động gián điệp, khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia; các phương án khi xảy ra lấn chiếm, tranh chấp chủ quyền, biển đảo, tài nguyên thiên nhiên và xung đột vũ trang ở biên giới; phương án đối phó với chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao của địch. Khi xử lý các tình huống xảy ra chúng ta luôn luôn thận trọng, tỉnh táo; phân tích, nhận định, đánh giá đúng tình hình, không chủ quan, nóng vội; xử lý kiên quyết, kịp thời, khẩn trương, không để lan rộng, kéo dài và không để các thế lực thù địch tạo cơ hội can thiệp. Đặc biệt, trong những năm vừa qua, khi xử lý các tình huống gây rối tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kích động biểu tình, chúng ta đã sử dụng các biện pháp tuyên truyền là chủ yếu; huy động các thành phần, lực lượng của hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp và tham mưu của cơ quan công an, quân sự địa phương, kết hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân tự vệ để ổn định tình hình.

Công tác phối hợp giữa Quân đội nhân dân với Công an nhân dân theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến đơn vị cơ sở. Các đơn vị quân đội, công an thường xuyên phối hợp chặt chẽ, bảo vệ an toàn tuyệt đối địa bàn trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước; chủ động phối hợp tham mưu với Đảng, Nhà nước giải quyết nhiều vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền,

toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Hai lực lượng đã tích cực tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác, tinh thần đấu tranh với tội phạm; xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cùng với việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, chúng ta đã ra sức xây dựng và củng cố “thể trận lòng dân” vững chắc. Đây là nội dung cơ bản, là vấn đề mấu chốt của thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức sâu sắc giá trị, ý nghĩa của “thể trận lòng dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta khẳng định: “Xây dựng “thể trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân”[37]. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành tiếp tục xây dựng, phát huy và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân; xây dựng cơ chế, chính sách để quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân được hiện thực hóa; đồng thời thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Kiên quyết đấu tranh với những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Chủ động phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước và giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân trong điều kiện mới.

Từ đó, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân được củng cố; lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý xã hội của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp đổi mới, vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không ngừng được nâng cao. Người dân thường xuyên quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, trách nhiệm và ý thức công dân ngày một nâng cao không chỉ trong làm giàu, xây dựng, phát triển kinh tế, mà còn cả trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh ở địa phương, cơ sở. Mối quan hệ quân - dân được tăng cường trên cơ sở sự nhất trí về chính trị - tinh thần, sự thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. “Thể trận lòng dân” là bức “tường thành” vững chắc, bảo đảm cho đất nước ta có đủ sức đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch,

không để xảy ra chiến tranh và đó cũng là nhân tố bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới trong suốt hơn 30 mười năm qua.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định trong xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong những năm qua là Đảng, Nhà nước đã có đường lối, chủ trương đúng đắn và chính sách “hợp lòng dân”. Một trong những bài học được Đảng ta rút ra qua 30 năm đổi mới là: “Đổi mới phải luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”[38].

Thực tiễn cho thấy, Đảng, Nhà nước ta đã thường xuyên quan tâm, chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo; vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ; huy động các nguồn lực của đất nước, của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư giúp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa xóa đói, giảm nghèo,... xây dựng nông thôn mới. Trong đó, đã ưu tiên thực hiện tốt chính sách xóa đói, giảm nghèo, giải quyết những khó khăn, bức xúc đang đặt ra ở các vùng đặc biệt khó khăn. Qua đó, giúp nhân dân luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền địa phương; đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ, gây mất đoàn kết trong nội bộ các dân tộc và đồng bào có đạo, kích động tâm lý ly khai và chống đối chế độ của các thế lực thù địch.

Năm là, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng được củng cố, xây dựng và phát triển vững mạnh. Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương, các tầng lớp nhân dân đã tích cực chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Qua đó, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đã kịp thời ngăn chặn, đập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời trực tiếp tham gia lao động sản xuất có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước.

Sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ,

từng bước hiện đại có bước phát triển quan trọng. Quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng đã ban hành các nghị quyết, đề án, kế hoạch về sắp xếp bộ máy tổ chức, biên chế theo hướng tinh, gọn, mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Hiện nay, Quân đội ta đã được điều chỉnh về tổ chức, biên chế bảo đảm chặt chẽ, khoa học, với đầy đủ các lực lượng, thành phần, cơ cấu hợp lý; được trang bị các phương tiện, vũ khí, trang bị kỹ thuật tương đối hiện đại, huấn luyện thuần thục, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, khả năng cơ động nhanh, tác chiến hiệu quả cả trên không, trên bộ, trên biển và không gian mạng. Thông qua các cuộc diễn tập tác chiến cấp chiến dịch, chiến lược những năm gần đây đã kiểm nghiệm, đánh giá đúng khả năng cơ động, hiệp đồng, năng lực tác chiến của các quân chủng, binh chủng, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, giữ vững vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân.

Toàn quân luôn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu. Các đơn vị đã chú trọng đổi mới nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, tập trung giáo dục, xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” và truyền thống tốt đẹp của Quân đội. Nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của Quân đội được nâng cao, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Toàn quân đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” bằng những việc làm cụ thể, thiết thực hằng ngày, trong huấn luyện, học tập, rèn luyện, công tác, lao động sản xuất. Đặc biệt, Quân đội đã đấu tranh có hiệu quả trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; tích cực, chủ động phản bác các quan điểm sai trái, phản động; vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch hòng gây mất ổn định nội bộ, chia rẽ Quân đội với Đảng, Nhà nước và nhân dân; đồng thời kiên quyết phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Công tác huấn luyện của các đơn vị luôn được coi trọng và tiếp tục đổi mới toàn diện. Trong đó, đã bám sát và thực hiện tốt phương châm: “cơ bản, thiết thực, vững chắc”; đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện; chú trọng huấn luyện toàn diện, đồng bộ cho mọi đối tượng, bao gồm cả chỉ huy, cơ quan, chiến sĩ và phân đội. Các đơn vị quân đội đã tăng cường huấn luyện dã ngoại, huấn luyện đêm, hành quân xa mang vác nặng qua các địa hình, luyện tập xử trí các tình huống trong cơ động phòng tránh, đánh trả đòn hỏa lực ban đầu của địch; huấn luyện sát thực tế chiến đấu và địa bàn hoạt động của từng đơn vị, phù hợp với khả năng trang

bị và nghệ thuật quân sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; huấn luyện cho bộ đội sử dụng thành thạo vũ khí, trang bị trong biên chế, làm chủ và khai thác tốt các loại vũ khí, phương tiện kỹ thuật hiện đại mới được trang bị. Toàn quân đã coi trọng bồi dưỡng cán bộ, tăng cường huấn luyện, diễn tập hiệp đồng tác chiến quân chủng, binh chủng trên các địa bàn, diễn tập khu vực phòng thủ, đáp ứng yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới, nhất là tác chiến biển, đảo...

Công tác giáo dục - đào tạo trong các nhà trường quân đội đã có bước phát triển, chất lượng không ngừng được nâng cao, đáp ứng nguồn nhân lực cho Quân đội. Hệ thống nhà trường quân đội thường xuyên được kiện toàn; chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy thường xuyên được đổi mới; chất lượng đội ngũ nhà giáo ngày càng được nâng cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo được quan tâm đầu tư. Công tác nghiên cứu khoa học nghệ thuật quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự tiếp tục được đẩy mạnh và đổi mới theo hướng cập nhật thực tiễn, nhất là các loại hình chiến tranh, xung đột vũ trang và các hình thức tác chiến mới. Đồng thời, chú trọng kết hợp phát triển những kinh nghiệm chiến đấu đã được tổng kết với tăng cường nghiên cứu nghệ thuật tác chiến bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhằm không ngừng phát triển nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Công nghiệp quốc phòng đã đạt được một số kết quả quan trọng; trình độ công nghệ, năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng lên. Đầu tư cho công nghiệp quốc phòng được chú trọng, đúng hướng, sử dụng ngân sách có hiệu quả. Khả năng sản xuất vũ khí, trang bị được nâng cao; trong đó nổi bật là đã nghiên cứu, thiết kế, chế thử, chế tạo nhiều loại vũ khí, trang bị mới như: súng chống tăng, đạn chống tăng chống giáp phản ứng nổ, cối và đạn cối triệt âm, súng phóng lựu cầm tay, súng bộ binh thế hệ mới, tên lửa phòng không tầm thấp IGLA, tàu pháo, tàu tên lửa tấn công nhanh Lớp 1241.8, tàu cảnh sát biển, các loại đạn pháo, kính nhìn đêm... Các loại vũ khí, trang bị được sản xuất mới đã đáp ứng một phần nhu cầu vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang, tiết kiệm ngân sách Nhà nước.

Công tác bảo đảm hậu cần trong các đơn vị quân đội được quan tâm chỉ đạo, tổ chức chặt chẽ, đời sống bộ đội được cải thiện rõ rệt, thể trận hậu cần được bổ sung, hoàn chỉnh theo phương án, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm tốt hậu cần cho các nhiệm vụ, ưu tiên bảo đảm cho lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Công tác kỹ thuật được triển khai toàn diện, duy trì bảo đảm tốt vũ khí trang bị hiện có, từng bước khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, hư hỏng, xuống cấp vũ khí trang bị. Thực hiện xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện theo Chỉ thị

917/CT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đi vào chiều sâu. Các đơn vị quân đội đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng chiến đấu của Quân đội.

Cùng với xây dựng quân thường trực vững mạnh, lực lượng dự bị động viên được xây dựng hùng hậu, dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Quán triệt, thực hiện Pháp lệnh về lực lượng Dự bị động viên (1996), những năm qua, các bộ, ngành Trung ương và các địa phương đã duy trì thực hiện có nền nếp chế độ đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương và địa phương đã đăng ký và quản lý được hàng triệu quân nhân dự bị, trong đó có hàng vạn sĩ quan dự bị, hàng triệu phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân; sắp xếp đủ đầu mối tổ chức các đơn vị dự bị động viên; chất lượng các đơn vị dự bị động viên từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, lấy việc nâng cao chất lượng chính trị làm chính, có số lượng phù hợp theo quy định của Pháp lệnh Dân quân tự vệ (2004) và Luật Dân quân tự vệ (2009). Các bộ, ngành Trung ương và các địa phương đã chỉ đạo làm tốt việc đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi dân quân tự vệ; tỷ lệ dân quân tự vệ so với dân số toàn quốc ngày một tăng lên và chất lượng không ngừng được nâng cao. Tổ chức, biên chế lực lượng phù hợp với tình hình thực tiễn và tính chất hoạt động của dân quân tự vệ; có lực lượng cơ động, chiến đấu tại chỗ và lực lượng binh chủng; có các hải đội dân quân thường trực bảo vệ chủ quyền biển, đảo, chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền. Đến nay, toàn quốc có hơn 4 nghìn doanh nghiệp đã tổ chức lực lượng tự vệ.

Cả nước đã coi trọng việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự đủ số lượng và bảo đảm chất lượng. Đến nay, đã thành lập 67 Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; hàng nghìn Ban chỉ huy quân sự đơn vị thành viên thuộc các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh, cấp huyện được kiện toàn. Kết hợp chặt chẽ công tác quy hoạch cán bộ cấp xã với củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ xã đội; toàn quốc đã bổ nhiệm đủ 100% cán bộ xã đội trưởng và chính trị viên. Công tác đào tạo cán bộ quân sự cấp xã được chú trọng; đến nay, toàn quốc đã đào tạo được 24.374 đồng chí cán bộ quân sự cấp xã chuyên ngành quân sự cơ sở[39]; qua đó đã nâng cao trình độ, năng lực làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự. Công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho dân quân tự vệ có nhiều đổi mới, chất

lượng không ngừng nâng cao[40]; hoạt động của dân quân tự vệ thực hiện theo đúng nhiệm vụ quy định tại Pháp lệnh Dân quân tự vệ.

Những thành tựu cơ bản đạt được sau 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

Phần thứ hai

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM - 75 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN THẮNG (22/12/1944 - 22/12/2019)

1. Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời, cùng toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1944 - 1954)

a) Sự ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam (ngày 22/12/1944)

Ngay từ khi ra đời (ngày 3/2/1930), Đảng ta đã quán triệt sâu sắc học thuyết Mác - Lênin về bạo lực cách mạng của giai cấp vô sản. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng đã khẳng định con đường đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc là dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền và yêu cầu phải “tổ chức ra quân đội công nông” để làm nòng cốt cho toàn dân tiến hành đấu tranh cách mạng. Luận cương chính trị của Đảng (tháng 10/1930) cũng chỉ rõ nhiệm vụ: “Lập quân đội công nông” và “tổ chức đội tự vệ của công nông”. Trong phong trào cách mạng 1930-1931, mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh, từ lực lượng khởi nghĩa của công nông, Đội tự vệ công nông (Tự vệ Đỏ) đã ra đời. Đó là mầm mống đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9/1939), trong phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật diễn ra sôi nổi trên nhiều địa phương. Hàng loạt tổ chức vũ trang lần lượt được thành lập và phát triển như: Đội du kích Bắc Sơn, du kích Nam Kỳ (1940), Cứu quốc quân (1941)... Phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng phát triển mạnh mẽ, rộng khắp và sự trưởng thành nhanh chóng của các tổ chức vũ trang quần chúng đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải có một đội quân chủ lực thống nhất về mặt tổ chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau một thời gian gấp rút chuẩn bị, ngày 22/12/1944, tại khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong Chỉ thị, Người ghi rõ: “Tên ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”; “Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác”; “Tuy lúc đầu quy mô

của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”[41].

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 người, biên chế thành 3 tiểu đội do đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Xích Thắng làm Chính trị viên. Đội có chi bộ Đảng lãnh đạo.

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Đảng (tháng 4/1945) đã quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trên cả nước (hợp nhất Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang khác), thành lập Việt Nam Giải phóng quân. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam Giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc đoàn, rồi Quân đội quốc gia Việt Nam (1946), đến năm 1950 được đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 22/12/1944 được lấy làm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Đánh thắng hai trận đầu (Phai Khắt, Nà Ngần), làm nòng cốt cùng toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám (1944 - 1945)

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi”. Ngay sau ngày thành lập, 17 giờ ngày 25/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã mưu trí, táo bạo, bất ngờ đột nhập vào đồn Phai Khắt (đóng tại tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình - nay thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) và 7 giờ sáng hôm sau (ngày 26/12) lại đột nhập đồn Nà Ngần (đóng tại xã Cẩm Lý, châu Nguyên Bình - nay thuộc xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), giết chết hai tên đồn trưởng, bắt sống toàn bộ binh lính địch trong hai đồn, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần đã mở đầu cho truyền thống đánh chắc thắng, đánh thắng trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Thời cơ để nhân dân Việt Nam vùng dậy giành tự do, độc lập đã đến. Sau khi phân tích tình hình, Trung ương Đảng quyết định: Phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Việt Nam giải phóng quân đã cùng lực lượng vũ trang các địa phương và nhân dân cả nước triệu người như một tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

Ngày 19/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang Thủ đô cùng đông đảo nhân dân Hà Nội bùng bùng khí thế xuống đường đấu tranh, tổ chức mít tinh tại Quảng trường Nhà hát thành phố. Hà Nội đổ rục rờ cách mạng.

Cuộc mít tinh mau chóng chuyển thành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền thắng lợi. Thắng lợi ở Hà Nội đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ các địa phương nổi dậy giành chính quyền. Chỉ trong một thời gian ngắn, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã giành thắng lợi trong cả nước, chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập từ Trung ương đến địa phương.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Đội Giải phóng quân hàng ngũ chỉnh tề đã cùng hàng trăm nghìn người tới dự mít tinh chào mừng Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập”, mở đầu một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên nhân dân đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

c) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

- Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946):

Cách mạng tháng Tám vừa giành được thắng lợi, quân và dân ta lại đứng trước những khó khăn chồng chất, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp được sự giúp sức của quân Anh và quân Nhật đã trắng trợn nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang và nhân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên, quyết chiến với quân xâm lược, mở đầu thời kỳ “Nam Bộ kháng chiến”. Ngay từ những ngày đầu, quân và dân Sài Gòn đã lập được nhiều chiến công. Các đội tự vệ cùng nhân dân thực hiện trong đánh, ngoài vây, chặn đứng các mũi tiến công của chúng ra vùng ven, giam chân và tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, nổi bật là các trận đánh ở cầu Thị Nghè, cầu Muối, cầu Lái Thiêu, cầu Bến Phên, đánh phá Khám Lớn... Mặc dù chưa có thời gian chuẩn bị, nhưng được cả nước tiếp sức và cổ vũ, quân và dân Sài Gòn đã vây địch trong thành phố hơn bốn tuần lễ, bước đầu làm thất bại âm mưu “đánh nhanh, giải quyết nhanh” của chúng, tạo điều kiện cho các nơi khác có thời gian chuẩn bị kháng chiến.

Cùng với việc đánh chiếm Nam Bộ, quân Pháp đánh rộng ra các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hòng thôn tính miền Nam nước ta từ vĩ tuyến 16 trở vào. Ở những nơi địch đến, quân và dân ta đã chiến đấu rất anh dũng, tiêu hao sinh lực địch, ngăn chặn bước tiến của chúng. Âm mưu và kế hoạch của chúng định đánh chiếm Nam Trung Bộ cho tới vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) bị thất bại. Lực

lượng của ta được bảo toàn.

Tại Bắc Bộ và Trung Bộ, từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10/1945, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch đã chiếm đóng hầu hết các thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra. Ở thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn, bọn Việt Nam Quốc dân đảng được quân Tưởng che chở đã có mặt khắp nơi trong thành phố, chúng ra sức tuyên truyền xuyên tạc, bắt cóc, tống tiền... Bộ đội ta đã giữ nghiêm kỷ luật, tránh xung đột với quân Tưởng, đồng thời hòa vào nhân dân, bảo vệ và làm nòng cốt trong các cuộc đấu tranh của quần chúng; cùng với nhân dân vạch mặt, cô lập bọn phản động, kiên quyết và khôn khéo đập tan các hoạt động phá hoại của chúng, trừng trị những tên nguy hiểm ngay trước mũi súng của quân Tưởng. Các cơ quan của Đảng và Chính phủ được bảo vệ. Hoạt động phá hoại của bọn phản động bị ngăn chặn. Trật tự, trị an ở Thủ đô và các thành phố được giữ vững.

Theo Sắc lệnh số 71 ngày 25/5/1946, Vệ quốc quân chính thức trở thành Quân đội quốc gia của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, biên chế thống nhất thành trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội. Cùng với 25 chi đội ở Nam Bộ, lúc này ở Bắc Bộ và Trung Bộ có 30 trung đoàn, tổng quân số lên tới 8 vạn người. Toàn quốc chia thành 12 chiến khu. Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội được thành lập từ Trung ương Quân ủy đến chi bộ. Công tác phát triển đảng viên mới được tiến hành tích cực. Đến cuối năm 1946, đã có gần 8.000 đảng viên. Hệ thống cơ quan công tác chính trị và đội ngũ chính trị viên được xây dựng từ trên xuống dưới, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Trung ương Đảng đối với Quân đội. Công tác huấn luyện quân sự ở các đơn vị được tiến hành rất khẩn trương. Các đơn vị đều có chương trình huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật. Việc đào tạo cán bộ được gấp rút tiến hành. Tháng 3/1946, Trung ương Đảng mở Trường quân chính Bắc Sơn. Tháng 5/1946, Bộ Quốc phòng khai giảng Trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Tháng 6/1946, Ủy ban Kháng chiến miền Nam mở Trường Lục quân Trung học Quảng Ngãi... Đến cuối năm 1946, đã đào tạo được hàng nghìn cán bộ, kịp thời đưa về các đơn vị cơ sở trước khi kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Vệ quốc quân và lực lượng tự vệ đã anh dũng trong đấu tranh vũ trang, vững vàng trong đấu tranh chính trị, thực hiện tốt nhiệm vụ chống giặc ngoài, thù trong, góp phần bảo vệ vững chắc chính quyền nhân dân, xứng đáng là công cụ bạo lực của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm đầu của chính quyền cách mạng.

- Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia toàn quốc kháng chiến, cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp (1946 - 1947):

Tháng 11/1946, thực dân Pháp tăng thêm quân, đổ bộ lên Đà Nẵng, Đà Sơn, Cát Bà. Để thực hiện chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh”, sau khi nổ súng ở Hải Phòng và Lạng Sơn (ngày 20/11/1946), chúng ráo riết chuẩn bị lực lượng hùng đánh úp các cơ quan đầu não của ta tại thủ đô Hà Nội, tiêu diệt bộ đội Vệ quốc quân và tự vệ tại các thành phố lớn, đồng thời đánh chiếm những địa bàn chiến lược ở Trung Bộ và Bắc Bộ.

Đêm 19 rạng ngày 20/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Tại Hà Nội, với tinh thần: “Quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh”, các chiến sĩ Vệ quốc quân, Công an xung phong, tự vệ đã chiến đấu rất dũng cảm. Nhiều trận đánh diễn ra rất quyết liệt ở khu vực Bắc Bộ Phủ, nhà ga, cầu Long Biên, chợ Đồng Xuân... Chỉ trong hai tháng chiến đấu, quân và dân Hà Nội đã đánh gần 200 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2.000 tên địch, phá hủy hơn 100 xe, bắn rơi và phá hủy 5 máy bay. Cùng với Hà Nội, quân và dân ta ở nhiều thành phố, thị xã khác cũng tiến công vây hãm quân địch. Tại Vinh, ta buộc một trung đội lính Pháp đầu hàng; ở Nam Định, ta vây hãm quân địch 90 ngày đêm, diệt 400 tên; ở Huế, cuộc chiến đấu kéo dài 50 ngày, 200 tên địch bị tiêu diệt; ở Đà Nẵng, gần một vạn quân Pháp bị vây hãm trong 90 ngày với hàng trăm tên bị tiêu diệt...

Đầu năm 1947, có thêm viện binh, thực dân Pháp mở nhiều cuộc tiến công lớn, đánh ồ ạt ở Trung Trung Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc, đường số 5 và đồng bằng Bắc Bộ hùng nhanh chóng mở rộng chiếm đóng ra cả nước. Chiến sự diễn ra trên gần 30 tỉnh ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Quân và dân các tỉnh nơi quân Pháp đánh rộng ra đã kiên quyết chặn đánh, tiêu hao sinh lực địch, làm chậm bước tiến của chúng, giữ gìn, phát triển lực lượng của ta. Phối hợp với tiếng súng kháng chiến ở Bắc Bộ, Trung Bộ, quân và dân Nam Bộ đã mở các cuộc tiến công, quấy rối, phong tỏa, phá hoại, đánh vào phía sau lưng địch, đồng thời kiên quyết ngăn chặn âm mưu địch lợi dụng tôn giáo, chia rẽ hàng ngũ kháng chiến. Chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của giặc Pháp bước đầu bị phá sản.

Mùa Xuân năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ lên Việt Bắc. Khu giải phóng trước cách mạng tháng Tám trở thành trung tâm chỉ đạo cả nước kháng chiến.

Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp muốn kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của chúng bằng chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh”. Chúng đã huy động

hơn hai vạn quân tinh nhuệ có máy bay, tàu chiến hỗ trợ, mở chiến dịch bất ngờ tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, kết thúc “chớp nhoáng” cuộc chiến tranh xâm lược. Sau hơn hai tháng chiến đấu (từ ngày 7/10 đến ngày 20/12/1947), ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, bắn rơi 18 máy bay, bắn chìm, bắn cháy 50 tàu, ca nô, phá hủy 255 xe cơ giới, thu hàng nghìn súng các loại. Đây là chiến dịch phản công quy mô lớn đầu tiên giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta; đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn và làm phá sản chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của chúng; bảo toàn và phát triển bộ đội chủ lực, bảo vệ cơ quan đầu não và căn cứ địa của cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển sang một thời kỳ mới.

- Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại âm mưu bình định và phản công của địch (1948 - 1952):

Sau chiến dịch Việt Bắc, Quân đội ta đã có bước trưởng thành, song về vũ khí, trang bị và trình độ tổ chức chỉ huy còn hạn chế, chưa có khả năng mở những chiến dịch lớn. Để đánh bại âm mưu bình định của địch, ta chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng khắp và thực hiện “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”, vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích vừa học tập tác chiến tập trung vận động chiến. Cùng với phát triển chiến tranh du kích, các tiểu đoàn tập trung được củng cố xây dựng và từng bước tiến lên đánh những trận phục kích, tập kích lớn hơn, đó là tiền đề của chiến tranh chính quy sau này. Từ Thu Đông năm 1948 đến đầu năm 1950, bộ đội ta liên tục mở trên 30 chiến dịch nhỏ trên các chiến trường. Mức độ tập trung cho mỗi chiến dịch từ 3 đến 5 tiểu đoàn, sau nâng dần lên 2 đến 3 trung đoàn, có chiến dịch sử dụng cả sơn pháo và trọng liên. Trong nhiều trận đánh, quân ta đã tiêu diệt từng đại đội đến tiểu đoàn địch ở ngoài công sự và tiêu diệt cứ điểm có trên dưới một đại đội địch đóng giữ. Tiêu biểu là chiến dịch Bắc Quảng Nam (1/1949); chiến dịch Sông Thao (5/1949); chiến dịch Sông Lô (5/1949); chiến dịch Lê Lợi (11/1949); chiến dịch Cầu Kè (12/1949); chiến dịch Lê Hồng Phong I (đầu năm 1950)...

Cuối năm 1949 đầu năm 1950, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, có lợi cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta. Trước tình hình đó, Đảng ta đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị lực lượng để chuyển sang tổng phản công. Trên cơ sở chiến tranh du kích phát triển, Bộ Tổng Tư lệnh chủ trương rút các đại đội độc lập về xây dựng các trung đoàn, đại đoàn chủ lực. Ngày 28/8/1949, Đại đoàn 308 ra đời; ngày 10/3/1950, Đại đoàn 304 được thành lập. Lực lượng pháo binh, công binh, trinh sát được bổ sung biên chế. Bộ Quốc phòng được kiện toàn với ba cơ quan: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp. Công tác

huấn luyện được đẩy mạnh. Qua các cuộc vận động “luyện quân lập công”, “rèn cán chỉnh quân” trong các năm 1948, 1949 và đầu năm 1950, lực lượng vũ trang ta không ngừng phát triển và ngày càng lớn mạnh.

Tháng 6/1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên Giới nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông với các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến dịch mở màn từ ngày 16/9 và kết thúc vào ngày 14/10/1950. Kết quả ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên địch, thu hơn 3.000 vũ khí, phương tiện chiến tranh; 5 thị xã, 13 thị trấn, nhiều vùng đất đai quan trọng, bao gồm cả một dải biên giới Việt - Trung dài 750 km với 35 vạn dân được giải phóng. Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố, nối liền đất nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa. Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của Quân đội ta sau 4 năm kháng chiến, một chiến dịch đánh vận động, đánh tiêu diệt xuất sắc, đạt hiệu suất chiến đấu cao; đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về nghệ thuật tổ chức và chỉ đạo chiến dịch của Quân đội ta, góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường: Ta bước sang giai đoạn chiến lược phản công và tiến công, quân Pháp chuyển dần sang chiến lược phòng ngự.

Trong lúc địch còn hoang mang, chưa kịp tăng cường phòng thủ đồng bằng, ta chủ trương nhanh chóng phát huy thắng lợi Biên Giới, liên tục tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, giành ưu thế quân sự, tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Các đại đoàn chủ lực liên tiếp được thành lập: Đại đoàn 312 (12/1950), Đại đoàn 320 (1/1951), Đại đoàn 316 (5/1951) và Đại đoàn công pháo 351 (5/1951).

Như vậy, vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng, đến giữa năm 1951, đội quân chủ lực trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh đã có 5 đại đoàn bộ binh và một đại đoàn công binh, pháo binh. Quân đội ta đã có sự lớn mạnh cả về quy mô và khả năng tác chiến; đã tổ chức nhiều trận đánh lớn, mở những chiến dịch tiến công và phản công, lập chiến công oanh liệt. Trong vòng 6 tháng, từ ngày 25/12/1950 đến ngày 20/6/1951, quân ta đã mở ba chiến dịch: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (12/1950); chiến dịch Hoàng Hoa Thám (3/1951); chiến dịch Quang Trung (5/1951). Đây là những chiến dịch quy mô lớn đầu tiên đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Ta đã diệt hơn một vạn tên địch, trong đó gần một nửa là quân cơ động.

Đầu tháng 11/1951, Tổng Quân uỷ quyết định mở chiến dịch Hoà Bình. Chiến dịch diễn ra từ ngày 10/12/1951 đến ngày 25/2/1952. Kết quả quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên địch, bắn rơi 9 máy bay, bắn chìm 17

tàu, xuồng và phá hủy hàng trăm xe vận tải. Trong chiến dịch này, bộ đội ta có bước tiến bộ mới về trình độ chiến thuật, kỹ thuật, về khả năng chiến đấu liên tục dài ngày, về sự phối hợp tác chiến giữa ba thứ quân.

Sau thất bại ở chiến dịch Hòa Bình, để cứu vãn tình thế, từ tháng 3 đến tháng 5/1952, địch mở liên tiếp gần 20 trận càn vào các căn cứ du kích của ta nhằm bình định lại đồng bằng Bắc Bộ. Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đây diễn ra gay go, quyết liệt. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương khi phân tán, lúc tập trung, đánh chính diện, đánh vào những nơi, những lúc địch sơ hở và đã bẻ gãy nhiều trận càn quét của chúng ở Bắc Ninh, Quảng Yên, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình... làm cho quân Pháp không thể bình định được đồng bằng Bắc Bộ. Tại Trung Bộ và Nam Bộ, sau một thời gian củng cố, bộ đội ta đã đứng vững trên các địa bàn, cùng du kích chống càn quét và tiến công các căn cứ địch; góp phần tiêu hao, tiêu diệt, kiềm chế một bộ phận quan trọng lực lượng quân sự của địch, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, mở rộng nhiều vùng căn cứ, đánh bại âm mưu bình định của địch.

Mùa Thu năm 1952, Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng tiến công của bộ đội chủ lực lên miền Tây Bắc. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng mà địch sử dụng để uy hiếp căn cứ địa Việt Bắc và che chở cho khu vực Thượng Lào; nhưng lại là nơi địch có nhiều sơ hở, ta có điều kiện tiêu diệt nhiều sinh lực của chúng. Đầu tháng 9/1952, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc. Chiến dịch diễn ra từ ngày 14/10 đến ngày 12/12/1952. Kết quả ta đã tiêu diệt và bắt hơn 6.000 tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn ở địa bàn chiến lược quan trọng (khoảng 30.000 km² với 25 vạn dân). Vùng giải phóng Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc và Thượng Lào được nối thông. Ta giữ vững thế chủ động tiến công, làm thất bại âm mưu mở rộng chiếm đóng của địch. Ngày 5/12/1952, tại Bình - Trị - Thiên, Đại đoàn 325 được thành lập, góp phần tăng thêm sức mạnh chiến đấu của “các quả đấm chủ lực cách mạng”.

Trong thời gian hơn hai năm (từ đầu năm 1951 đến giữa năm 1953) quân và dân ta đã tăng cường lực lượng về mọi mặt, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng chiến lược, mở rộng và củng cố vùng tự do, xây dựng thêm nhiều căn cứ du kích vững mạnh trong vùng sau lưng địch, đánh bại âm mưu bình định và phản công quyết liệt của chúng; giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược của ta, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới, chuẩn bị cho thắng lợi Đông - Xuân 1953 - 1954.

- Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân giành thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ:

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương và trên cơ sở đánh giá đúng tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch, tháng 9/1953 Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh cho các đơn vị chủ lực phối hợp mở đợt tiến công mạnh mẽ trên các chiến trường. Ta đã hình thành năm đòn tiến công chiến lược tại Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia, Tây nguyên và Thượng Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và làm phá sản âm mưu tập trung lực lượng cơ động của Na-va, buộc chúng phải căng ra đối phó ở khắp nơi; ta đã hoàn toàn nắm quyền chủ động, kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

Trước thời cơ thuận lợi, ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị họp quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Quyết tâm chiến lược của ta là: “Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để tạo nên một bước ngoặt mới trong chiến tranh, trước khi đế quốc Mỹ can thiệp sâu hơn vào Đông Dương”. Với ý nghĩa đặc biệt quan trọng của chiến dịch, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy đã quyết định tập trung năm đại đoàn trực tiếp tham gia (4 Đại đoàn bộ binh: 304 (thiếu Trung đoàn 66), 308, 312, 316 và 1 Đại đoàn công pháo 351). Ngoài ra, còn có 3 tiểu đoàn pháo cối và 1 tiểu đoàn hỏa tiễn 6 nòng; hai đại đoàn tác chiến ở các hướng phối hợp (Đại đoàn 320 và 325).

Từ ngày 13 đến ngày 17/3/1954, quân ta nổ súng mở đợt tiến công thứ nhất vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, lần lượt tiêu diệt các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, bức quân địch ở Bản Kéo đầu hàng, mở thông cửa vào trung tâm tập đoàn cứ điểm. Từ ngày 30/3 đến 30/4/1954, quân ta mở đợt tiến công thứ hai tiêu diệt các cứ điểm phía Đông; cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra rất quyết liệt, vòng vây của quân ta khép chặt dần, vây hãm quân địch vào tình thế rất khôn đốn. Từ ngày 1 đến 7/5/1954, quân ta tiến công đợt thứ ba, lần lượt đánh chiếm các cứ điểm phía Đông và phía Tây, bẻ gãy các cuộc phản kích, tiêu diệt toàn bộ địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. 17 giờ 30 phút ngày 7/5/1954, ta chiếm sở chỉ huy của địch, bắt tướng Đờ-cát cùng toàn bộ Bộ Tham mưu địch.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tổng số quân địch bị tiêu diệt và bắt sống là 16.200 tên, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay; thu toàn bộ vũ khí, kho tàng, cơ sở vật chất kỹ thuật của địch ở Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng đòn quyết định, tạo bước ngoặt lịch sử làm thay đổi hẳn cục diện chiến

tranh giữa ta và địch; trực tiếp đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; chấm dứt hoàn toàn ách xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước ta và các nước trên bán đảo Đông Dương; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng tháng Tám. Miền Bắc được giải phóng, tạo cơ sở và điều kiện vững chắc để quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong thắng lợi vẻ vang của dân tộc, Quân đội ta đã góp phần xứng đáng như lời Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên dương trong phiên họp lần thứ tư khóa I, ngày 20/8/1955: “Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiến đấu hết sức anh dũng trong những hoàn cảnh vô cùng gian khổ, đã lập được những chiến công rực rỡ, ghi vào lịch sử kháng chiến vĩ đại của dân tộc những trang sử oanh liệt nhất, do đó đã đưa cuộc kháng chiến của dân tộc ta đến thắng lợi to lớn ngày nay”. Giương cao ngọn cờ “Quyết chiến quyết thắng” mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao, Quân đội ta cùng với toàn dân bước tiếp sang một chặng đường chiến đấu oanh liệt mới.

2. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

a) Quân đội nhân dân Việt Nam tiến lên chính quy, hiện đại; cùng toàn dân xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa; giữ gìn, phát triển lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam (1954 - 1960)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ mở ra một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Việt Nam. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Nhiệm vụ trước mắt của quân và dân hai miền Nam - Bắc là đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, ra sức củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Quân đội nhân dân được Trung ương Đảng xác định là “trụ cột bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình”. Tháng 3/1957, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp Hội nghị lần thứ 12 chỉ rõ phương hướng xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng trong thời kỳ mới. Quân đội ta đã bước vào xây dựng theo Kế hoạch quân sự 5 năm lần thứ nhất (1955 - 1960). Nhiệm vụ và phương châm lúc này là: Tích

cực xây dựng Quân đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước lên chính quy, hiện đại. Các đơn vị trong toàn quân đã tiến hành chấn chỉnh tổ chức, thống nhất biên chế. Các liên khu được tổ chức lại thành các quân khu. Các đại đoàn bộ binh trong kháng chiến chống Pháp được củng cố, tăng cường, đổi mới trang bị, xây dựng thành các sư đoàn tương đối hiện đại. Các đơn vị tập kết từ miền Nam và từ chiến trường Lào, Campuchia được tổ chức thành một số sư đoàn mới. Các binh chủng: Pháo binh, Phòng không đều phát triển. Một số đơn vị mới (Hóa học, Thiết giáp, Ra đa) được thành lập. Các chế độ, chính sách quy định được ban hành. Luật Sĩ quan và việc phong quân hàm trong Quân đội, Luật Nghĩa vụ quân sự được Quốc hội khóa I thông qua. Một số điều lệnh, điều lệ được soạn thảo và đưa ra thực hiện. Hệ thống nhà trường chính quy được tổ chức, góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Quân đội. Công tác huấn luyện bộ đội được tiến hành với nội dung và phương pháp chính quy, nhanh chóng nâng cao trình độ, khả năng chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu của bộ đội. Công tác giáo dục chính trị được coi trọng, nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa.

Đến năm 1960, Quân đội ta đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch quân sự 5 năm lần thứ nhất; có bước trưởng thành mới, từ lực lượng chủ yếu là bộ binh với tổ chức chưa thật thống nhất, vũ khí trang bị còn thiếu thốn đã trở thành Quân đội chính quy, ngày càng hiện đại, gồm các quân chủng: Lục quân, Hải quân, Phòng không - Không quân. Đây là bước phát triển rất quan trọng, tạo nền móng cho xây dựng Quân đội tiến tới chính quy, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ mới của cách mạng.

Đồng thời, Quân đội đã tích cực tham gia công tác tiếp quản các thành phố, thị xã và các vùng do quân Pháp chiếm đóng ở miền Bắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ quân quản, phối hợp với các lực lượng công an nhanh chóng thiết lập trật tự, trị an, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, đấu tranh chống địch bắt người, cướp của, phá hoại tài sản công cộng. Trước âm mưu của bọn phản động tay sai của đế quốc Mỹ cường ép đồng bào theo đạo Ki-tô di cư vào Nam, nhiều đơn vị bộ đội đã tích cực thực hiện nhiệm vụ vận động quần chúng, chống cường ép di cư. Cán bộ, chiến sĩ ta đã thay nhau đi vào những vùng đồng bào có đạo bị bọn phản động khống chế, kiên trì giải thích đường lối, chính sách của Đảng, vạch trần âm mưu của chúng. Ở vùng rừng núi, kẻ địch sau khi rút chạy còn cài lại tay chân và tung biệt kích, thổ phỉ quấy rối, phá hoại hậu phương ta. Bộ đội ta đã kiên trì cùng công an và dân quân tiểu phỉ, trừ gian, xây dựng vùng biên giới hòa bình. Bên cạnh đó, Quân đội còn tích cực tham gia lao động sản xuất, góp phần khôi phục

kinh tế, hàn gắn các vết thương chiến tranh. Các đơn vị quân đội đã cùng toàn dân tổ chức khai hoang phục hóa, chống hạn, đắp đê, chống lụt bão... Trên mặt trận mới, nhiều đơn vị được giao nhiệm vụ tham gia khôi phục, phát triển kinh tế; nhiều nông trường do Quân đội làm nòng cốt được thành lập và nhiều công trình của Nhà nước do Quân đội tham gia xây dựng đã góp phần rất quan trọng vào việc tạo ra tiền đề vật chất, kỹ thuật cho xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Ở miền Nam, ngay sau khi Pháp thua trận, Mỹ ráo riết thực hiện âm mưu hắt cẳng Pháp, xâm lược và thống trị bằng chủ nghĩa thực dân mới, xây dựng miền Nam thành căn cứ quân sự của Mỹ, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Tháng 6/1954, Mỹ dựng chính phủ Ngô Đình Diệm ở miền Nam và lôi kéo một số nước thành lập Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO), ngang nhiên đặt miền Nam Việt Nam dưới sự bảo trợ của tổ chức này. Trong những năm 1954 - 1960, Mỹ - Diệm thực hiện chính sách khủng bố tàn bạo, gây ra những tổn thất nặng nề cho cách mạng miền Nam.

Trước tình hình đó, tháng 1/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II mở rộng họp tại thủ đô Hà Nội. Hội nghị nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam và vạch rõ con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng. Chấp hành nghị quyết của Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng đã quyết định đẩy mạnh hơn nữa công cuộc xây dựng Quân đội. Việc chuẩn bị cho bộ đội ta vào Nam chiến đấu cũng được xúc tiến. Theo đó, Sư đoàn 338 bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc đã được tập trung huấn luyện trước khi lên đường vào Nam chiến đấu. Ngày 19/5/1959, Đoàn 559 được thành lập với nhiệm vụ mở đường dọc dãy Trường Sơn bảo đảm cho lực lượng ta vào Nam chiến đấu và vận chuyển lương thực, súng đạn từ miền Bắc vào miền Nam. Tiếp đó, Đoàn 759 cũng được thành lập với nhiệm vụ vận chuyển, tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam theo đường biển.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi. Nghị quyết được phổ biến đến đâu, phong trào cách mạng tiến công của nhân dân miền Nam dấy lên đến đấy. Tháng 8/1959, nhân dân nhiều xã trong huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) được trung đội vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh hỗ trợ, đã nổi dậy khởi nghĩa diệt ác, trừ gian, giành chính quyền ở một số thôn, xã. Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan sang các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ... Tháng 1/1960, Tỉnh ủy Bến Tre quyết định phát động toàn dân "Đồng Khởi", diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Nhân dân các huyện Mỏ Cày, Minh Tân, Thạnh Phú đã nhất loạt nổi dậy, phá vỡ hoặc làm tê liệt chính quyền áp, xã của địch, thành lập chính quyền nhân dân tự quản. Phong trào Đồng Khởi giành chính quyền đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều tỉnh ở Nam Bộ,

Khu 5, Tây Nguyên... tạo thành một vùng căn cứ rộng lớn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi có ý nghĩa rất quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ, hình thành một cao trào cách mạng đồng khởi vũ trang của quần chúng ở vùng nông thôn.

Từ phong trào Đồng Khởi, các lực lượng vũ trang nhân dân ta ở miền Nam phát triển nhanh chóng. Đầu năm 1959, ta mới có vài nghìn du kích, đến cuối năm 1960, nhiều xã, huyện đã có tiểu đội, trung đội và đại đội du kích; một số tỉnh, khu đã có bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực với quân số lên đến hàng vạn người. Trong năm 1960, bằng chiến tranh du kích, quân và dân miền Nam đã liên tục chiến đấu, tiêu diệt hàng nghìn tên địch. Để đẩy mạnh cao trào cách mạng của quần chúng, ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Tiếp đó, để thống nhất các lực lượng vũ trang nhân dân ở chiến trường miền Nam, ngày 15/2/1961, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, bộ phận trực tiếp của Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chiến đấu ở miền Nam.

b) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961 - 1965)

Từ năm 1961, để đối phó với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới và phong trào cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược quân sự toàn cầu, từ “trả đũa ồ ạt” sang “phản ứng linh hoạt”. Miền Nam Việt Nam được Mỹ dùng làm nơi thử nghiệm chiến lược này với loại hình chiến tranh mới được gọi là “Chiến tranh đặc biệt”. Chúng sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng chủ yếu; Mỹ cung cấp vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự, tài chính và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự và dân sự từ trung ương đến các tỉnh, đặc khu, các sư đoàn và tiểu đoàn. Đồng thời, thực hiện ba biện pháp chiến lược cơ bản: Tìm diệt bộ đội chủ lực và cơ sở cách mạng; bình định để nắm dân; phá hoại miền Bắc bằng biệt kích và phong tỏa biên giới, vùng biển để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc. Trong đó, bình định được coi là mục tiêu chủ yếu, tìm diệt là biện pháp hỗ trợ cho bình định đạt hiệu quả.

Thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, địch đã tổ chức lại lực lượng (thành lập 4 quân đoàn chủ lực, phân chia chiến trường thành 4 vùng chiến thuật). Được cố vấn Mỹ chỉ huy và dựa vào hỏa lực Mỹ chi viện, quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân đánh phá vùng giải phóng, gom dân lập “ấp chiến lược”. Quân và dân ta đã đánh 15.525 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 28.966 tên, vùng giải phóng được giữ vững và mở rộng. Trong đó, tiêu biểu là chiến thắng Ấp Bắc (1/1963), mở đầu cho sự thất bại của chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiệt xa

vận”, đồng thời mở ra phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công” sôi nổi khắp miền Nam. Những thắng lợi to lớn đó đã làm cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản.

Nhằm hạn chế những tổn thất và cứu nguy cho thất bại ở chiến trường miền Nam, sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (8/1964), đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân lần thứ nhất hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Ngày 5/8/1964, chúng mở cuộc tiến công “Mũi tên xuyên”, sử dụng 64 lần/chiếc máy bay đánh phá ồ ạt các khu vực sông Gianh (Quảng Bình), Cửa Hội (thành phố Vinh), Lạch Trường (Thanh Hóa), Bãi Cháy (Quảng Ninh). Với tinh thần cảnh giác cao, được chuẩn bị tốt về mọi mặt, các đơn vị hải quân, phòng không, dân quân tự vệ đã mưu trí, dũng cảm chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương nhiều chiếc khác. Trận đầu đánh thắng không quân Mỹ đã cổ vũ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân dân cả nước. Ngày 5/8 trở thành Ngày truyền thống đánh thắng trận đầu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Trên cơ sở những thắng lợi trong năm 1963 và đầu năm 1964, tháng 10/1964, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Nam mở đợt hoạt động Đông - Xuân 1964 - 1965, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực nguy, mở rộng vùng giải phóng. Các chiến trường chính là miền Đông Nam Bộ, miền Trung Trung Bộ và Tây Nguyên. Sau chiến thắng Bình Giã (2/12/1964 - 3/1/1965), Ba Gia (5/1965), Đồng Xoài (10/5 - 22/7/1965), chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ hoàn toàn bị phá sản, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta bước sang một giai đoạn mới.

c) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ vào trực tiếp tham chiến trên chiến trường miền Nam (số quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam từ 23.000 (1/1965) tăng lên 60.000 (6/1965) và tăng vọt lên 184.000 (12/1965), cùng một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh đã được huy động vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Theo sau quân Mỹ là 20.000 quân đồng minh. Toàn bộ mục tiêu chiến lược của Mỹ trong cuộc chiến tranh này là để “tìm và diệt” chủ lực Quân giải phóng và cơ quan chỉ đạo cách mạng miền Nam, “bình định” miền Nam, uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam, buộc Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa phải ngồi vào bàn đàm

phán theo những điều kiện áp đặt của Mỹ.

Trước tình hình đó, ngày 24/4/1965, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các lực lượng vũ trang trên chiến trường miền Nam tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh tác chiến của bộ đội chủ lực, mở những đợt hoạt động quy mô chiến dịch cùng lúc trên nhiều hướng, kết hợp tiến công quân sự với khởi nghĩa của quần chúng ở từng khu vực, thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền, chuẩn bị đối phó và quyết thắng địch nếu chúng mở rộng thành chiến tranh cục bộ. Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương, trên cơ sở phát triển ba thứ quân, Thu - Đông năm 1965, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập tại chiến trường miền Nam 5 sư đoàn bộ binh và một sư đoàn pháo binh. Ngày 2/9/1965, Sư đoàn 9 bộ binh được thành lập tại vùng căn cứ tỉnh Bình Long (miền Đông Nam Bộ). Cùng ngày, trên chiến trường đồng bằng Khu 5, Sư đoàn 3 bộ binh được thành lập tại vùng căn cứ tỉnh Bình Định. Ngày 20/10/1965, Sư đoàn 2 bộ binh được thành lập tại vùng căn cứ tỉnh Quảng Nam. Ngày 23/11/1965, Sư đoàn 5 bộ binh được thành lập tại căn cứ tỉnh Bà Rịa. Ngày 20/12/1965, Sư đoàn 1 bộ binh được thành lập tại Tây Nguyên. Đoàn 80 pháo binh thuộc Bộ Tư lệnh Miền được bổ sung thêm quân số, vũ khí, trang bị tổ chức thành một đơn vị tương đương cấp sư đoàn mang phiên hiệu Đoàn 69 pháo binh (15/10/1965). Một số binh chủng mới cũng được thành lập: Binh chủng Tăng - Thiết giáp (6/1965), Binh chủng Công binh (6/1965), Binh chủng Đặc công (3/1967), Binh chủng Thông tin liên lạc (1/1968).

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu và phát triển lực lượng, bộ đội ta trên các chiến trường miền Nam đã tổ chức các trận tiến công, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân quy mô lớn của Mỹ - ngụy; mở ra phong trào “tìm Mỹ mà đánh”, “tìm ngụy mà diệt”. Điển hình là các trận đánh phủ đầu quân Mỹ ở Núi Thành (5/1965), Vạn Tường (8/1965), Plâyme (10/1965), Bàu Bàng - Dầu Tiếng (11/1965). Tiếp đó, trong mùa khô 1965 - 1966, đế quốc Mỹ huy động toàn bộ lực lượng quân Mỹ, quân đội Sài Gòn và quân đồng minh mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất trên chiến trường miền Nam. Qua nửa năm chiến đấu gian khổ, quyết liệt, quân và dân ta ở miền Nam đã đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục nghìn tên địch, phá hủy nhiều máy bay, xe tăng, xe bọc thép.

Mùa hè năm 1966, Mỹ đưa thêm 10 vạn quân sang chiến trường miền Nam Việt Nam. Tháng 8/1966, số quân Mỹ trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lên đến gần 30 vạn và đến cuối năm là gần 37 vạn. Với lực lượng đông đảo, tháng 10-1966, đế quốc Mỹ quyết định mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm tiêu diệt chủ lực và cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam bằng ba cuộc hành quân quy mô lớn: Ất-ton-bo-rơ, Xê-đa-phôn và Gian-xơn Xi-

ti, tập trung trên một hướng miền Đông Nam Bộ. Dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân phát triển cao, lực lượng vũ trang tại chỗ của ta đã trụ bám trận địa, quần lộn với địch, tiến công rộng khắp bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực Quân giải phóng mở các cuộc tiến công vào chỗ sơ hở, gây cho địch nhiều thiệt hại về sinh lực và phương tiện chiến tranh. Bị thất bại nặng nề, buộc quân Mỹ phải chấm dứt cuộc phản công chiến lược lần thứ hai mùa khô 1966-1967. Trong khi đó, gọng kìm “bình định” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn cũng bị quân và dân miền Nam bẻ gãy, tạo điều kiện đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển lên một bước mới.

Giữa lúc cuộc chiến tranh leo thang của đế quốc Mỹ đến đỉnh cao nhất, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). Chỉ trong một thời gian ngắn, quân và dân ta đã tiến công vào hàng loạt mục tiêu nằm sâu trong các đô thị trên toàn miền Nam, gây cho địch thương vong rất nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế trận chiến lược của Mỹ. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ về nước. Ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

d) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)

Với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ không cam tâm chịu thất bại, từ năm 1969 chúng chuyển sang thi hành “Học thuyết Níchxon” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Trong những năm 1969 - 1972, đế quốc Mỹ sử dụng tối đa về sức mạnh quân sự kết hợp với những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt, hòng giành lại thế mạnh, cô lập và bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Quân và dân ta đã phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu của nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em, giành được những thắng lợi to lớn, tiêu biểu là chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (từ 30/1 đến 23/3/1971). Kết quả là trên 21.000 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, bắn rơi và phá hủy 556 máy bay, 528 xe tăng, xe bọc thép, 112 khẩu pháo, cối...

Thắng lợi của chiến dịch đã tác động mạnh đến cục diện chiến trường, giáng đòn chí tử vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ. Chiến dịch Đông Bắc Campuchia (2/1971) bộ đội ta đã phối hợp lực lượng cách mạng Campuchia

loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20.000 tên địch, bắn rơi 238 máy bay, phá hủy 1.500 xe quân sự, 167 khẩu pháo; đánh bại cuộc hành quân lớn của địch, làm thất bại âm mưu của Mỹ dùng quân đội Sài Gòn làm lực lượng nòng cốt trên chiến trường ba nước Đông Dương.

Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ba nước Đông Dương trong Xuân - Hè 1971 đã dẫn đến những thay đổi quan trọng trong cục diện chiến tranh. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ bị thất bại một bước nghiêm trọng. Để thúc đẩy chiều hướng phát triển của tình hình, Hội nghị Bộ Chính trị (5/1971) chủ trương “phát triển thế tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam, đánh bại chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua”. Kế hoạch tác chiến năm 1972 đã được Hội nghị Quân ủy Trung ương thông qua (6/1971). Theo đó, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam bằng các chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng ở Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ; các chiến dịch tiến công tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long, Trung Bộ.

Từ ngày 30/3 đến ngày 27/6/1972, bộ đội ta mở chiến dịch tiến công Trị - Thiên. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 27.000 tên địch, thu và phá hủy 636 xe tăng, xe bọc thép, 1.870 xe quân sự, 419 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 340 máy bay, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Từ ngày 1/4/1972 đến ngày 19/1/1973, bộ đội ta mở tiếp chiến dịch tiến công Nguyễn Huệ (miền Đông Nam Bộ). Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 13.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy 400 máy bay; giải phóng một vùng rộng lớn trên hướng chiến lược xung yếu ở Tây Bắc Sài Gòn, làm thay đổi cục diện chiến trường miền Đông Nam Bộ, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc tiến công chiến lược 1972. Tiếp theo, ta mở chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8 (miền Trung Nam Bộ, 6/1972), loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 30.000 tên địch, làm tan rã 10.000 tên, bắn rơi 60 máy bay, bức rút 356 đồn, giải phóng 27 xã, 240 ấp với 14 vạn dân.

Trước nguy cơ đổ vỡ của quân đội Sài Gòn - xương sống của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Níchxơn buộc phải huy động trở lại lực lượng quân sự Mỹ vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chúng tăng số máy bay chiến lược, chiến thuật lên gấp hai lần, tăng số tàu chiến lên gấp ba lần, sử dụng không quân và hải quân Mỹ làm lực lượng chiến đấu trực tiếp, cùng quân đội Sài Gòn phản kích trên chiến trường miền Nam. Ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân mở cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc lần thứ hai (chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ 1) với quy mô lớn, ác liệt hơn lần trước. Với tinh thần dũng cảm và cách đánh mưu trí, qua 7 tháng chiến đấu quyết

liệt, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 654 máy bay, bắn chìm và bắn cháy gần 125 tàu chiến Mỹ.

Trước những thất bại nặng nề, đêm 18/12/1972, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn nhất mang tên “Chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ 2” vào miền Bắc. Chúng sử dụng một số lượng lớn máy bay chiến lược B-52 và máy bay chiến thuật hiện đại nhất (F-111) đánh tập trung ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng và một số khu vực khác trên miền Bắc. Một lần nữa quân và dân miền Bắc anh dũng chiến đấu, đánh bại cuộc tập kích chiến lược của địch; bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 chiếc B-52, 5 F-111, diệt và bắt sống nhiều phi công. Bị tổn thất lớn và không đạt mục đích, Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra và nối lại cuộc đàm phán ở Pari. Dư luận thế giới gọi đây là trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Thắng lợi to lớn của quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân, cùng với những thắng lợi trên chiến trường miền Nam đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam (27/1/1973), cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt dính líu về quân sự, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam.

Trải qua gần 30 năm xây dựng và chiến đấu, Quân đội ta đã không ngừng trưởng thành vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Để sớm kết thúc chiến tranh, theo đề nghị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, trong hai năm 1973 - 1974 và đến đầu năm 1975, Bộ Chính trị đã phê chuẩn việc thành lập các quân đoàn: Quân đoàn 1 (10/1973), Quân đoàn 2 (5/1974), Quân đoàn 3 (3/1975), Quân đoàn 4 (7/1974) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn, 2/1975), đánh dấu bước phát triển mới của Quân đội nhân dân Việt Nam cả về quy mô tổ chức và trang bị vũ khí kỹ thuật. Quân đội ta có khả năng mở các chiến dịch tiến công bằng lực lượng binh chủng hợp thành quy mô lớn trên các hướng chiến lược, chiến dịch và đánh tiêu diệt địch với lực lượng lớn.

đ) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1973 - 1975)

Hiệp định Pari được ký kết là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta, đồng thời là một thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố, đế quốc Mỹ chưa chịu từ bỏ âm mưu duy trì chế độ thực dân mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Trong quá trình rút quân, đế quốc Mỹ vẫn để lại nhiều sĩ quan mặc áo dân sự và giao lại cho quân đội Sài Gòn toàn bộ cơ sở

vật chất, vũ khí, phương tiện chiến tranh. Dựa vào viện trợ Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức củng cố quân đội, liên tiếp mở các cuộc hành quân “tràn ngập lãnh thổ” lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

Trong hai năm 1973-1974, quân và dân ta liên tiếp giành được thắng lợi quan trọng, làm cho cục diện chiến trường tiếp tục thay đổi có lợi cho ta. Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10/1974 và đầu năm 1975 đã kịp thời đánh giá đúng so sánh lực lượng giữa ta và địch trong tình hình mới, chỉ rõ sự xuất hiện thời cơ lịch sử và nêu quyết tâm chiến lược, giải phóng miền Nam, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh thực dân mới của Mỹ bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 4/3/1975, bộ đội ta mở chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Sau một số trận đánh tạo thế và nghi binh chiến dịch, ngày 10 và 11/3/1975, quân ta tiến công bằng sức mạnh binh chủng hợp thành, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột. Đây là trận đánh then chốt quyết định của chiến dịch, một trận điểm đúng huyết, tiêu diệt nhiều lực lượng tinh nhuệ và khí tài chiến tranh của địch, làm rối loạn sự chỉ đạo chiến lược và đảo lộn thế phòng thủ của địch ở chiến trường Tây Nguyên. Tiếp đó, từ ngày 14/3 đến ngày 3/4/1975, quân ta tiến công tiêu diệt nhiều vị trí quân địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên.

Sau khi chiến dịch Tây Nguyên nổ ra được một ngày, ngày 5/3/1975, quân ta mở chiến dịch Trị - Thiên - Huế, giải phóng tỉnh Quảng Trị (19/3); từ ngày 21 đến ngày 25/3/1975, quân ta tiến công giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, tiêu diệt và làm tan dã toàn bộ quân địch trên chiến trường Trị - Thiên. Phát huy thắng lợi, từ ngày 26/3 đến ngày 29/3/1975, quân ta mở chiến dịch Đà Nẵng, giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà và thị xã Hội An (29/3), làm thay đổi hẳn cục diện và so sánh thế trận lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương, bộ đội ta tiến công giải phóng các tỉnh Bình Định, Phú Yên (1/4), Khánh Hòa (3/4), nối liền Tây Nguyên, Trị - Thiên và các tỉnh Trung Bộ.

Trên cơ sở những thắng lợi quyết định, ngày 15/4/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, ngày 26/4, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công đồng loạt vào các mục tiêu, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. Ngày 28/4, một biên đội máy bay A37 (phi đội Quyết thắng) của Binh chủng Không quân đã ném bom sân bay Tân Sơn Nhất, làm quân

địch càng thêm hoảng loạn, việc di tản bằng máy bay của chúng bị ngừng trệ. Ngày 29/4, quân ta tiến công tiêu diệt và làm tan rã các sư đoàn chủ lực số 5, 7, 25, 18 và 22 của quân đội Sài Gòn. Các binh đoàn thọc sâu tiến vào cách trung tâm thành phố Sài Gòn từ 10 đến 20km. Đại sứ Mỹ và các nhân viên quân sự, binh lính cuối cùng của Mỹ lên máy bay trực thăng rút khỏi Sài Gòn (sáng 30/4). 5 giờ sáng ngày 30/4, quân ta mở đợt tiến công cuối cùng. Vào lúc 10 giờ 45 phút, phân đội xe tăng thọc sâu của Quân đoàn 2 tiến vào dinh Độc Lập. Quân ta bắt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Cờ Tổ quốc tung bay trước tòa nhà chính của dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút.

Trong 2 ngày 30/4 và ngày 1/5, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các Quân khu 8 và 9 nắm thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ địch, giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, vùng biển và các đảo ở Tây Nam của Tổ quốc. Hơn một triệu quân đội Sài Gòn và cả bộ máy chính quyền địch bị đập tan, chế độ thực dân mới được Mỹ dốc sức xây dựng trong hơn 20 năm với 5 đời tổng thống đã hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất. Chiến dịch đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Song song với các cuộc tiến công trên bộ giành thắng lợi, thực hiện chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân chủng Hải quân đã khẩn trương chuẩn bị lực lượng, tranh thủ thời cơ, mưu trí, táo bạo, bất ngờ tiến công giải phóng quần đảo Trường Sa. Sáng 11.4.1975 ta sử dụng 3 tàu hải quân (673, 674 và 675) chở bộ binh, đặc công, xuất phát từ Đà Nẵng, vượt 800 ki-lô-mét ra khu vực quần đảo Trường Sa, đêm 13 rạng 14.4 bí mật đổ bộ lên đảo Song Tử Tây, bất ngờ nổ súng đánh chiếm đảo. Đêm 24.4 ta đưa thêm tàu hải quân 641 đến phối hợp chiến đấu, phát huy yếu tố bí mật, bất ngờ, tiếp tục giải phóng các đảo Sơn Ca (25.4), Nam Yết (27.4), Sinh Tồn (28.4), Trường Sa (29.4). Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia ở quần đảo Trường Sa, hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trải qua hơn 20 năm chiến đấu, quân và dân ta đã đánh thắng một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày, ác liệt và dã man nhất (kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai) của một đế quốc hùng mạnh nhất. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đã khẳng định:

“Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”[42].

3. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975 - 2019)

a) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên trong giai đoạn mới

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, chỉ thị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi, các đơn vị quân đội đứng chân trên các vùng mới được giải phóng đã phối hợp với Ủy ban quân quản các cấp, khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng cơ sở, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương; tổ chức cải tạo binh lính cảnh sát của bộ máy chính quyền cũ, trấn áp các phần tử và tổ chức phản động; truy quét tàn quân địch và FULRO; tích cực tham gia cải tạo tư sản công thương nghiệp, địa chủ, bài trừ các tệ nạn xã hội; thu hồi quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật quân sự của địch, xử lý chất độc hóa học, rà phá bom mìn... Các đơn vị quân đội đã tháo gỡ 2.447.985 quả mìn, đạn pháo, bom bi; thu nhặt tiêu hủy 7.447.987 vật liệu nổ vương vãi; thu hồi 5.329 tấn bom; giải phóng 97.585 ha đất phục hồi sản xuất, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, toàn quân đã bố trí 256.000 cán bộ, chiến sĩ chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài. Với lực lượng đó, Quân đội ta đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động, khắc phục khó khăn, gian khổ, thực hiện tốt nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao. Các đơn vị quân đội đã tham gia xây dựng tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam; khai hoang xây dựng các vùng kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh trên các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ...; xây dựng các công trình thủy lợi; khai thác và chế biến hải sản, xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng và các mặt hàng dân dụng. Các đơn vị sẵn sàng chiến đấu cũng hăng hái lao động sản xuất, góp phần vào xây dựng kinh tế, tăng thêm của cải cho xã hội. Những thành tựu của quân và dân ta đạt được trong những năm đầu đất nước thống nhất đã tạo cơ sở quan trọng khắc phục một bước về hậu quả chiến tranh, góp phần ổn định đời

sống nhân dân, tăng thêm sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.

b) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, làm tròn nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia và trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc

Sau 30 năm đoàn kết chiến đấu, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã cùng nhau chống kẻ thù chung và giành được thắng lợi hoàn toàn. Trên đất nước Campuchia, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của Campuchia giành thắng lợi, tập đoàn phản động Pôn Pốt đã dựng lên một chế độ độc tài vô cùng tàn bạo nhằm thực hiện mưu đồ ngông cuồng của chúng. Với tham vọng mở rộng đất đai và mưu đồ làm cho Việt Nam mất ổn định, chúng đòi hoạch định lại biên giới Việt Nam - Campuchia, xuyên tạc quan hệ đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương, vu khống Việt Nam, kích động sự hận thù giữa hai dân tộc; thanh trừng nội bộ và thực hiện chính sách phản động làm cho nhân dân Campuchia phải chịu những tai họa khủng khiếp của nạn diệt chủng, thành quả cách mạng của nhân dân bị thủ tiêu.

Ngày 3/5/1975, tập đoàn Pôn Pốt cho quân đổ bộ lên đảo Phú Quốc; ngày 10/5/1975, chúng tiến công đánh chiếm đảo Thổ Chu. Tiếp đó, chúng nhiều lần xua quân đi lấn chiếm lãnh thổ của nước ta ở Gia Lai, Kon Tum và Đắc Lắc. Từ tháng 4/1977, chúng phát động cuộc chiến tranh xâm lược vùng biên giới Tây Nam và đến mùa khô năm 1978, chúng đã huy động 19 trong tổng số 20 sư đoàn bộ binh mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới, gây ra nhiều cuộc thảm sát man rợ đối với nhân dân Việt Nam sống dọc biên giới.

Mặc dù hết sức kiềm chế, nhưng sau nhiều cố gắng ngoại giao không đạt kết quả, chúng ta buộc phải thực hiện quyền tự vệ chính đáng và đã kiên quyết đánh trả. Ngày 23/12/1978, quân và dân ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam đã tiến hành mở cuộc phản công chiến lược và đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pốt, đuổi chúng về bên kia biên giới. Thắng lợi của quân và dân ta ở biên giới Tây Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân Campuchia vùng dậy làm lại cách mạng. Đáp lời kêu gọi khẩn thiết của nhân dân và Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đã thực hiện cuộc tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào ngày 7/1/1979 và giải phóng toàn toàn bộ đất nước Campuchia vào ngày 17/01/1979, mở đường cho nhân dân Campuchia hồi sinh, xây dựng lại đất nước. Trong 10 năm (1979-1989), Quân tình nguyện và Chuyên gia Việt Nam đã phát huy tinh thần quốc tế trong sáng, cùng quân dân Campuchia truy quét tàn

quân Pôn Pốt, củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, ổn định cuộc sống của nhân dân.

Trong thời gian Quân tình nguyện Việt Nam cùng với các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đang truy quét tàn quân Pôn Pốt, ngày 17/2/1979, ở biên giới phía Bắc, đối phương đã huy động hơn 60 vạn quân tiến công trên toàn tuyến biên giới gồm 6 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tuyên (nay là Hà Giang và Tuyên Quang), Hoàng Liên Sơn (nay là Lào Cai và Yên Bái) và Lai Châu. Trên các hướng, dựa vào thế trận đã chuẩn bị sẵn, các lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ đã phối hợp với một bộ phận bộ đội chủ lực cùng đồng bào các dân tộc vùng biên giới đã anh dũng chiến đấu, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Trước sức chiến đấu mạnh mẽ của quân và dân ta, đồng thời bị dư luận tiến bộ trên thế giới và trong nước lên án mạnh mẽ, ngày 5/3/1979, đối phương buộc phải tuyên bố rút quân trên tất cả các hướng. Từ ngày 6/3/1979, đối phương vừa rút quân, vừa đánh phá, gây nhiều thiệt hại về người và của đối với đồng bào ta ở một số vùng giáp biên giới. Đến ngày 18/3/1979, về cơ bản đối phương đã rút quân khỏi nước ta. Tuy nhiên, trên thực tế, cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta còn tiếp diễn và tình hình biên giới phía Bắc vẫn căng thẳng kéo dài đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Trong cuộc chiến đấu này, nhân dân Việt Nam đã chịu nhiều tổn thất về sinh mạng và tài sản; tình hữu nghị Việt - Trung bị tổn thương nghiêm trọng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, làm thất bại âm mưu thâm độc của các thế lực phản động, bảo vệ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tạo môi trường chính trị ổn định để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào công cuộc lao động hòa bình. Một lần nữa bản chất cách mạng của “Bộ đội Cụ Hồ” được khẳng định, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào khi được Đảng, nhân dân giao nhiệm vụ cũng quyết tâm hoàn thành và hoàn thành xuất sắc.

c) Quân đội ta tiếp tục đẩy mạnh huấn luyện, xây dựng nền nếp chính quy, tham gia phát triển kinh tế - xã hội

Trong những năm 1980 - 1986, Quân đội ta đã đẩy mạnh công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng nền nếp chính quy. Công tác huấn luyện được tiến hành cơ bản, toàn diện. Toàn quân đã tổ chức hàng trăm cuộc diễn tập tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn với nhiều binh khí kỹ thuật hiện đại trên các địa bàn chiến lược, góp phần rèn luyện, nâng cao khả năng tổ chức chỉ huy của

cán bộ và trình độ sẵn sàng chiến đấu của bộ đội.

Hệ thống nhà trường quân đội được củng cố, phát triển đồng bộ và thực hiện nhiệm vụ đào tạo các bậc học theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên môn trong Quân đội theo kịp yêu cầu phát triển mới của đất nước. Công tác nghiên cứu khoa học quân sự, tổng kết chiến tranh được triển khai tích cực. Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị từng bước được đổi mới cả về nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành. Các đơn vị đã tập trung xây dựng tổ chức đảng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với làm tốt công tác cán bộ, công tác chính sách; bản lĩnh chính trị, tư tưởng của bộ đội được thường xuyên củng cố và tăng cường, làm cơ sở tạo nên sức mạnh tổng hợp của Quân đội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, cùng với toàn dân, các đơn vị quân đội đã tích cực tham gia xây dựng kinh tế góp phần quan trọng hoàn thành nhiều công trình trọng điểm như: Xây dựng các khu chuyên canh ở Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, xây dựng các đường giao thông chiến lược, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của đất nước sau chiến tranh. Nhiều đơn vị quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương Quân công và Chiến công các loại.

d) Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân tiến hành sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Quân đội nhân dân Việt Nam tự hào vì đã có những đóng góp xứng đáng vào những thành tựu chung của đất nước trong hơn 30 năm đổi mới. Đó là, Quân đội thường xuyên nắm chắc và dự báo đúng tình hình liên quan đến quốc phòng, an ninh; chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, ra nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược An ninh quốc gia, Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược biển Việt Nam, Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng... Tham mưu với Đảng và Nhà nước đề ra đối sách phù hợp, xử lý linh hoạt, đúng đắn các tình huống phức tạp, các vấn đề nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, trong quan hệ đối nội và đối ngoại, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, đồng thời không để cho các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quan hệ tốt với các nước láng giềng; bảo

đảm sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, với ý thức chính trị, quyết tâm cao, toàn quân đã kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa mục tiêu, quan điểm chỉ đạo công tác huấn luyện của Quân ủy Trung ương, xây dựng nghị quyết chuyên đề, kế hoạch thực hiện bằng nhiều biện pháp đồng bộ, phù hợp, tạo được bước chuyển biến tích cực, toàn diện trong thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Nổi bật là, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ về nhiệm vụ huấn luyện được nâng lên một bước; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp được phát huy. Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành huấn luyện có nhiều đổi mới tích cực, sát với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đối tượng, đơn vị, địa bàn. Nội dung, chương trình, phương pháp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra, hội thi, hội thao không ngừng được đổi mới, nhiều nội dung mới được triển khai, kịp thời cập nhật sự phát triển của khoa học - công nghệ quân sự, nghệ thuật tác chiến, phù hợp với yêu cầu xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác bảo đảm huấn luyện, nhất là về trường bắn, thao trường, bãi tập được quan tâm đúng mức. Trong quá trình huấn luyện, các đơn vị luôn bám sát phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”, coi trọng huấn luyện khai thác làm chủ vũ khí, trang bị, nhất là vũ khí, trang bị thế hệ mới, hiện đại; kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện chỉ huy cơ quan với xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện bộ đội; huấn luyện với làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra trên biển, biên giới, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa môi trường, cứu hộ, cứu nạn... Các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng tổ chức tốt các cuộc diễn tập chiến lược, chiến dịch, diễn tập khu vực phòng thủ; gắn diễn tập với luyện tập các phương án, kế hoạch tác chiến trên các hướng, địa bàn chiến lược. Đặc biệt, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo và tổ chức thành công nhiều cuộc diễn tập tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng quy mô lớn, khẳng định sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Quân đội, được Đảng và Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao.

Trong thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, Quân đội đã thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, duy trì và thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu ở tất cả các cấp, bảo vệ và quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, các địa bàn trọng điểm (Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ) và các thành phố lớn. Luôn luôn tỉnh táo, chủ động và kiên quyết thực hiện tốt nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là đấu tranh phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và thành quả cách mạng của nhân dân. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng,

tăng cường công tác quản lý biên giới, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với mọi hoạt động vượt biên, xâm nhập phá hoại của lực lượng phản động và các loại tội phạm. Đặc biệt, Quân đội đã chủ động tham gia và góp phần bảo đảm an toàn các sự kiện trọng đại của đất nước và các diễn đàn, hội nghị quốc tế được tổ chức tại Việt Nam. Bên cạnh đó, để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Quân đội đã tiến hành điều chỉnh bố trí lực lượng, thường xuyên bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống quyết tâm, phương án, kế hoạch tác chiến cho phù hợp với sự phát triển của tình hình và tích cực tổ chức luyện tập, diễn tập theo phương án đã xây dựng, nhằm tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, đối phó thắng lợi với mọi tình huống, nhất là các khu vực còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Trong thực hiện nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, Quân đội đã đạt được những thành tựu mới trên tất cả các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực quốc phòng, tham gia vào phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các ngành công nghiệp, hậu cần, kỹ thuật, dịch vụ... của Quân đội cũng từng bước được đổi mới, phát triển. Quân đội đã sản xuất được nhiều loại trang bị, vũ khí kỹ thuật, đồ dùng thiết yếu phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của bộ đội; sản xuất nhiều mặt hàng dân dụng phục vụ đời sống xã hội. Những hoạt động xây dựng kinh tế của Quân đội đã đáp ứng tốt sự nghiệp quốc phòng, nâng cao sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu, từng bước bố trí lực lượng và tạo thế chủ động trên các địa bàn chiến lược, giải quyết việc làm và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đồng thời góp phần tích cực vào sự tăng trưởng, tăng thêm năng lực cho nền kinh tế quốc dân.

Các đơn vị bộ đội thường trực tận dụng đất đai, đẩy mạnh tăng gia sản xuất tập trung, góp phần cải thiện đời sống bộ đội, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng thao trường với trồng rừng và bảo vệ rừng... Nguồn thu từ tăng gia sản xuất giúp các đơn vị có điều kiện tăng cường bữa ăn bộ đội trong các ngày lễ, Tết, mua sắm thêm doanh cụ, đồ dùng học tập, hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ, tặng quà động viên cán bộ, chiến sĩ. Nhiều đơn vị còn xây dựng được quỹ bình ôn tăng gia sản xuất phòng khi đơn vị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh... Các đơn vị sự nghiệp công lập (cơ sở nghiên cứu khoa học, bệnh viện, nhà trường, đoàn nghệ thuật, cơ sở dạy nghề...) tổ chức tốt hoạt động dịch vụ gắn với kỹ thuật, chuyên môn, vừa tham gia phát triển kinh tế - xã hội, vừa tạo nguồn thu góp phần tái đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, duy trì, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ; hỗ trợ cải thiện đời sống cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên của đơn vị; đóng góp một phần ngân sách cho quốc phòng.

Quân đội đã phát huy tốt vai trò nòng cốt xây dựng hệ thống các khu kinh tế - quốc phòng ở những vị trí chiến lược dọc tuyến biên giới, đất liền, ven biển. Đến nay, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của 28 khu kinh tế - quốc phòng và các doanh nghiệp quân đội tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn chiến lược đặc biệt khó khăn dọc biên giới đất liền, trên biển và hải đảo. Các khu kinh tế - quốc phòng đã đón nhận trên 101.000 hộ dân vào sinh sống, lập nghiệp; xây dựng mới hơn 500 điểm dân cư tập trung với hơn 32.000 hộ. Các khu kinh tế - quốc phòng đã thực sự là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, chính quyền địa phương; nhân tố không thể thiếu trong công tác xóa đói giảm nghèo, góp phần quan trọng vào xây dựng “thế trận lòng dân”, tăng cường niềm tin của đồng bào các dân tộc với Đảng, Nhà nước, tạo nền tảng cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc. Kết quả đó một lần nữa khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Chính phủ về triển khai xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng; đồng thời, cho thấy ý thức, trách nhiệm chính trị và vai trò nòng cốt của Quân đội trong thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Quân đội cũng đã tích cực tham gia phát triển một số loại hình kinh tế biển, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển, đảo, như: Khai thác, chế biến, nuôi trồng, xuất khẩu thủy sản, hải sản, đầu tư xây dựng các đội tàu công ích làm dịch vụ hậu cần nghề cá cho ngư dân; tham gia xây dựng và phát triển ngành đóng tàu biển, dịch vụ biển, dịch vụ cảng biển, trồng rừng trên đảo... Các đội tàu đánh bắt xa bờ của Quân đội đã kết hợp tốt giữa sản xuất kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, làm chỗ dựa tin cậy cho các ngư dân và các lực lượng khác của ta phát triển kinh tế biển, đặc biệt là ở các vùng biển, đảo xa bờ.

Những năm qua, Quân đội đã kịp thời sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Trong đó, tập trung chỉ đạo chuyển đổi các doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và năm 2014, góp phần điều chỉnh cơ cấu, loại hình và quy mô doanh nghiệp, khắc phục một bước cơ bản tình trạng sản xuất kinh doanh manh mún để tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Đến nay, Bộ Quốc phòng quản lý 88 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và 18 công ty cổ phần có vốn nhà nước. Trong 5 năm qua (2014 - 2019), doanh thu hằng năm của các doanh nghiệp quân đội đạt trên 250.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 42.000 tỷ đồng, nộp ngân sách đạt trên 40.000 tỷ đồng, bảo đảm việc làm và thu nhập cho trên 170.000 lao động, thu nhập bình quân đạt 8 đến 12 triệu đồng/người/tháng. Dẫn đầu là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội,

doanh thu hằng năm đạt trên 130.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 60% doanh thu của các doanh nghiệp quân đội; lợi nhuận trước thuế đạt trên 37.000 tỷ đồng, chiếm trên 80% lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp quân đội, nộp ngân sách Nhà nước trên 25.000 tỷ đồng, luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước; thu nhập bình quân đạt trên 25 triệu đồng/người/tháng[43]. Cùng với thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trong nước, các doanh nghiệp quân đội đã tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về kinh tế quốc phòng, góp phần phát triển kinh tế đất nước, củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các nước trên thế giới.

Các doanh nghiệp Quân đội đã và đang khẳng định rõ vị thế trong nền kinh tế, duy trì nhịp độ phát triển ổn định, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế quốc dân, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo đảm an sinh xã hội. Nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn đã hình thành, phát triển, hoạt động đạt hiệu quả cao, trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

Quân đội đã có những đóng góp quan trọng trong thực hiện công tác dân vận, góp phần tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các cuộc vận động cách mạng, các phong trào và nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tích cực giúp nhân dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Đồng thời, đã chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cảnh giác của các tầng lớp nhân dân, đấu tranh có hiệu quả với mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo của Tổ quốc, củng cố, vun đắp tình đoàn kết các dân tộc, tình đoàn kết hữu nghị với các nước. Các đơn vị luôn quán triệt và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác dân tộc, tôn giáo trên các địa bàn và chính sách dân tộc, tôn giáo trong Quân đội. Qua đó, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường tiềm lực chính trị - tinh thần, xây dựng “thế trận lòng dân”, hậu phương chiến lược vững chắc trong thế trận phòng thủ chung của cả nước. Thông qua thực tiễn hoạt động, công tác dân vận đã trở thành một trong những phương thức chủ yếu để tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, nhân dân và Quân đội; là điều kiện để giáo dục, rèn luyện tư tưởng, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện công tác dân vận, các đơn vị quân đội luôn bám

sát thực tiễn, bám sát địa bàn, triển khai thực hiện công tác dân vận đồng bộ, hiệu quả; chú trọng đổi mới, điều chỉnh, bổ sung nội dung, hình thức hoạt động cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ. Những năm gần đây, nhiều mô hình dân vận của các đơn vị trong toàn quân đã tạo được hiệu ứng xã hội rộng rãi, huy động được sự tham gia đông đảo của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài quân đội, tiêu biểu như: Phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, Hành quân dã ngoại làm công tác dân vận, “Xóa một hộ đói, giảm một hộ nghèo”, “1.000 nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách”, “Hũ gạo vì người nghèo”, “4 cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc), “Bò giống giúp người nghèo biên giới”, “Áo ấm tặng người nghèo nơi biên giới”, “Nâng bước em tới trường”, “Trái tim cho em”, “Gắn kết giữa hộ gia đình người Kinh với hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số”, “Cảnh sát biên phòng hành cùng ngư dân”, “Hải quân Việt Nam làm điểm tựa cho ngư dân vươn khơi bám biển”...

Nội dung công tác dân vận cũng có nhiều đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quân đội, nhất là trong nhiệm vụ tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các địa bàn trọng điểm. Toàn quân đã chủ động, tích cực tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng 12.515 tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể; cử 62.480 lượt cán bộ xuống giúp đỡ các xã, phường, thôn, bản, chủ yếu ở các vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng biên giới, vùng trọng điểm; kết nạp hàng nghìn đảng viên, xóa hàng trăm bản chưa có đảng viên; đào tạo bồi dưỡng được hàng nghìn cán bộ, đảng viên cho các cơ sở; Bộ đội Biên phòng cử 332 đồng chí tham gia chính quyền cấp xã, trong đó có 258 đồng chí giữ chức vụ chủ chốt. Các hoạt động đó đã góp phần củng cố, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Các cơ quan, đơn vị đã kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền và phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp, các điểm nóng, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lôi kéo, kích động nhân dân biểu tình, gây rối, góp phần củng cố, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc trên địa bàn cả nước. Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn nguồn cán bộ cơ sở; phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên mới. Thông qua công tác tuyển quân, cử tuyển đã đào tạo bồi dưỡng hàng nghìn con em đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nguồn cán bộ cho địa phương.

Trong tham gia phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, công tác dân vận của

các đơn vị quân đội đã giúp dân xóa đói, giảm nghèo bằng nhiều hình thức; tham gia thực hiện các chương trình giảm nghèo có tính bền vững, lâu dài. Thực hiện Nghị quyết 30a, Nghị quyết 80 của Chính phủ, toàn quân đã giúp dân với tổng số tiền 77 tỷ 688 triệu đồng; đảm nhận hàng nghìn dự án vừa và nhỏ trong Phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”. Các đơn vị kinh tế - quốc phòng đã chú trọng giúp đỡ người nghèo các địa phương về giống, vốn, dạy nghề, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển đổi vật nuôi, cây trồng, ngành nghề, chuyển sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa; gắn phát triển cơ sở hạ tầng với nâng cao đời sống của người dân.

Trong 5 năm qua, toàn quân đã giúp dân 7.239.650 ngày công lao động; làm gần 20 nghìn km đường nông thôn; thu hoạch và chăm sóc 9.321 héc-ta hoa màu; trồng và khai hoang, phục hóa 7.820 héc-ta rừng; sửa chữa, làm mới 7.350 ngôi nhà; làm 1.538 cầu gỗ, cầu bê tông; giúp 7.500 phương tiện sản xuất; hỗ trợ giống vốn sản xuất 3 tỷ 788 triệu đồng, giúp dân xóa đói giảm nghèo 4.693 hộ; xây, sửa 7.820 trường học, mở 136 lớp tình thương, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục 2.758 người, vận động 42.981 học sinh trở lại trường; xây dựng 6.936 nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa cho người nghèo và đối tượng chính sách; hỗ trợ 24.876 con bò giống từ mô hình “Bò giống giúp người nghèo biên giới”; đào tạo trên 543 y tá, y sỹ thôn bản. Đặc biệt, tổ chức Hành trình “Quân đội chung tay vì sức khỏe cộng đồng”, các đơn vị trong toàn quân đã phối hợp với các địa phương khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho 70.000 người, tặng trang thiết bị y tế cho 100 Bệnh xá Quân dân y[44]...

Quân đội luôn là lực lượng nòng cốt trong phòng ngừa, ứng phó các loại hình sự cố, thiên tai và cứu hộ - cứu nạn. Ngày 10/10/2014, Quân ủy Trung ương đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo chuyên đề số 689-NQ/QUTW về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, cứu hộ - cứu nạn đến năm 2020 và những năm tiếp theo; trong đó xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chiến đấu của Quân đội trong thời bình. Với tinh thần cứu dân là nhiệm vụ số một, “tính mạng, tài sản của nhân dân là quý báu nhất”, “chống lũ như chống giặc”; với trách nhiệm vinh dự của người chiến sĩ Quân đội nhân dân, bằng tất cả sức mạnh và các phương tiện của mình, hàng triệu lượt cán bộ, chiến sĩ đã không quản ngại gian khổ, hy sinh, kịp thời có mặt ở những nơi, những vùng khó khăn, nguy hiểm nhất sát cánh cùng nhân dân chống chọi với thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, cháy nổ, cháy rừng... Trong 5 năm gần đây (từ 2014 đến 2019, tính đến ngày 20/8/2019), toàn quân đã huy động 518.744 lượt cán bộ, chiến sĩ, 962.168 lượt dân quân tự vệ, 30.492 lượt phương tiện; ứng phó, xử lý kịp thời, hiệu quả

11.219 sự cố, thiên tai; cứu được 28.851 người và 1.924 phương tiện các loại; sơ tán, di dời được 700.844 hộ dân từ khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn, góp phần quan trọng giảm thiểu thiệt hại về tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân[45].

Đặc biệt, trong phòng chống thiên tai, thảm họa, cán bộ, chiến sĩ Quân đội đã không quản ngại gian khổ, sẵn sàng hy sinh thân mình để cứu tính mạng và tài sản của nhân dân. Hình ảnh cán bộ, chiến sĩ Quân đội luôn có mặt ở những nơi xung yếu, nguy hiểm để giúp đỡ nhân dân ứng phó với thiên tai, tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn đã làm ngời sáng thêm bản chất, truyền thống tốt đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”, được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng, đánh giá cao.

Những năm qua, Quân đội đã có những đóng góp to lớn trong thực hiện công tác chính sách, nỗ lực phấn đấu làm tốt nhiệm vụ chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình chính sách, người có công với cách mạng; luôn là lực lượng đi đầu, nêu cao trách nhiệm trong thực hiện công tác chính sách và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

Từ năm 2014 đến 2019, toàn quân đã xét duyệt, thẩm định và đề nghị xác nhận cho 4.640 đối tượng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (trong đó, đã cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 455 liệt sĩ, ra quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp hằng tháng cho 3.721 trường hợp, ra quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp cho 452 trường hợp, ra quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp cho 12 trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang công tác trong Quân đội); tổ chức vận động đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” Bộ Quốc phòng với số tiền trên 200 tỷ đồng; tặng 6.581 sổ tiết kiệm; tặng phương tiện, trang thiết bị y tế cho các trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng số tiền trên 70 tỷ đồng; xây tặng 5.864 căn nhà tình nghĩa với số tiền trên 413 tỷ đồng; nhận phụng dưỡng, chăm sóc 1.969 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Toàn quân tích cực triển khai thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ với nhiều giải pháp đồng bộ; đã tìm kiếm được 11.355 hài cốt liệt sĩ; phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tích cực triển khai thực hiện Đề án 150 về xác nhận danh tính hài cốt liệt sĩ. Tích cực triển khai thực hiện chính sách đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; từ năm 2014 đến nay, toàn quốc đã giải quyết chế độ trợ cấp hằng tháng đối với 7.435 trường hợp, chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với 1.919.632 trường hợp, với tổng số tiền trên 5.573 tỷ đồng. Các đơn vị toàn quân đã tổ chức nhiều hoạt động hành quân về nguồn nơi căn cứ cách mạng, chiến khu; tổ chức đón tiếp trang trọng 110 đoàn đại biểu người có

công các địa phương đến thăm đơn vị. Hằng năm, Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức gặp mặt, biểu dương người có công tiêu biểu toàn quốc bảo đảm chu đáo, trọng thị[46].

Bám sát thực tiễn, nắm chắc tình hình, Quân đội đã chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác chính sách đối với Quân đội và hậu phương quân đội. Những năm gần đây, Quân đội đã đề xuất với Đảng, Nhà nước tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi người có công; ban hành các văn bản giải quyết chính sách cho các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào, Campuchia; chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; chế độ, chính sách đối với quân nhân thôi phục vụ tại ngũ, sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận, sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; các chế độ, chính sách đặc thù quân sự, chính sách động viên, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; chính sách đối với các lực lượng làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biên, đảo; đẩy mạnh các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, góp phần thiết thực bảo đảm an ninh xã hội, củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; động viên cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.

Quán triệt sâu sắc đường lối, nguyên tắc, quan điểm, phương châm chỉ đạo, chính sách đối ngoại và chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, trực tiếp là Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Quân đội đã tiếp tục triển khai đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công tác đối ngoại quốc phòng, tăng cường hội nhập quốc tế về quốc phòng, qua đó đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thông qua đối ngoại quốc phòng, Quân đội đã chủ động thúc đẩy quan hệ, hợp tác với các quốc gia láng giềng, với sự tham gia của nhiều thành phần, lực lượng, từ cấp Bộ Quốc phòng đến các quân khu và các quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng trên các khu vực biên giới... tạo ra vành đai an ninh trên các tuyến biên giới đất liền, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Đến nay, Việt Nam có quan hệ quốc phòng với trên 80 nước và tổ chức quốc tế, có 33 Phòng Tùy viên Quốc phòng thường trú tại 32 nước và Liên hợp quốc, đã thiết lập quan hệ quốc phòng với tất cả các đối tác chủ chốt, quan trọng; có 50 nước đặt Phòng Tùy viên Quốc phòng tại Việt Nam, trong đó có 27 nước thường trú và 23 nước kiêm nhiệm. Từ năm 2006, Quân đội đã tham gia Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN một cách chủ động, tích cực, có trách nhiệm cao, góp phần củng cố vững chắc vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực. Năm 2010, Quân đội có đóng góp quan trọng trong việc tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng lần đầu tiên (ADMM+), mở ra cơ chế hợp tác mới về quốc phòng giữa ASEAN với các nước đối tác, đối thoại; tích cực, nỗ lực trong việc xây dựng Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và Bộ Quy tắc ứng xử trên biển Đông (COC); tham gia đề xuất biện pháp xây dựng niềm tin chiến lược, tăng cường các biện pháp hòa bình, hợp tác quốc tế trên diễn đàn khu vực ASEAN (ARF); Đối thoại Shangri-la thường niên. Gần đây, Tuần lễ Cấp cao APEC 2017, Việt Nam đã tiếp tục trao đổi, ký kết các nội dung hợp tác quốc phòng với một số đối tác, trong đó, có việc thúc đẩy hợp tác quốc tế trong giải quyết các thách thức an ninh chung của khu vực vì mục tiêu hòa bình, phát triển.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã xúc tiến nhiều hoạt động cụ thể, cùng với các nước trong khu vực giữ gìn hòa bình, ổn định, ứng phó giải quyết các thách thức an ninh chung. Cụ thể, Việt Nam đã cử lực lượng tham gia diễn tập tìm kiếm cứu nạn, diễn tập chống cướp biển, tham gia xây dựng và thực hành Bộ quy tắc tránh va chạm bất ngờ trên biển (CUES); đã cử lực lượng quân đội tham gia diễn tập về hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa và quân y tại Brunei (năm 2013); chủ trì tổ chức diễn tập thực binh ASEAN về ứng phó thảm họa và cứu trợ nhân đạo (năm 2013); tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (từ năm 2014); tham gia phối hợp tuần tra chung trên biển, các cuộc duyệt binh, diễn tập Hải quân đa phương trong khu vực; các hoạt động giao lưu, đối thoại chính sách quốc phòng ở các cấp độ với các nước được triển khai thiết thực, hiệu quả.

Đặc biệt, tại các diễn đàn khu vực, Quân đội đã chủ động, tích cực vận động, thuyết phục, tăng cường trao đổi và bày tỏ quan điểm, lập trường để tranh thủ sự ủng hộ, đồng thuận của quân đội các nước đối với vấn đề chủ quyền và các lợi ích chính đáng, hợp pháp của dân tộc ta, trong đó có vấn đề Biển Đông. Nhờ đó, đã từng bước xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược với các nước, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín của nước ta và Quân đội trên trường quốc tế, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần vào việc giữ vững hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Đồng thời, thông qua đối ngoại quốc phòng đã trực tiếp nâng cao trình độ làm chủ vũ khí, trang bị hiện đại, nâng cao trình độ, khả năng tác chiến của Quân đội; tạo cơ hội, điều kiện trải nghiệm thực tiễn, nâng cao trình độ hiểu biết luật pháp quốc tế, kinh nghiệm, kỹ năng hoạt động trong môi trường quốc tế, kỹ năng phối hợp hoạt động của lực lượng đa quốc gia cho cán bộ, chiến sĩ tham gia hoạt động đối ngoại quốc phòng. Đồng thời, tranh thủ được các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, tiếp thu các tri thức quân sự hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến... để không ngừng tăng cường thực lực của nền quốc phòng toàn dân, nâng cao sức mạnh phòng thủ và tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước; góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng Quân đội ta tiến lên chính quy, hiện đại và từng bước tự chủ về khoa học, kỹ thuật quân sự, bảo đảm các loại vũ khí, khí tài ngày càng hiện đại, phù hợp với điều kiện và nghệ thuật quân sự Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

đ) Truyền thống chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, sự nuôi dưỡng và đùm bọc của nhân dân, Quân đội ta đã không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp, vừa xây dựng, vừa chiến đấu và trưởng thành, xây đắp nên truyền thống rất vẻ vang, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Trải qua 75 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, cùng với những chiến công mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc như những biểu tượng sáng ngời về một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, phục vụ, Quân đội ta đã xây đắp nên những truyền thống cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”. Đó là:

- Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

- Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.

- Gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí.

- Đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng thống nhất ý chí và hành động.

- Kỷ luật tự giác, nghiêm minh.
- Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công.
- Lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan.
- Luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống.
- Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

Nhìn lại chặng đường lịch sử hào hùng 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giáo dục, rèn luyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Quân đội ta đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng. Từ 34 chiến sĩ trong Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc đến thời kỳ cả nước bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội và sau đó bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, Quân đội ta ngày càng trưởng thành vững mạnh, hoàn thiện về cơ cấu, có sức mạnh tổng hợp, với các quân chủng, binh chủng hiện đại, các binh đoàn chủ lực cơ động mạnh, đủ khả năng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Nghệ thuật quân sự, phương pháp tác chiến của Quân đội ta cũng có những phát triển vượt bậc, vừa kết hợp giữa nghệ thuật, cách đánh truyền thống, vừa bổ sung những phương pháp tác chiến hiện đại, góp phần đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi nhất của các thế lực thù địch. Đó là niềm tự hào của cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội, các lực lượng vũ trang nói riêng và của dân tộc ta nói chung, cần phải được gìn giữ và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở thời kỳ mới.

Phần thứ ba

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HÙNG MẠNH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Tình hình thế giới, khu vực, trong nước tác động đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng Quân đội hùng mạnh trong thời kỳ mới

a) Tình hình thế giới, khu vực

Trong những năm tới, tình hình thế giới sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực. Cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn.

Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức

tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường.

Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành Cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

b) Tình hình trong nước

Qua hơn 30 năm đổi mới (1986 - 2019), thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực rất cao để tận dụng thời cơ, vượt qua những thách thức lớn trong quá trình hội nhập. Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi và khó khăn, thách thức đan

xen; đặt ra yêu cầu mới đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị phải nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc, Quân đội ta phải tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, ra sức phát huy nội lực, vượt qua mọi khó khăn thử thách, đẩy lùi nguy cơ, kiên trì công cuộc đổi mới, củng cố quốc phòng; tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh

Đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là nội dung quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là quan điểm chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt và được cụ thể hóa trong các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược An ninh quốc gia, Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược biển Việt Nam, Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và Luật Quốc phòng năm 2018... Trong bối cảnh tình hình mới, xây dựng và phát triển nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, cần nhận thức đúng và tập trung thực hiện tốt những nội dung trọng tâm sau:

a) Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân

Đây vừa là giải pháp vừa là vấn đề có tính nguyên tắc, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân thể hiện trước hết ở việc định ra những quan điểm, đường lối, chủ trương xây dựng nền quốc phòng, xây dựng tiềm lực và thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; quan điểm, đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng cơ chế để bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với nền quốc phòng toàn dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân còn thể hiện trong công tác lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện; trong thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng; trong lãnh đạo Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện

thắng lợi đường lối, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Để tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, đòi hỏi Đảng ta cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối quân sự, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trên cơ sở nhận thức mới và điều kiện mới về xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Đồng thời, Đảng cần coi trọng định ra chủ trương, giải pháp thiết thực, cụ thể để động viên, quy tụ và phát huy cao nhất sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hướng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận thế trận chiến tranh nhân dân; thường xuyên tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngày càng phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn.

Công tác lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ quốc phòng phải thường xuyên được duy trì thực hiện nghiêm túc, thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Cấp ủy, chính quyền các cấp phải coi việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên để có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, hiệu quả đối với nhiệm vụ này ở địa bàn, địa phương mình. Hệ thống nghị quyết, văn bản, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân cần được tổ chức quán triệt kỹ, triển khai thực hiện nghiêm túc, thống nhất, hiệu quả trên thực tế. Bên cạnh đó, cần nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác quân sự, quốc phòng, bảo đảm cho nhiệm vụ này được triển khai thực hiện triệt để, hiệu quả trong thực tiễn.

Để bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, cần thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp trong lãnh đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng ủy quân sự địa phương các cấp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chăm lo bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực chuyên môn của cán bộ, đảng viên trong chỉ đạo, tổ chức xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, cần đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các thể chế, quy định, phương thức hoạt động; tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng nền quốc phòng

toàn dân, thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang; xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, cần chú trọng rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để bổ sung, hoàn thiện luật pháp, pháp lệnh về bảo vệ Tổ quốc; về hệ thống chính sách đối với công tác quốc phòng; về cơ chế quản lý, điều hành xây dựng nền quốc phòng toàn dân; về động viên quốc phòng và sử dụng sức mạnh quân sự quốc gia trong các tình huống cần thiết, phù hợp với sự phát triển của tình hình.

Tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật về quốc phòng, quân sự và an ninh, phối hợp chặt chẽ giữa Quân đội và Công an, điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước về quốc phòng từ Trung ương đến cơ sở. Xác định cụ thể cơ chế vận hành, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách về công tác quốc phòng ở các bộ, ngành, địa phương. Đối với các cơ quan chức năng, cần phân công và tăng cường bồi dưỡng cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức xây dựng và quản lý quốc phòng. Tăng cường việc quản lý nhà nước về quốc phòng trên phạm vi cả nước và ở từng địa phương.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn dân về sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới; nắm vững nội dung các quan điểm:

- Nền quốc phòng ở nước ta là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại.

- củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

- Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; kết hợp sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực

lượng và thế trận an ninh nhân dân.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, thông qua công tác thông tin, tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn dân nhận thức sâu sắc về mục tiêu, phương châm, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được thể hiện trong các nghị quyết, chiến lược về quốc phòng, an ninh của Đảng; về vai trò to lớn của nhân dân trong sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; phổ cập những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới. Tuyên truyền để toàn dân nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Để làm tốt công tác tuyên truyền, cần phát huy cao độ vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, của đội ngũ báo cáo viên các cấp; tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nội dung, hình thức phong phú; kịp thời định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề nhạy cảm liên quan đến quốc phòng, an ninh, những thông tin sai sự thật, vu khống, kích động trên mạng xã hội.

Tiếp tục đổi mới, làm tốt công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân, trước hết là cán bộ chủ trì các cấp, cách ngành trong hệ thống chính trị và học sinh, sinh viên. Kịp thời phổ biến, nhân rộng kinh nghiệm, cách làm hay của các cơ quan, tổ chức, địa phương về công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cả hệ thống chính trị và toàn dân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc.

c) Tập trung xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng các tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần; tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học - công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự.

Trước hết, phải coi trọng xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần. Thực chất, đây là khả năng về chính trị - tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của nhà nước, ý chí quyết tâm của nhân dân, của lực lượng vũ trang

nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Tiềm lực chính trị - tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh quốc phòng, có tác động to lớn, quan trọng đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự.

Theo đó, cần tập trung xây dựng Đảng, Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, làm cơ sở, nền tảng để xây dựng các tiềm lực khác. Tập trung thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo, vùng nông thôn; thu hẹp khoảng cách chênh lệch đời sống giữa các tầng lớp nhân dân, vùng, miền. Thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, mang thành quả của sự nghiệp đổi mới tới mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện nghiêm chính sách tự do tôn giáo và bình đẳng giữa các dân tộc; phát hiện, giải quyết kịp thời mâu thuẫn nội bộ, không để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng, kích động trở thành vấn đề phức tạp.

Thường xuyên phát huy dân chủ rộng rãi, định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ quốc phòng; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc; khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch và âm mưu “phi chính trị hóa” quân đội... Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, nhất là trong học sinh, sinh viên.

Về xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, thực chất đây là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng; được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác. Theo đó, cần tập trung vào đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; chú trọng phát triển nền kinh tế đất nước cả về bề rộng và chiều sâu, nhất là phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, lưỡng dụng, có hàm lượng công nghệ cao... nhằm tăng khả năng tích lũy, dự trữ cơ sở vật chất để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền

vững và phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng khi có tình huống xảy ra.

Đồng thời, đẩy mạnh việc quy hoạch, xây dựng các khu, cụm công nghiệp chế tạo, chế biến, các vùng chăn nuôi và trồng cây chuyên canh... cũng như phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, sẵn sàng, đủ sức chuyển nền kinh tế quốc dân sang bảo đảm cho nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho Quân đội và Công an; kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang nhân dân. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế. Về lâu dài, cần đẩy mạnh quy hoạch, xây dựng các vùng căn cứ hậu phương chiến lược gắn với các hướng phòng thủ chiến lược; nghiên cứu, vận hành cơ chế chuyển hóa tiềm lực của nền kinh tế thành thực lực phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và tác chiến trong chiến tranh hiện đại...

Về xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, thực chất đây là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng; được biểu hiện ở số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu quốc phòng... Theo đó, cần chú trọng nghiên cứu, phát triển toàn diện cả về khoa học quân sự, khoa học - công nghệ quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự... tạo nền tảng cho nền khoa học, công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng. Quá trình thực hiện, cần đẩy mạnh xây dựng các cơ sở nghiên cứu cùng đội ngũ các nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng hoặc liên quan đến hoạt động quốc phòng, nhất là lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng các chuyên gia đầu ngành trên từng lĩnh vực. Đồng thời, coi trọng việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại, đặc biệt là thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 để từng bước phát triển các giải pháp công nghệ vào sửa chữa, cải tiến, chế tạo các loại vũ khí, trang bị để phục vụ cho quốc phòng cả trước mắt và lâu dài. Trong tình hình hiện nay, cần tích cực thực hiện tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là nghiên cứu, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện chiến tranh hiện đại, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao để sẵn sàng vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra).

Về xây dựng tiềm lực quân sự của nền quốc phòng toàn dân, thực chất đây là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho

nhiệm vụ quân sự, cho chiến tranh; được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự của nhà nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Tiềm lực quân sự được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị - tinh thần; kinh tế; khoa học - công nghệ. Xây dựng tiềm lực quân sự cần bảo đảm tính toàn diện, vững chắc, có chiều sâu ngay từ thời bình; nhanh chóng, kịp thời chuyển hóa thành thực lực quốc phòng trong mọi tình huống.

Theo đó, phải tập trung làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng và toàn dân, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, nhất là Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, cần coi trọng công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, làm nòng cốt thực hiện công tác quốc phòng, quân sự tại cơ sở. Xây dựng lực lượng dự bị động viên thực sự hùng hậu và ngày càng có chất lượng cao trên từng khu vực, địa bàn và cả nước; sẵn sàng mở rộng, phát triển khi có tình huống. Đồng thời, chú trọng xây dựng, mở rộng lực lượng quốc phòng, an ninh trong các cơ quan, ban, ngành, địa phương và các tổ chức doanh nghiệp... Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

d) Thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh

Trước hết phải tập trung xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm xây dựng Quân đội cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Từ khi ra đời đến nay, Quân đội ta được Đảng, Bác Hồ tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện nên luôn là một quân đội cách mạng, mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc. Đó là quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng; chiến đấu vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Để không ngừng tăng cường bản chất cách mạng cho Quân đội, cần chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng, quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng; giáo dục nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của Quân đội; truyền thống quyết chiến, quyết thắng, gắn bó máu thịt với nhân dân cho cán bộ, chiến sĩ; coi trọng xây

dựng Quân đội vững mạnh về chính trị; chủ động, tích cực tiến hành công tác đảng, công tác chính trị.

Tạo chuyển biến vững chắc, toàn diện về xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật của Quân đội. Xây dựng chính quy phải bảo đảm tính toàn diện trên mọi lĩnh vực, các mặt công tác và phù hợp với từng loại hình đơn vị. Trong quá trình xây dựng chính quy, phải căn cứ vào đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để tập trung thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, có khâu đột phá, làm cơ sở để xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân đội. Trước hết, cần tập trung vào nâng cao trình độ chính quy trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; quản lý bộ đội, quản lý vũ khí, trang bị kỹ thuật; đồng thời, bảo đảm chính quy, thống nhất về trang phục, lễ tiết, tác phong quân nhân và thực hiện nền nếp các chế độ quy định. Phải kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền nếp chính quy với rèn luyện kỷ luật, chấp hành pháp luật của bộ đội, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong huấn luyện, diễn tập, lao động sản xuất...; phấn đấu hạn chế thấp nhất những vụ việc nghiêm trọng.

Xây dựng Quân đội nhân dân tinh nhuệ là yêu cầu khách quan, xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của Quân đội và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Sự tinh nhuệ của Quân đội ta được cấu thành bởi nhiều yếu tố, nhưng trước hết và quan trọng nhất là tinh nhuệ về chính trị và trình độ tác chiến. Sự tinh nhuệ về chính trị của Quân đội ta được biểu hiện tập trung ở việc trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; kiên định với lý tưởng cách mạng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững và chấp hành nghiêm Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, còn thể hiện ở bản lĩnh chính trị của bộ đội, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Sự tinh nhuệ về trình độ tác chiến của Quân đội được thể hiện ở khả năng phát huy nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam và khả năng khai thác, sử dụng thành thạo các loại vũ khí, trang bị. Theo đó, thời gian tới, các đơn vị phải quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, chỉ lệnh về công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; tập trung vào Nghị quyết 765-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương và chỉ lệnh quân sự, quốc phòng hằng năm của Tổng Tham mưu trưởng. Tập trung nâng cao năng lực tư duy phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình của đội ngũ cán bộ chiến dịch, chiến lược, làm cơ sở nâng cao chất lượng công tác dự báo chiến lược, tham mưu, đề xuất giải pháp xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Đồng thời, nâng cao năng lực tổ chức, chỉ huy, điều hành của đội ngũ cán bộ

các cấp, tạo bước chuyển biến mới, vững chắc trong công tác huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu. Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện theo phương châm, mục tiêu, yêu cầu đã xác định; trong đó, chú trọng huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng vũ khí, trang bị trong biên chế, nhất là vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại mới được trang bị. Thực hiện tốt các nội dung nêu trên sẽ thiết thực nâng cao sức mạnh chiến đấu, bảo đảm cho Quân đội ta ngày càng tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Xây dựng Quân đội nhân dân từng bước hiện đại, trong đó ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng. Đây là yêu cầu khách quan xuất phát từ đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam, khả năng tiềm lực kinh tế của đất nước, nhằm xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trước yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đòi hỏi phải đẩy nhanh hơn nữa tiến trình hiện đại hóa, nhất là đối với các lực lượng được xác định tiến thẳng lên hiện đại: Hải quân, Phòng không - Không quân, Tác chiến điện tử, Thông tin liên lạc, Trinh sát kỹ thuật và Cảnh sát biển; đồng thời, đẩy nhanh lộ trình thực hiện “từng bước hiện đại” ở các lực lượng khác. Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn những ngành, lĩnh vực quan trọng để đầu tư phát triển theo hướng hiện đại, nhằm tạo nên sức mạnh chiến đấu mới của Quân đội. Trong quá trình thực hiện, cần tránh tư tưởng nóng vội, đốt cháy giai đoạn, bỏ “từng bước” để tiến thẳng lên hiện đại mà không căn cứ vào khả năng thực tế của đất nước. Đồng thời, đấu tranh chống tư tưởng chủ quan như: Không thấy hết sự diễn biến phức tạp của tình hình, sự phát triển của khoa học kỹ thuật quân sự trên thế giới; không nhận thức “từng bước hiện đại” là quá trình liên tục, khẩn trương nên thiếu quyết tâm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Trong đó, tập trung vào các chương trình, dự án trọng điểm, xây dựng tổ hợp công nghiệp quốc phòng, nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang. Coi trọng tính đồng bộ theo chủng loại trong từng lực lượng và giữa các lực lượng; nhất là các loại vũ khí, trang bị liên quan đến thông tin, trinh sát, chỉ huy... để phát huy hiệu quả, tính năng của vũ khí, trang bị kỹ thuật trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng. Cùng với đó, cần thực hiện tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, kế hoạch - đầu tư, tài chính, cơ yếu, nghiên cứu khoa học quân sự, đối ngoại quốc phòng... đáp ứng nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới.

Tiếp tục xây dựng lực lượng dự bị động viên “hùng hậu”; nâng cao chất

lượng, nhất là chất lượng về chính trị, sức khỏe, tỷ lệ đúng chuyên nghiệp quân sự, đáp ứng yêu cầu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong đó, tập trung thực hiện tốt công tác quản lý cả con người và phương tiện, trang bị; thực hiện tốt kế hoạch huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên hằng năm; có kế hoạch động viên công nghiệp phù hợp, bảo đảm tận dụng được thành tựu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo phương châm “vững mạnh, rộng khắp”; có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp ngày càng cao, trước hết là chất lượng chính trị; tổ chức biên chế tinh, gọn, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; được giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực, từng bước nâng cao khả năng chiến đấu, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy của cấp ủy, chính quyền và nhân dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở địa phương, cơ sở. Quá trình thực hiện cần kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để lực lượng này bám đất, bám rừng, bám biển, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu tự vệ, bảo vệ địa bàn, địa phương, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Trên cơ sở Luật Dân quân tự vệ, các địa phương nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ dân quân tự vệ; gắn công tác xây dựng cán bộ quân sự xã (phường, thị trấn) với công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

đ) Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội; kết hợp quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội; kết hợp quốc phòng với an ninh, đối ngoại nhằm tạo nguồn lực, sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Để thực hiện tốt các yếu tố kết hợp trên đây, cần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hoạt động quốc phòng với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; xác định rõ mục tiêu trước mắt và lâu dài; hoạt động kết hợp phải được thực hiện trong cả quá trình từ giai đoạn lập, thẩm định đến triển khai thực hiện chiến lược quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong từng công trình, từng dự án phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; trong tất cả các ngành, lĩnh vực nền kinh tế quốc dân của bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan. Đồng thời, phải xác định rõ trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong hoạt động kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với

quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội.

Kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh bao gồm việc kết hợp trong xây dựng, tham gia thẩm định các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của bộ, ngành, địa phương; kết hợp trong phát triển vùng, lãnh thổ; kết hợp trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Nội dung cụ thể được biểu hiện tập trung ở kết hợp trong việc lấy ý kiến xây dựng các chiến lược, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp trong thẩm định các chiến lược, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quốc phòng, an ninh; kết hợp trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu.

Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội bao gồm việc kết hợp hoạt động về quốc phòng, an ninh với hoạt động xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của bộ, ngành, địa phương; bảo đảm môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Nội dung cụ thể được biểu hiện tập trung ở việc kết hợp trong xây dựng quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, an ninh; kết hợp trong xây dựng và phát triển khu kinh tế - quốc phòng; kết hợp trong quản lý khu kinh tế - quốc phòng; kết hợp trong hoạt động của doanh nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh; kết hợp trong hoạt động của đơn vị quân đội được giao thực hiện nhiệm vụ kinh tế kết hợp với quốc phòng.

Bên cạnh đó, các cơ quan, tổ chức, các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở cần thực hiện tốt việc kết hợp quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong đó, quốc phòng, an ninh và đối ngoại phải phối hợp chặt chẽ nghiên cứu, đánh giá khách quan, đúng nhất về những diễn biến của thế giới, khu vực, chú trọng các nước lớn, có tầm ảnh hưởng đến hòa bình, an ninh thế giới; xác định thời cơ và thách thức, đối tác và đối tượng, các nguy cơ đe dọa đến quốc phòng, an ninh của đất nước, từ đó dự báo chiến lược sát, đúng, làm cơ sở để tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoạch định sách lược, chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Trong diễn biến phức tạp của tình hình hiện nay, công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại cần phối hợp chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt vấn đề này, quốc phòng, an ninh và đối ngoại phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để chủ trì, phối hợp đấu tranh trên diện rộng, cả trong nước và ngoài nước, với nhiều hình thức, nội dung sáng tạo, linh hoạt, cụ thể. Trong đó, cần đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chống các luận điệu “phi

chính trị hóa” quân đội và công an. Bên cạnh đó, phải chủ động, kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng và hành động sai trái, thù địch, hạ thấp, xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng. Cùng với đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, cần phải tỉnh táo, cảnh giác với các biện pháp “diễn biến hữu nghị”, hòng làm cho đất nước ta lệ thuộc nặng nề, chịu ảnh hưởng “quyền lực mềm” của nước ngoài, của cách thức quản lý xã hội và công nghệ lạc hậu, tụt hậu so với trình độ phát triển chung của khu vực và thế giới mà không tính đến những đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của đất nước.

Công tác quốc phòng phải chủ động xác định các khu vực, địa bàn chiến lược, từ đó có kế hoạch bố trí thế trận phòng thủ ở từng khu vực, địa bàn, nhất là các địa bàn biên giới, biển, đảo và trọng điểm phòng không, tạo thế trận phòng thủ liên hoàn, vững chắc trên phạm vi cả nước; tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo bố trí các cơ quan, khu công nghiệp, doanh nghiệp nước ngoài phù hợp, triệt tiêu các ý đồ phá hoại an ninh chính trị. Đối với an ninh, chủ động xây dựng kế hoạch bảo vệ tốt chính trị nội bộ, phòng, chống nội gián; coi trọng bảo vệ an ninh kinh tế; đẩy mạnh chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và mở rộng hợp tác quốc tế... Đồng thời, thúc đẩy ngoại giao quốc phòng, ngoại giao an ninh; tích cực, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế; những hoạt động trao đổi, tiếp xúc, tham khảo thường kỳ hoặc hội nghị, hội thảo về quốc phòng, an ninh giữa nước ta và các nước khác qua con đường song phương và ở các diễn đàn đa phương để xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, thêm bạn, bớt thù, tranh thủ tập hợp lực lượng, không để bị bao vây, cô lập; tạo thuận lợi để củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao vị thế đất nước.

e) Đẩy mạnh công tác đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa

Công tác đối ngoại quốc phòng có ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Vì vậy, phải tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trọng tâm là các chủ trương và nhiệm vụ đối ngoại được xác định trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế, trực tiếp là Nghị quyết số 806-NQ/QUTW ngày 31/12/2013 của Quân ủy Trung ương về hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Quá trình thực hiện phải nhận thức đúng đắn đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng là phương thức bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa, bằng biện pháp hòa bình; phải luôn giữ vững độc lập, tự chủ trong hợp tác quốc phòng, nắm vững nguyên tắc chiến

lược, nhưng hết sức linh hoạt, mềm dẻo về sách lược để tổ chức thực hiện đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng. Đồng thời, thấy rõ tất cả các mặt quan hệ, hợp tác về quốc phòng đều phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của Chính phủ; trực tiếp, thường xuyên là Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng. Qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, nâng cao năng lực đánh giá, dự báo tình hình, vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại của Đảng để xử lý đúng đắn những vấn đề phức tạp, nhạy cảm trong quan hệ quốc tế về lĩnh vực quốc phòng.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng cả trên bình diện song phương và đa phương, bảo đảm cho sự hợp tác trên lĩnh vực này trở thành nhân tố góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Xác định rõ đối tác quan hệ, hợp tác quốc phòng, đưa các mối quan hệ, hợp tác đi vào chiều sâu, ổn định, trong đó tiếp tục ưu tiên quan hệ, hợp tác với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước ASEAN, các nước bạn bè truyền thống và các tổ chức quốc tế, khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo; tập trung vào những mặt, lĩnh vực hợp tác mà ta có nhu cầu, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với khả năng của ta và đối tác. Tích cực tham gia các tổ chức, cấu trúc an ninh, diễn đàn khu vực vì mục tiêu ổn định, hòa bình trong khu vực, liên khu vực và toàn cầu, cả xây dựng luật lệ, nguyên tắc và đề xuất sáng kiến tổ chức các hoạt động trên thực địa. Chủ động xây dựng ý tưởng, đề án, kế hoạch tổ chức các hội nghị quốc phòng, quân sự trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN (2020), qua đó tiếp tục khẳng định năng lực, tiếng nói, vị thế của Việt Nam trong việc hiện thực hóa các cơ chế hợp tác quốc phòng và các cấu trúc an ninh khu vực đã định hình.

Tăng cường sự hiểu biết về đối tác, đối tượng, mở rộng điểm tương đồng, hạn chế bất đồng, tạo niềm tin cho đối tác, ngăn ngừa, hạn chế tác động tiêu cực của đối tượng. Trong đó, tăng cường quan hệ quốc phòng với các nước đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện đi vào chiều sâu, ổn định, thực chất. Tiếp tục mở rộng cơ chế đối thoại quốc phòng cấp cao với các nước đối tác để tăng cường hiểu biết, xây dựng lòng tin trong hợp tác quốc tế về quốc phòng. Thông qua các cơ chế đối thoại, tham vấn quốc phòng, làm cho các nước hiểu rõ hơn về những vấn đề có liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết các bất đồng, tranh chấp về chủ quyền biển, đảo. Trên cơ sở đó, xây dựng lòng tin, đẩy mạnh hợp tác quốc phòng vì hòa bình, phát triển, thịnh vượng của mỗi nước, khu vực và thế giới.

Đẩy mạnh các hoạt động thương mại về quốc phòng nhằm cung cấp cho Quân đội những trang bị, thiết bị, vũ khí phù hợp với điều kiện và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Tăng cường hợp tác về công nghiệp quốc phòng, hướng tới các nước lớn, những nước có trình độ công nghiệp phát triển hiện đại và tập trung vào thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tiếp thu, áp dụng các quy trình quản lý, sản xuất tiên tiến theo cơ chế thị trường. Thông qua hợp tác, phải tranh thủ được các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, vừa phải nâng cao năng lực tự chủ để từng bước có thể tự bảo đảm vũ khí, khí tài ngày càng hiện đại cho Quân đội.

Tham gia có hiệu quả vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; từng bước mở rộng mức độ tham gia vào các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc. Đẩy mạnh hợp tác giữa Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam với các trung tâm gìn giữ hòa bình của các nước ASEAN và các quốc gia khác, nhất là hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực: công binh, quân y, cứu hộ, cứu nạn...

Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu dự báo và tham mưu chiến lược về đối ngoại quốc phòng. Trong bối cảnh khu vực, thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, công tác nghiên cứu dự báo và tham mưu chiến lược về đối ngoại quốc phòng cần thường xuyên bám sát thực tiễn, nhất là các động thái mới ở khu vực và thế giới có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, qua đó xác định chủ trương, phương hướng quan hệ, hợp tác quốc phòng, hoạch định kế hoạch, chiến lược đối ngoại phù hợp nhằm tận dụng những cơ hội, ứng phó với những khó khăn, thách thức mới. Đặc biệt, cần chú trọng nâng cao hơn nữa khả năng dự báo chiến lược, năng lực tham mưu, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữ Bộ Quốc phòng với các bộ, ngành, địa phương và lực lượng có liên quan trong nghiên cứu dự báo và tham mưu chiến lược về đối ngoại quốc phòng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong phân tích, đánh giá tình hình, đưa công tác này đi vào chiều sâu, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại quốc phòng, làm cho cộng đồng quốc tế, nhất là các nước đối tác, đối thoại và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nhận thức đúng chủ trương hội nhập quốc tế về quốc phòng của Đảng và Nhà nước ta; hiểu rõ chính sách quốc phòng của Việt Nam là hòa bình, tự vệ, hợp tác cùng phát triển. Trên cơ sở đó, phản bác, vạch trần các luận

điều vu khống, xuyên tạc chính sách quốc phòng Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động; tranh thủ sự ủng hộ tích cực của cộng đồng quốc tế.

3. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ Tổ quốc, Quân đội nhân dân Việt Nam càng cần phải nêu cao cảnh giác, xây dựng ý chí quyết tâm, cùng toàn Đảng, toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất trong thời kỳ mới, Quân đội ta cần tập trung làm tốt một số nội dung trọng tâm sau:

a) Thường xuyên giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội; xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc, chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vì độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội là nhân tố quyết định sự phát triển, sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của Quân đội, đảm bảo cho Quân đội thực sự là công cụ bạo lực sắc bén bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và là lực lượng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Bất luận trong hoàn cảnh nào cũng luôn kiên định nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân; qua đó, để Đảng nắm chắc Quân đội, lãnh đạo Quân đội hoàn thành chức năng, nhiệm vụ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Cơ chế lãnh đạo là cách thức tổ chức và các chế độ quy định để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Cơ chế đó cần được thường xuyên bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội trong từng thời kỳ. Việc thực hiện Nghị quyết 51-NQ/TW ngày 20/7/2005 của Bộ Chính trị khóa IX và Nghị quyết số 513-NQ/ĐUQSTW ngày 17/11/2005 của Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam

trong những năm qua đã góp phần quan trọng giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Tuy nhiên, thực tiễn luôn vận động, phát triển; sự nghiệp xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc hiện nay có bước phát triển mới, yêu cầu cao đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Vì vậy, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các giải pháp nêu trong Kết luận của Thường vụ Quân ủy Trung ương về Sơ kết 8 năm thực hiện Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị; kịp thời giải quyết những vướng mắc, bất cập đã được chỉ ra nhằm bảo đảm cho cơ chế được vận hành thông suốt, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội trong tình hình mới.

Coi trọng phát huy hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân. Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội phải bám sát tình hình thực tiễn của đất nước, Quân đội và những tác động của tình hình quốc tế để chủ động giải quyết những vấn đề về nhận thức, tư tưởng chính trị, thấy rõ những thuận lợi, khó khăn, đề ra nội dung, hình thức, biện pháp hoạt động phù hợp. Cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy, cơ quan chính trị các cấp cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ; trọng tâm là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, xây dựng đơn vị, công tác quân sự, quốc phòng địa phương, tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh khu vực của ASEAN và nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc... Đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác: tư tưởng, tổ chức, cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, dân vận, chính sách, quần chúng; đề cao dân chủ, kỷ luật, kỷ cương; giữ vững đoàn kết, thống nhất nội bộ. Để thực hiện tốt điều đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp phải chăm lo xây dựng cơ quan chính trị, đội ngũ cán bộ chính trị vững mạnh về mọi mặt, nhất là khả năng tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng những vấn đề chiến lược, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng. Nhờ đó, Quân đội ta luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, không ngừng trưởng thành lớn mạnh, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lao động sản xuất và công tác. Trong tình hình mới, xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị là cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội; là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho Quân đội ta thực sự là lực lượng chính trị đặc biệt, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành và tin cậy của

Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Để xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, trước hết phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị; kế thừa có chọn lọc những bài học kinh nghiệm xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa, của Quân đội ta trong các giai đoạn lịch sử. Đồng thời, phải nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn đặc điểm, tình hình mới tác động đến xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị để tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị phù hợp với yêu cầu, nội dung của nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Toàn quân tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho bộ đội. Trong đó, công tác công tác giáo dục chính trị phải góp phần trang bị cho cán bộ, chiến sĩ những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; phải làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của công cuộc đổi mới, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”, Quy chế giáo dục chính trị trong Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ Việt Nam; tích cực đổi mới nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục.

Phải gắn công tác giáo dục chính trị với định hướng tư tưởng để mỗi cán bộ, chiến sĩ nhận thức đúng tình hình, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội trong tình hình mới; phân biệt rõ “đối tượng”, “đối tác” theo quan điểm của Đảng; không mơ hồ, mất cảnh giác, xử lý tốt mọi tình huống không đề bị động, bất ngờ. Đồng thời, đẩy mạnh giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc và Quân đội; chú trọng giáo dục bản chất tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” và đạo đức, lối sống; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật... Thường xuyên làm tốt công tác quản lý, định hướng, giải quyết tư tưởng; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh, hậu phương gia đình của cán bộ, chiến sĩ và có biện pháp động viên, uốn nắn kịp thời.

Xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị cần tập trung chăm lo, xây dựng

hệ thống tổ chức đảng trong Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, có đủ sức lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Đồng thời, chăm lo xây dựng tổ chức chỉ huy, các tổ chức quần chúng và Hội đồng quân nhân. Bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách đối với Quân đội và chính sách hậu phương quân đội phù hợp với đặc điểm hoạt động của Quân đội trong điều kiện mới. Coi trọng việc xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan chính trị các cấp; phát huy tốt vai trò đội ngũ cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ trì, cán bộ chính trị, chính ủy (chính trị viên) trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị. Thực hiện tốt Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 87 của Thường vụ Quân ủy Trung ương gắn với thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”.

Kiên quyết đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch, phản động. Thực chất của “phi chính trị hóa” quân đội là nhằm tách quân đội ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, làm cho quân đội mất phương hướng chính trị, xa rời lý tưởng cách mạng, mục tiêu chiến đấu, không còn là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu, công cụ bạo lực sắc bén bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân để chúng dễ bề thực hiện mưu đồ làm chuyển hóa chế độ chính trị ở nước ta. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng cần chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng trong toàn quân thấy rõ sự nguy hiểm của âm mưu “phi chính trị hóa” quân đội, luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Đồng thời, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống phức tạp trong thực tiễn theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, phải thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; phòng, chống địch cài cắm, móc nối, lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ, kích động; đẩy mạnh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện.

b) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu là yêu cầu cấp thiết, vấn đề quan trọng nhằm không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân đội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, phải thường xuyên coi trọng và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với nhiệm vụ huấn luyện. Các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, trước hết là cấp ủy, người chỉ huy các cấp cần quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác huấn

luyện, nhất là Nghị quyết số 765 của Quân ủy Trung ương và Chỉ lệnh công tác quân sự, quốc phòng hằng năm của Tổng Tham mưu trưởng.

Về nhận thức, toàn quân phải thấu suốt huấn luyện là nhiệm vụ chính trị trung tâm, thường xuyên, cơ sở để nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; nâng cao chất lượng huấn luyện là trách nhiệm của mọi đơn vị, mọi cán bộ, chiến sĩ. Đặc biệt, trên cơ sở sơ kết, tổng kết nhiệm vụ huấn luyện hằng năm, các cơ quan, đơn vị cần có biện pháp để phát huy kết quả đã đạt được, nhân rộng những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến; nêu cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác huấn luyện; tập trung đột phá vào các nội dung trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời, chú trọng khắc phục triệt để những khâu yếu, mặt yếu, tư tưởng ngại khó, ngại khổ, bệnh thành tích trong huấn luyện...

Các đơn vị cần đẩy mạnh đổi mới công tác huấn luyện theo tư duy mới về quốc phòng, quân sự của Đảng và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đặc biệt là trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược biển Việt Nam, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia và Luật Quốc phòng năm 2018. Tích cực nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện theo hướng thiết thực, hiệu quả. Cần đẩy mạnh nghiên cứu phát triển lý luận nghệ thuật quân sự Việt Nam, nhất là nghiên cứu đổi mới cách đánh, phù hợp với sự phát triển của đối tượng tác chiến, tổ chức biên chế, trang bị vũ khí của ta trong điều kiện chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc phát triển ở trình độ cao, làm cơ sở để đổi mới nội dung huấn luyện.

Toàn quân tiếp tục thực hiện phương châm huấn luyện “Cơ bản, thiết thực, vững chắc”, coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, sát với thực tế chiến đấu. Lấy huấn luyện tác chiến trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao làm môi trường để rèn luyện bộ đội; lấy nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân làm cơ sở để xây dựng nội dung, chương trình huấn luyện. Các đơn vị cần kết hợp chặt chẽ huấn luyện quân sự với giáo dục chính trị; giáo dục, đào tạo gắn với huấn luyện chiến đấu; huấn luyện sát nhiệm vụ, phương án chiến đấu, đối tượng tác chiến, lấy thực hành làm chính; kết hợp huấn luyện với rèn luyện thể lực bộ đội... Rút kinh nghiệm từ thực tế, các đơn vị cần chú trọng hơn đến huấn luyện dã ngoại, huấn luyện đêm; tăng cường huấn luyện làm chủ, khai thác hiệu quả các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật thế hệ mới; huấn luyện nâng cao khả năng cơ động phòng tránh, đánh trả trong điều kiện địa hình, thời tiết phức tạp, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao; khắc phục hiện tượng giản đơn, chưa bám sát yêu cầu của chiến tranh hiện đại. Toàn quân cần

tăng cường tổ chức diễn tập ở các cấp; chú trọng gắn diễn tập chiến dịch, chiến lược với diễn tập chiến thuật, tích cực diễn tập thực binh có bắn đạn thật, diễn tập vòng tổng hợp, diễn tập tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng gắn với tác chiến khu vực phòng thủ.

Kết hợp đẩy mạnh huấn luyện với nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, chủ động xây dựng, bổ sung các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, bảo đảm sát nhiệm vụ, đối tượng, địa bàn, thực tế chiến đấu và mang tính khả thi cao. Trên cơ sở đó, các đơn vị vừa tổ chức huấn luyện, luyện tập nâng cao khả năng hiệp đồng, vừa duy trì nghiêm túc các chế độ trực chỉ huy, trực chiến, tuần tra, canh gác, bảo đảm thông tin liên lạc theo quy định. Đặc biệt, để tăng thêm khả năng thích ứng nhanh trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao, bộ đội phải được huấn luyện thường xuyên trong điều kiện phức tạp, sát với tình huống mà đơn vị sẽ đảm nhiệm, sát với điều kiện của chiến trường bằng biện pháp tổ chức lực lượng luyện tập chu đáo; tổ chức diễn tập có hiệp đồng chiến đấu nhiều thành phần, nhiều lực lượng tham gia; huấn luyện bảo toàn lực lượng thời kỳ đầu chiến tranh... Đồng thời, huấn luyện cơ bản đạt trình độ thuần thục, vững chắc phải luôn được coi là yêu cầu hàng đầu trong huấn luyện và rèn luyện bộ đội.

Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý, chỉ đạo, điều hành huấn luyện theo tinh thần Nghị quyết 765 của Quân ủy Trung ương, đảm bảo “tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo”, “phân rõ trách nhiệm của cơ quan cấp chiến lược, chiến dịch và chiến thuật”. Các đơn vị cần quan tâm kiện toàn và phát huy vai trò của cơ quan tham mưu, quân huấn, nhất là ở cấp trung đoàn, sư đoàn trong việc tham mưu, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ huấn luyện. Tăng cường sự phối hợp, hiệp đồng giữa cơ quan, đơn vị trong quản lý, chỉ đạo, điều hành huấn luyện.

Tích cực huy động các nguồn lực, làm tốt công tác bảo đảm cho huấn luyện. Đây là yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp đến chất lượng huấn luyện. Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, toàn quân cần chú trọng kết hợp quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí trên cấp với phát huy nội lực, huy động các nguồn kinh phí khác để bảo đảm cho huấn luyện. Trước mắt, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện chiến đấu ở các cấp, ưu tiên các đơn vị đủ quân, làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đơn vị tiền tăng lên hiện đại.

Tiếp tục nghiên cứu, biên soạn bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống tài liệu huấn

luyện cho các đối tượng, lực lượng, nhất là tài liệu huấn luyện vũ khí, trang bị kỹ thuật mới, các loại hình tác chiến mới, lực lượng mới thành lập. Đẩy mạnh cải tiến, nâng cấp, phát huy vai trò của các cơ quan khoa học trong nghiên cứu, sản xuất các mô hình, học cụ, trang thiết bị mô phỏng hiện đại, phục vụ huấn luyện; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào huấn luyện, diễn tập. Cùng với đó, đặc biệt coi trọng thực hiện tốt công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phục vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; giảm thiểu các vụ việc mất an toàn trong huấn luyện, diễn tập.

Thường xuyên coi trọng công tác kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt huấn luyện, diễn tập, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện. Đổi mới công tác kiểm tra huấn luyện theo hướng vừa duy trì kiểm tra định kỳ, vừa tăng cường kiểm tra đột xuất, ngẫu nhiên, kết hợp giữa kết quả cụ thể và quá trình phân đấu của đơn vị để đánh giá khách quan, toàn diện. Qua đó, từng bước khắc phục tư tưởng chủ quan, trung bình chủ nghĩa và bệnh thành tích trong huấn luyện, góp phần đưa kết quả huấn luyện đi vào chiều sâu, thực chất, nhất là ở các nội dung khó, trọng điểm. Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm huấn luyện cũng phải triển khai thực hiện nghiêm túc, nhằm đánh giá đúng mạnh, yếu, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cấp, rút ra bài học kinh nghiệm cho từng đơn vị; xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt được và phương hướng khắc phục đối với từng nội dung, nhất là khâu yếu, mặt yếu trong các giai đoạn huấn luyện tiếp theo. Làm tốt công tác thi đua - khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn quân, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) Tiếp tục điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh, linh hoạt”, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu ngày càng cao

Việc điều chỉnh tổ chức là yêu cầu khách quan, cấp thiết, đáp ứng đòi hỏi của việc thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đảm bảo cho Quân đội có cơ cấu tổ chức hợp lý, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu ngày càng cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và cấp ủy, chỉ huy các cấp trong toàn quân cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, kết hợp chặt chẽ công tác tổ chức với công tác tư tưởng và công tác chính sách.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Kết luận số 16-KL/TW ngày 7/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm

2021, Nghị quyết số 606-NQ/QUTW ngày 16/6/2018 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo triển khai Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 217-KH/QUTW ngày 13/3/2018 của Quân ủy Trung ương về triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Đề án về điều chỉnh tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2016 - 2021; Đề án cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp quân đội đến năm 2020...

Các cơ quan, đơn vị cần tăng cường quán triệt, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ, nhất là cấp ủy, chỉ huy các cấp về nhiệm vụ điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội trong tình hình mới. Nội dung giáo dục cần tập trung phổ biến, quán triệt làm rõ quan điểm của Đảng, Quân ủy Trung ương và các chỉ thị, đề án, kế hoạch, hướng dẫn về điều chỉnh tổ chức Quân đội. Việc tổ chức quán triệt phải chặt chẽ, đúng đối tượng theo quy định, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ ở từng cấp, bảo đảm giữ bí mật, có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời, gắn việc quán triệt, giáo dục với các biện pháp tổ chức hành chính, xây dựng nền nếp, phương pháp, tác phong làm việc khoa học, nhằm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm đối với công tác quan trọng này. Trên cơ sở nhận thức đúng, các cơ quan, đơn vị tập trung đánh giá đúng tình hình, thấy rõ những thuận lợi, khó khăn, củng cố niềm tin của cán bộ, chiến sĩ vào chủ trương của Đảng, Quân đội; từ đó, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện, xây dựng quyết tâm, đề cao trách nhiệm, thực hiện thắng lợi chủ trương điều chỉnh tổ chức Quân đội của Đảng và Nhà nước.

Cùng với việc quán triệt, giáo dục, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần làm tốt công tác lãnh đạo tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là các bộ phận trực tiếp được điều chỉnh. Phải dự kiến được các tình huống tư tưởng có thể xảy ra khi có sự điều chỉnh, sáp nhập, cổ phần hóa; kịp thời giải quyết những vướng mắc nảy sinh, đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất trong từng cơ quan, đơn vị và toàn quân. Cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp, sự vào cuộc của các tổ chức quần chúng trong giáo dục, quán triệt và tổ chức thực hiện; gắn công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ, chính sách; đề cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện.

Bám sát định hướng của Bộ Chính trị và những kinh nghiệm, kết quả đã đạt được, tập trung triển khai nhiều chủ trương, giải pháp, khâu đột phá trong điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt. Để thực hiện mục tiêu đó, toàn quân cần tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát về quân số, tổ chức, trang bị của từng cơ quan, đơn vị, làm cơ sở điều chỉnh, kiện toàn tổ chức, biên

chế, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vũ khí, trang bị hiện có và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới. Quá trình rà soát, điều chỉnh phải bảo đảm khách quan, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ của từng loại hình cơ quan, đơn vị và lực lượng. Cùng với tinh giản một số bộ phận, khâu trung gian,... cần tiếp tục đầu tư xây dựng các lực lượng đã được xác định tiến thẳng lên hiện đại; nghiên cứu điều chỉnh, điều chuyển, thành lập một số đơn vị dự bị chiến lược; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, có tổ chức hợp lý, chất lượng cao; sắp xếp lại các nhà máy sản xuất, cơ sở sửa chữa quốc phòng theo nhóm sản phẩm, công nghệ; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các binh đoàn, đoàn kinh tế - quốc phòng, v.v.

Đối với khối cơ quan cấp chiến lược, chiến dịch, tập trung rà soát, điều chỉnh tổ chức, biên chế theo hướng: kiên quyết giảm đầu mối trung gian; bổ sung chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Đối với khối đơn vị chiến đấu, căn cứ vào Quyết tâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, tập trung nghiên cứu, điều chỉnh tổ chức lực lượng dự bị chiến lược thuộc một số binh chủng. Với lực lượng bộ binh, được tổ chức theo hướng tăng cường sức mạnh tác chiến và khả năng cơ động cao, sẵn sàng xử lý các tình huống xảy ra; coi trọng củng cố, xây dựng các lực lượng đặc thù, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến trong tình hình mới.

Trong tổ chức điều chỉnh lực lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập và sản xuất, thực hiện theo hướng: sắp xếp lại các nhà máy sản xuất, cơ sở sửa chữa quốc phòng và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế các nhà trường Quân đội, các binh đoàn, đoàn kinh tế - quốc phòng cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục thực hiện tốt Đề án “Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Quân đội giai đoạn 2016 - 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, v.v. Qua đó, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức, biên chế Quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt, có cơ cấu hợp lý, số lượng phù hợp, chất lượng ngày càng cao.

Cùng với điều chỉnh tổ chức, biên chế, các cơ quan, đơn vị cần tiến hành đồng bộ các giải pháp xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; tăng cường quản lý, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính, phục vụ kịp thời, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Việc điều chỉnh tổ chức, lực lượng trong Quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta, phù hợp với yêu

cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Vì vậy, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc chủ trương này sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay.

d) Toàn quân tiếp tục làm tốt công tác dân vận, góp phần xây dựng và củng cố “thế trận lòng dân” vững chắc

Công tác dân vận là một nội dung quan trọng của hoạt động công tác đảng, công tác chính trị; nhiệm vụ chính trị thường xuyên của các đơn vị Quân đội. Thực hiện tốt công tác dân vận là tình cảm, trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp và mọi cán bộ, chiến sĩ, góp phần xây dựng và củng cố mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt quân - dân, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”, những sơ hở, thiếu sót của ta để xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tình đoàn kết quân - dân, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” quân đội. Tình hình đó, đòi hỏi các đơn vị trong toàn quân phải tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, góp phần củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và Quân đội, tăng cường mối đoàn kết gắn bó máu thịt quân - dân, thực hiện “quân với dân một ý chí”.

Để đạt hiệu quả cao trong thực hiện công tác dân vận, các đơn vị cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, trọng tâm là Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Nghị quyết số 49-NQ/QUTW ngày 26/1/2015 của Quân ủy Trung ương về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Quân đội trong thời kỳ mới”. Các đơn vị cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò, nội dung, phương pháp tiến hành công tác dân vận, nhất là các đơn vị đóng quân trên địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng biên giới, hải đảo; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và trách nhiệm trong tiến hành công tác dân vận. Chủ động làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, đấu tranh và khắc phục những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong tiến hành công tác dân vận.

Chủ động tham mưu, đề xuất, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trên các địa bàn, giải quyết hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh. Tích cực tham gia xây

dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, “thế trận lòng dân” vững chắc, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, đặc biệt là vùng biên giới, biển, đảo của Tổ quốc. Tiếp tục đổi mới cơ chế, nâng cao chất lượng hoạt động phối hợp, huy động các lực lượng tham gia, tăng nguồn lực cho công tác dân vận; chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các lực lượng trên địa bàn thực hiện có hiệu quả công tác dân vận, thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và các phong trào do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức phát động. Cơ quan quân sự địa phương cần phát huy vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với các lực lượng trong thực hiện công tác dân vận.

Tích cực đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp công tác dân vận, sát thực tiễn, phù hợp với địa bàn, từng đối tượng người dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, vùng biên giới, hải đảo. Tiếp tục đổi mới hình thức, biện pháp tuyên truyền, vận động nhân dân; kịp thời, nhạy bén nhận diện, phân loại và kiên quyết đấu tranh vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn, những luận điệu tuyên truyền sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Thực hiện nhất quán chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tuyên truyền, vận động nhân dân không tin, không nghe theo kẻ xấu kích động, gây rối trật tự an toàn xã hội, vượt biên trái phép, tham gia “tà đạo, đạo lạ” và các tổ chức bất hợp pháp.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy, cơ quan chính trị các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân vận. Các cấp ủy cần bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo sát với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình; làm tốt việc phân công cấp ủy viên phụ trách công tác dân vận; gắn kết quả công tác dân vận với đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đảng viên và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm. Phát huy vai trò của cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện nhiệm vụ tăng cường tại các địa bàn trong xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh. Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình địa bàn, sớm phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra các “điểm nóng”. Vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, quan điểm ngoại giao nhân dân, đối ngoại quốc phòng, xây dựng các tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển. Tích cực tham gia giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển văn hóa - xã hội; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn; phối hợp với lực lượng công an nhân dân, chính quyền địa phương, kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, xây dựng

địa bàn an toàn, có đời sống văn hóa mới.

Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố, kiện toàn cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận các cấp có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ, năng lực và có kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng khéo theo phong cách của Bác Hồ. Thực hiện tốt lời dạy của Bác: Cán bộ dân vận phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”, luôn “gần dân, học dân, nghe theo dân”. Làm tốt việc tuyển chọn cán bộ đảm nhiệm công tác dân vận; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lòng say mê, nhiệt huyết, có trình độ, năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ làm công tác dân vận, nhất là cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh. Chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ dân vận chuyên trách là con em đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo...

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, nâng cao ý thức phụng sự Tổ quốc, vì nhân dân phục vụ của cán bộ, chiến sĩ. Kết hợp chặt chẽ hoạt động công tác dân vận với các phong trào thi đua, các cuộc vận động, làm cho công tác dân vận phát triển toàn diện, rộng khắp, đạt chất lượng, hiệu quả thiết thực. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng và Hội đồng quân nhân trong việc tham gia ý kiến, hiến kế và bàn biện pháp thực hiện hiệu quả nghị quyết của cấp ủy, chỉ thị, mệnh lệnh của người chỉ huy đối với công tác dân vận. Thông qua thực tiễn tiến hành công tác dân vận, phát hiện, bồi dưỡng, phát triển và nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo, gương người tốt, việc tốt để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong toàn quân, toàn quốc.

Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu bổ sung, phát triển lý luận công tác dân vận của Quân đội trong điều kiện mới. Tập trung nghiên cứu xây dựng và vận dụng các mô hình tiên tiến, tiêu biểu về công tác dân vận khéo ở các vùng đô thị, khu công nghiệp, các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo sinh sống, các địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

đ) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường đối ngoại quốc phòng, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước và Quân đội

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường đối ngoại quốc phòng có ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân hùng mạnh trong tình hình mới.

Để thực hiện tốt nội dung trọng yếu này, trước hết, các đơn vị trong toàn quân cần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng. Thông qua việc Quân đội đẩy mạnh hội nhập quốc tế và tăng cường đối ngoại quốc phòng sẽ góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược với các nước, các tổ chức quốc tế, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước và Quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế; tăng cường tiềm lực quân sự, quốc phòng, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; góp phần đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, giữ vững ổn định chính trị để phát triển đất nước. Thường xuyên quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước về đối ngoại quốc phòng trong thời kỳ đẩy mạnh hội nhập quốc tế; nắm vững mục tiêu của đối ngoại quốc phòng là thiết lập và phát triển quan hệ về quốc phòng với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau nhằm góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, an ninh trong khu vực và trên thế giới.

Đặc biệt, đối với các cơ quan, đơn vị quân đội trực tiếp làm nhiệm vụ hoặc có liên quan đến nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng phải luôn quán triệt, nắm vững và thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng về đối ngoại quốc phòng; tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ, có hiệu quả Đề án “Hội nhập quốc tế về quốc phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; chấp hành nghiêm Quy chế đối ngoại quốc phòng và các văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, các văn bản ký kết giữa Nhà nước, Bộ Quốc phòng nước ta với đối tác, đồng thời ban hành hướng dẫn cụ thể về quy tắc ứng xử, đối sách và các quy định khác liên quan đến nhiệm vụ, địa bàn và tính chất hoạt động của mình.

Việt Nam chủ trương mở rộng đối ngoại quốc phòng, tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc phòng, an ninh của khu vực và của cộng đồng quốc tế. Do vậy, một mặt, toàn quân cần kiên trì xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác với quân đội và nhân dân các nước láng giềng có biên giới liền kề, các nước trong khu vực và trên thế giới, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế; mặt khác, phải kiên quyết đấu tranh với những hành động gây chia rẽ đoàn kết quốc tế, hoặc lợi dụng quan hệ quốc tế vi phạm chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, gây mất ổn định chính trị - xã hội đất nước.

Các đơn vị trong toàn quân phải tích cực đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp công tác đối ngoại quốc phòng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Chú trọng thúc đẩy đối ngoại quốc phòng đi vào chiều sâu, ổn định, thực chất và bền vững đối với các quan hệ đã thiết lập; đồng thời, tạo ra tiền đề để chúng ta thiết lập các quan hệ mới về quốc phòng, an ninh, từng bước xây dựng, củng cố các “phòng tuyến an ninh đối ngoại” nhiều tầng, nhiều tuyến, góp phần đấu tranh ngăn chặn và làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” từ bên ngoài của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Đi đôi với đổi mới về nội dung, cần đổi mới hình thức đối ngoại quốc phòng theo hướng đa dạng. Trên thực tế, thông qua các hoạt động giao lưu, trao đổi, đối thoại, hội thảo... chúng ta tiếp thu được nhiều kinh nghiệm từ phía bạn; ngược lại, bạn cũng hiểu biết thêm về đường lối, chủ trương đối ngoại quốc phòng của Đảng, Nhà nước ta; thấy được thái độ cầu thị, thân thiện của ta, từ đó làm cho quan hệ giữa hai bên được củng cố và đi vào chiều sâu. Đổi mới phương pháp đối ngoại quốc phòng phải vận dụng sáng tạo truyền thống ngoại giao của dân tộc, tư tưởng, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, phương pháp ngoại giao Việt Nam hiện đại, nhất là phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, giữ vững quan điểm, đường lối, nguyên tắc chiến lược, nhưng linh hoạt, sáng tạo trong sách lược.

Các đơn vị trong toàn quân cần bám sát động thái quốc tế, khu vực, tình hình Biển Đông, biên giới, quan hệ giữa các nước lớn có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong Quân đội và với cơ quan, tổ chức của các ban, ngành ở Trung ương và địa phương, tạo sự thống nhất cao trong đánh giá tình hình, tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng các chủ trương, đối sách về quan hệ, hợp tác quốc phòng, đặc biệt là trong bảo vệ chủ quyền, biên giới, biển, đảo... nâng cao khả năng dự báo chiến lược, năng lực tham mưu, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng.

Tích cực bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng, coi đó là công cụ, cơ sở pháp lý, bảo đảm các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc phòng được triển khai đúng với các quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế. Thường xuyên củng cố, kiện toàn hệ thống các cơ quan, đơn vị làm công tác hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng. Trong đó, hệ thống cơ quan, đơn vị chuyên trách về đối ngoại quốc phòng cần tiếp tục được củng cố, kiện toàn cả về tổ chức biên chế và chức năng, nhiệm vụ, tạo động lực mới hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Coi trọng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đối ngoại quốc phòng kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, luật pháp quốc tế cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trực tiếp làm công tác đối ngoại quân sự. Đặc biệt, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách đối ngoại, cán bộ tham gia công tác đối ngoại quân sự có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với chế độ, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, có đạo đức trong sáng, nếp sống lành mạnh, có trình độ chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ, luật pháp quốc tế, bảo đảm đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại quân sự vừa là một quân nhân ưu tú, mẫu mực, vừa là nhà ngoại giao vững vàng, tinh thông. Các cơ quan chức năng cần sớm nghiên cứu, ban hành các chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tham gia công tác đối ngoại quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

e) Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức

Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức là vấn đề then chốt nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó.

Trước hết, cần lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên có nhận thức, kiến thức toàn diện, nhất là trình độ lý luận chính trị; tuyệt đối tin tưởng đường lối, chủ trương của Đảng, nắm chắc tình hình nhiệm vụ và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Để làm được điều đó, cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp phải tăng cường các biện pháp giáo dục chính trị, quản lý tư tưởng; gắn công tác tư tưởng với công tác tổ chức, chính sách và các biện pháp quản lý hành chính, thi hành Điều lệ Đảng, Quy định về những điều đảng viên không được làm. Chủ động nghiên cứu, dự báo, đánh giá tình hình, diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và bộ đội; giải quyết kịp thời những vấn đề tư tưởng nảy sinh, giữ vững đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng, sự đồng thuận trong cơ quan, đơn vị.

Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Quán triệt và chấp hành nghiêm Quy định 104-QĐ/QU ngày 16/2/2017 của Quân ủy Trung ương “Một số vấn đề cơ bản về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam”; Quyết định 99-QĐ/TW ngày

3/10/2017 của Ban Bí thư về việc ban hành hướng dẫn khung đề các cấp ủy, tổ chức đảng phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Kết luận 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới.

Thường xuyên kiện toàn các cấp ủy, tổ chức đảng, duy trì nền nếp, chế độ sinh hoạt, đổi mới phong cách, phương pháp công tác; làm tốt công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng. Coi trọng xây dựng tổ chức đảng về đạo đức; tiếp tục quán triệt, triển khai đồng bộ, hiệu quả kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 87 của Thường vụ Quân ủy Trung ương. Thực hiện nghiêm các Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp; kịp thời khắc phục hạn chế, khuyết điểm, với phương châm “tự soi, tự sửa”, tự phê bình và phê bình. Tăng cường mối đoàn kết, thống nhất; nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực của tổ chức chỉ huy, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; có số lượng và cơ cấu hợp lý, chất lượng chính trị cao, phẩm chất đạo đức trong sáng, kiến thức, năng lực toàn diện. Thực hiện tốt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý các cấp, bảo đảm sự kế thừa, phát triển vững chắc; có chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Các cấp cần tiếp tục quán triệt và thực hiện Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi, bổ sung); Nghị quyết 769-NQ/QUTW ngày 21/12/2012 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo. Đồng thời, lãnh đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy chế, quy trình công tác cán bộ; chủ động giải quyết số lượng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ theo đúng quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và Quân đội; phù hợp đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng. Quán triệt phương châm “giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cần chủ động thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, tập trung kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Chú trọng kiểm tra, giám sát lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác xây dựng Đảng; chấp hành Điều lệ Đảng và Quy định về những điều đảng viên không được làm... Kiểm tra, giám sát phải chặt chẽ, công tâm, khách quan; gắn kiểm tra tổ chức đảng với kiểm tra, giám sát cấp ủy viên, cán bộ chủ trì cùng cấp về thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của

cấp ủy các cấp, chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, đoàn kết nội bộ, thực hiện nhiệm vụ đảng viên và chức trách, nhiệm vụ được giao. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, bảo đảm đúng nguyên tắc, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Phần thứ tư

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU 7, 74 NĂM XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU, TRƯỞNG THÀNH

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH QUÂN KHU 7

Quân khu 7 có diện tích 45.956 km², dân số hơn 20 triệu (gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước và Bình Thuận). Phía Bắc-Tây Bắc QK có đường biên giới giáp Campuchia với chiều dài 650 km, phía Đông Bắc giáp Quân khu 5, phía Tây giáp Quân khu 9, phía Đông Nam giáp biển Đông, bờ biển dài 322 km. Ngoài khơi cách Vũng Tàu 180 km là quần đảo Côn Sơn (huyện Côn Đảo thuộc BR-VT) và cách Phan Thiết 110 km là đảo Phú Quý (huyện đảo thuộc Bình Thuận). Quân khu 7 có vùng lãnh hải, thềm lục địa có vị trí địa lý kinh tế quân sự quan trọng được nhiều quốc gia quan tâm.

Ngày 23/09/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2. Quân và dân Nam bộ, trước hết là quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã thay mặt cả nước đứng lên chiến đấu, cuộc chiến lan rộng ra khắp miền Đông và sau đó là miền Tây Nam bộ. Để có sự thống nhất trong chỉ huy, chỉ đạo ngày 10/12/1945 tại Hội nghị quân sự Nam bộ do Xứ ủy tổ chức (ở xã Bình Hoà Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày nay) đã ra quyết định thành lập Khu 7 - một tổ chức quân sự hành chính do các đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ làm Chủ nhiệm Chính trị bộ.

II. NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU, TRƯỞNG THÀNH

1. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, quân và dân miền Đông Nam bộ, trước hết là quân và dân thành phố Sài Gòn đã anh dũng đứng lên kháng chiến. Trong hoàn cảnh khó khăn bỡ ngỡ của buổi đầu đánh giặc, quân và dân Sài Gòn-Chợ lớn-Gia Định đã vây hãm quân địch trong thành phố, tạo điều kiện cho nhân dân toàn miền củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng LLVT, xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị tinh thần và thực lực mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Từ năm 1947 đến năm 1950, địa bàn miền Đông Nam bộ là một trong những trọng điểm "**Bình Định**" của địch, một trong những hậu phương dự trữ chiến lược của chúng ở chiến trường Việt Nam. Quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã tập trung nỗ lực chống lại chính sách "**Bình Định**" của địch, chấn chỉnh và xây dựng LLVT 3 thứ quân, sáng tạo ra nhiều cách đánh độc đáo và có hiệu quả trong chống càn quét, trong phục kích giao thông, trong tiến công đồn bốt, cứ điểm, tháp canh và tổ chức chiến dịch lớn. Đây cũng là giai đoạn mà phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị phát triển mạnh mẽ chưa từng có.

Giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong điều kiện bị địch chia cắt, phong tỏa và càn quét liên miên, quân và dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ giữ vững phong trào, khắc phục những lệnh lạc hữu huynh trong thực hiện phương châm ba vùng, đấu tranh giành giật sức người, sức của với địch. Đây mạnh phong trào đấu tranh du kích, kết hợp với phong trào đấu tranh đô thị và địch nguy vận, cầm chân địch tại chỗ, không ngừng mở rộng căn cứ địa và xây dựng cuộc sống mới mọi mặt ở vùng giải phóng, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã từng bước giành lại thế chủ động, tạo thế, tạo lực, tích cực góp phần cùng quân và dân cả nước tiến công địch trong Đông-Xuân 1953-1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975)

Ngay những ngày đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong thế trận rất chênh lệch, nhưng nhân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ vẫn vững tin vào đường lối chủ trương của Đảng, kiên trì cuộc đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống "**tổ cộng diệt cộng**", chống càn quét, khủng bố, cướp đất, dồn dân. Vừa đấu tranh chính trị, vừa có ý thức chuẩn bị tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang. Tháng 06/1958, Bộ Tư lệnh miền Đông được thành lập; 15/02/1961 Quân giải phóng miền Nam công bố thành lập từ sự thống nhất các đơn vị lực lượng vũ trang cánh mạng. Từ đó phong trào đấu tranh và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng càng phát triển mạnh mẽ.

Từ 1957 đến đầu năm 1961, các đơn vị đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông đã thực hiện một số trận đánh, đặc biệt trận đánh quận lỵ Dầu Tiếng (11/08/1958), lần đầu tiên từ sau 1954, lực lượng vũ trang miền Đông chiếm được một chi khu quân sự địch. Trận đánh vào trụ sở cơ quan MAAG của Mỹ đóng tại Biên hòa do đặc công biệt động Biên Hoà thực hiện (09/07/1959), là trận đánh Mỹ đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ. Ngày 26/01/1965, lực lượng vũ trang miền Đông đánh trận Tua 2 (Tây Ninh) làm chủ căn cứ một trung đoàn chủ

lực nguy, mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở miền Đông.

Từ 1961 đến giữa 1965, khi Mỹ-ngụy thay đổi chiến lược từ **“Chiến tranh đơn phương”** sang tiến hành **“Chiến tranh đặc biệt”**, trên chiến trường miền Đông đã có những đơn vị chủ lực cấp tiểu đoàn, trung đoàn. Trên cơ sở lực lượng phát triển, quân và dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã vận dụng linh hoạt phương châm hai chân, ba mũi, ba vùng. Kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt với làm chủ, tập trung phá **“ấp chiến lược”**, từng bước làm phá sản **“quốc sách ấp chiến lược”**, liên tiếp đánh bại các kế hoạch bình định của địch, giải phóng từng mảng nông thôn rộng lớn ở miền núi và đồng bằng; đồng thời kết hợp đẩy mạnh phong trào đô thị dẫn đến sự sụp đổ của chế độ độc tài tay sai Ngô Đình Diệm. Trong giai đoạn chiến tranh đặc biệt, LLVT miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh nhiều trận tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Trong đó tiêu biểu nhất là chiến dịch Bình Giã (từ 02/12/1964 đến 07/01/1965). Đây là lần đầu tiên trên chiến trường B2 ta mở chiến dịch lớn cấp Sư đoàn, làm sụp đổ chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Giữa năm 1965, Đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, tiến hành cuộc **“Chiến tranh cục bộ”**, ào ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Miền Đông là chiến trường địch tập trung lực lượng cả Mỹ lẫn ngụy cùng khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh lớn nhất. Chiến trường miền Đông lúc này đã có 3 Sư đoàn chủ lực Miền (*Sư 9, Sư 5, Sư 7*). Với lực lượng đã phát triển mạnh lại được sự chi viện của cả nước, quân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ đã chủ động xác định quyết tâm đánh Mỹ, diệt ngụy, vận dụng phương thức, phương châm tiến hành chiến tranh một cách linh hoạt, có hiệu quả, phát huy khả năng địa phương trong việc đảm bảo hậu cần tại chỗ, đặt cơ sở cho việc xây dựng và phát triển mạng lưới hậu cần nhân dân trong chiến tranh, góp phần lần lượt đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất và lần thứ hai của địch, thực hành các cuộc tổng tiến công và nổi dậy trong năm 1968, đánh vào các sào huyệt của địch ở Sài Gòn, giành thắng lợi lớn. Trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ từ sau ngày ký Hiệp định Paris, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã nhanh chóng khắc phục những lúng túng ban đầu để cho địch lấn đất, chiếm dân, kịp thời chuyển sang thế tấn công giành chủ động, thực hiện nhiều trận đánh đạt hiệu suất cao như trận Bến Tranh ở Dầu Tiếng, trận đánh kho xăng Nhà Bè (03/02/1973). Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, có 2 cánh quân thuộc các lực lượng chiến đấu trên chiến trường Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đó là Quân đoàn 4 ở hướng Đông và Đoàn 232 ở hướng Tây Nam, bằng tinh thần xiển đấu anh dũng quân và dân Quân khu 7 đã góp phần giành thắng lợi cuối cùng vào trưa ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế (1977-1989)

Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chưa được bao lâu, lực lượng vũ trang Quân khu 7 lại bắt tay vào cuộc chiến đấu mới: cùng nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh trên tất cả các lĩnh vực, góp phần xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới.

Ngày 30/04/1977, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam do bọn phản bội Pôn-pốt tiến hành đã bắt đầu diễn ra quyết liệt, nhất là từ tháng 09 đến tháng 11/1977. Quân khu 7 vừa tổ chức lực lượng bảo vệ biên giới, vừa thực hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh địa bàn. Cuối năm 1978, đầu năm 1979, theo đề nghị của lực lượng cách mạng Campuchia và thông suốt chỉ thị của trên, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã cùng các đơn vị bạn phối hợp với các lực lượng cách mạng Campuchia tiến hành cuộc phản công truy kích bọn Pôn-pốt, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Cùng với các Quân khu 5, 9 và một bộ phận lực lượng chủ lực của Bộ, LLVT Quân khu 7 liên tục 10 năm giúp Bạn đã làm tốt nhiệm vụ liên minh chiến đấu, giúp nhân dân Campuchia hồi sinh, từng bước củng cố, xây dựng lực lượng đủ khả năng tự đảm đương nhiệm vụ của mình. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tháng 09/1989, các đơn vị thuộc QK7 (MT 479 và 779) cùng quân tình nguyện Việt Nam rút toàn bộ về nước.

4. Huấn luyện, xây dựng, sẵn sàng chiến đấu góp phần làm thất bại chiến lược “DBHB” của kẻ thù, giữ vững an ninh, chính trị trên địa bàn Quân khu:

Trong bối cảnh quốc tế sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh thực hiện việc xóa bỏ các nước XHCN còn lại bằng chiến lược “**DBHB**”, **BLLĐ** kết hợp với răn đe tiến công quân sự, trong đó Việt Nam là một trọng điểm. Trên địa bàn Quân khu 7 từ năm 1990 đến nay địch tập trung đánh phá ta bằng nhiều phương tiện và thủ đoạn tinh vi, thâm độc. Chỉ tính riêng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận đã có hàng chục tổ chức phản động, dựa vào một số yếu kém khuyết điểm của ta trong việc thực hiện chính sách và một bộ phận cán bộ thoái hoá biến chất rồi khuếch đại, gây mối nghi ngờ giữa quần chúng với Đảng, chính quyền và quân đội, làm giảm lòng tin của nhân dân vào Nhà nước và chế độ. Từ đó mà xuyên tạc CNXH, Tuyên truyền cho cái gọi là tính “**ưu việt**” của CNTB hiện đại; cài cắm, xây dựng lực lượng tạo phản, thực hiện các cuộc bạo loạn nhằm lật đổ chế độ ta. Các thế lực thù địch triệt để sử dụng chiêu bài “**tự do, dân chủ, nhân quyền**”, các

vấn đề về “**dân tộc, tôn giáo**” để tạo ra các điểm nóng, làm chúng ta mất ổn định, tạo cơ can thiệp tiến hành lật đổ chế độ.

Trước tình hình trên, LLVT Quân khu 7 đã kịp thời tăng cường triển khai thực hiện các nhiệm vụ củng cố, xây dựng lực lượng, thực hành huấn luyện không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, cùng các địa phương xây dựng các khu vực phòng thủ và thể trận quốc phòng toàn dân vững mạnh. LLVT Quân khu đã đoàn kết, phối hợp cùng các lực lượng Công an nhân dân và nhân dân các địa phương thực hiện các nhiệm vụ ngăn chặn, giải quyết các điểm nóng, kịp thời phát hiện, truy quét bọn Fun Rô và các nhen nhóm bạo loạn, làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN. Các lực lượng vũ trang QK càng ngày càng gắn bó với nhân dân các địa phương, phát huy truyền thống và kinh nghiệm trong quá khứ, ra sức xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, trong đó chú trọng xây dựng các tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế và quốc phòng ngày càng phát triển vững chắc.

III. TRUYỀN THỐNG VỀ VANG

Trải qua 74 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành LLVT Quân khu luôn kế thừa, phát huy truyền thống về vang của Đảng, của dân tộc, truyền thống về vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, xây đắp nên truyền thống “**Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng**”:

1. Trung thành vô hạn

Trong chiến tranh, chiến trường miền Đông Nam bộ và Cực Nam Trung bộ ở xa Trung ương, lại dễ bị địch chia cắt, cô lập. Do đó việc báo cáo và nhận chỉ thị cùng sự chi viện về mọi mặt từ Trung ương là hết sức khó khăn, nhất là trong kháng chiến chống Pháp và giai đoạn đầu chống Mỹ. Chiến trường miền Đông là nơi đối đầu trực tiếp với cơ quan đầu não guồng máy chiến tranh của kẻ địch nên cuộc chiến diễn ra hết sức gay go, quyết liệt. Sự tàn phá của bom đạn cùng chất độc hóa học của địch đối với con người và núi rừng miền Đông và cực Nam Trung bộ hết sức nặng nề. Trong hoàn cảnh ấy, quân dân miền Đông và Cực Nam Trung bộ luôn xiết chặt đội ngũ, đoàn kết một lòng, vượt mọi khó khăn để xây dựng lực lượng, cùng đồng bào cả nước chiến đấu oanh liệt cho đến ngày toàn thắng. Sự hy sinh gian khổ, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của miền Đông đã đi vào thơ, ca, nhạc, họa, làm sáng rõ nét truyền thống “**miền Đông gian lao mà anh dũng**”, thể hiện rõ lòng trung thành vô hạn của LLVT Quân khu đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân.

2. Chủ động sáng tạo

Cũng từ đặc điểm chiến trường ở xa Trung ương nên để kịp thời chớp lấy thời cơ tiến hành chiến đấu thắng lợi, quân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã xây dựng nên nét truyền thống đậm đà: "**chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường**".

Khi quân Pháp trở lại gây hấn ở Nam bộ, nhân dân miền Đông đã chủ động đứng lên tổ chức kháng chiến giam chân địch tạo điều kiện cho cả nước chủ động bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong những năm đầu của giai đoạn chống Mỹ, địch không chịu thi hành hiệp định Giơnevơ, tập trung đánh phá cách mạng hết sức quyết liệt, nhân dân miền Đông một mặt thực hiện chỉ đạo của Đảng, tiến hành đấu tranh chính trị đòi địch thi hành hiệp định, mặt khác chủ động xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho đấu tranh vũ trang.

Phương châm "**nắm thắt lưng địch mà đánh**" đã nhanh chóng làm tan đi ấn tượng "**quân thù quá mạnh**" và làm dấy lên phong trào "**tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt**" trên khắp các chiến trường. Rồi sức mạnh của "**3 mũi giáp công**", "**3 vùng chiến lược**" của thế đứng "**2 chân**" và khả năng công phá của đội quân tóc dài là những sáng tạo, những đúc kết kinh nghiệm của quá khứ được nâng cao, đã trở thành nghệ thuật của chiến tranh nhân dân thần thánh. Mỗi khi kẻ thù thay đổi chiến lược là quân và dân miền Đông và Cực Nam Trung bộ lại cùng các chiến trường chủ động tìm tòi, sáng tạo cách đánh, nhanh chóng làm phá sản âm mưu thủ đoạn của kẻ thù.

3. Tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng

Riêng về công tác đảm bảo vũ khí, trang bị và công tác hậu cần nói chung cho chiến trường thì miền Đông là một đại diện tiêu biểu cho truyền thống tự lực, tự cường và gắn bó máu thịt với nhân dân. Thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, ngay những năm đầu chống Pháp, LLVT miền Đông đã dựa vào dân hình thành một hệ thống quân giới nhân dân trên khắp chiến trường. Công binh xưởng được hình thành trên chiến khu, trong lòng địch và ngay cả trên sông nước. Cũng nhờ dựa vào dân mà LLVT miền Đông và cực Nam Trung bộ ngày càng được bổ sung thêm lực lượng, có điều kiện nắm bắt kịp thời ý đồ chiến lược của địch để đánh địch, đồng thời đã tạo được cả một hệ thống chân hàng từ địch hậu tới bung biên, từ trong nước ra ngoài nước để thực hiện hậu cần tại chỗ và tiếp nhận sự chi viện của hậu phương lớn đảm bảo đủ lương thực, vũ khí, thuốc men cho chiến trường.

Gắn bó với nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, là bài học thường trực và hết sức sâu sắc đối với LLVTQK trong thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện nay. Chiến trường miền Đông Nam bộ trong chống Pháp và chống Mỹ đều thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn. Và ở nhiều thời điểm, LLVT Quân khu đã sát cánh cùng LLVT cách mạng Campuchia tiêu diệt kẻ thù. Đồng thời trên chiến trường miền Đông và cực Nam Trung bộ trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, luôn có nhiều lực lượng cùng đứng chân. Đó là LLVT Quân khu 7, Quân khu 5 và các đơn vị chủ lực của Bộ, của các quân binh chủng... Vì thế đoàn kết gắn bó với dân, với các đơn vị bạn và đoàn kết quốc tế đã trở thành một nét đẹp truyền thống mang lại sức mạnh chiến đấu cho LLVT quân khu.

*

* *

Kỷ niệm 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân và 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 74 năm Ngày thành lập LLVT Quân khu 7 là dịp để chúng ta ôn lại lịch sử hào hùng của dân tộc; bản chất, truyền thống tốt đẹp, những chiến công oanh liệt của Quân đội và nhân dân ta. Qua đó, khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí quật cường, ý thức tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn thử thách; ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới./.

[1] Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam - Viện Sử học: *Lịch sử Việt Nam*, t.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr.84.

[2] Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.414.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.4.

- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.5*, tr.26.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.5*, tr.85.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7*, 2000, tr.118.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7*, tr.418.
- [8] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, t.4*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.96.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.8*, 2000, tr.150.
- [10] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4*, tr.534.
- [11] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5*, tr.179.
- [12] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5*, tr.179.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20*, 2002, tr.70.
- [14] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.15*, tr.412.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.37*, tr.587.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.43*, 2006, tr.54, 55.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.47*, 2006, tr.559.
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.51*, 2007, tr.142.
- [19] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.55*, 2015, tr.398.
- [20] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.60*, 2016, tr.205.
- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.108, 109.
- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.110.
- [23] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ*
-

XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.82.

[24] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.147, 148.

[25] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.148, 149.

[26] Bộ Quốc phòng - Trung tâm Từ điển bách khoa quân sự: *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.848.

[27] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.60, tr.29.

[28] Đối tượng 1 là 2.422 lượt người; đối tượng 2 là 65.103 lượt người; đối tượng 3 là 297.100 lượt người; đối tượng 4 là 3.041.880 lượt người; chức sắc, chức việc các tôn giáo là 105.903 lượt người; đối tượng khác là 312.913 lượt người (số liệu do Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tổng Tham mưu cung cấp).

[29] Có 27.955.011 học sinh trung học phổ thông; 2.989.920 sinh viên trung cấp chuyên nghiệp; 5.686.256 sinh viên cao đẳng, đại học; 269.495 người thuộc các trường chính trị (số liệu do Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tổng Tham mưu cung cấp).

[30] Đào tạo cử nhân là 2.526 người; đào tạo văn bằng 2 là 1.832 người (số liệu do Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tổng Tham mưu cung cấp).

[31] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.243.

[32] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.51, tr.88.

[33] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.51, tr.111.

[34] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.55, tr.333.

[35] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.78, 79.

[36] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.66.

[37] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*,

Sđđ, tr.149.

[38] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđđ*, tr.69.

[39] Đào tạo trung cấp 17.615 đồng chí; cao đẳng 5.071 đồng chí; đại học 1.688 đồng chí.

[40] Tập huấn cho 1.867.919 cán bộ dân quân tự vệ; huấn luyện 243.450 cơ sở dân quân tự vệ với 12.511.140 cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ.

[41] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t.7, tr.356, 357.

[42] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t.37, tr.471.

[43] Số liệu do Cục Kinh tế, Bộ Quốc phòng cung cấp.

[44] Số liệu do Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị cung cấp.

[45] Số liệu do Cục Cứu hộ - Cứu nạn, Bộ Tổng Tham mưu cung cấp.

[46] Số liệu do Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị cung cấp.
